

Số: 1964/QĐ-QLĐT

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu
(lựa chọn nhà thầu) kỳ 01

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤU THẦU

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 15 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố các Thông tư tiếp tục có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu có hiệu lực thi hành;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý đấu thầu;

Căn cứ Tờ trình số 43/TTr-HTĐT ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu về việc ban hành Quyết định công nhận kết quả thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 01;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 01 theo danh sách nêu tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu có trách nhiệm đăng tải kết quả thi trên Hệ thống quản lý cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Điều 3. Các thí sinh đạt kỳ thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 01 được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 01, Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ST*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, HTĐT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Dương Huy Hoàng

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU KỲ 01
ĐIỂM THI HÀ NỘI (TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
1	01HN0001	Trần Hà An	16/01/2000	90	
2	01HN0002	Lương Thái An	01/02/1992	84,75	
3	01HN0003	Trần Thị An	09/07/1965	98	
4	01HN0004	Nguyễn Văn An	26/01/1982	91,75	
5	01HN0005	Đinh Quốc Ân	27/09/1978	95	
6	01HN0006	Nguyễn Diệp Anh	16/02/1989	100	
7	01HN0007	Bùi Đức Anh	04/10/2004	98,75	
8	01HN0008	Nguyễn Đức Anh	08/01/1985	100	
9	01HN0009	Trần Đức Anh	04/07/1994	85,75	
10	01HN0010	Nguyễn Hải Anh	25/10/1990	93,75	
11	01HN0011	Nguyễn Hoàng Anh	14/01/1979	100	
12	01HN0012	Trần Hoàng Anh	24/04/1998	84,75	
13	01HN0013	Nguyễn Thị Lan Anh	21/05/2002	95	
14	01HN0014	Lê Thị Mai Anh	18/03/1999	100	
15	01HN0015	Phạm Thị Minh Anh	14/09/1998	96,5	
16	01HN0016	Cao Ngọc Anh	16/09/1999	91,75	
17	01HN0017	Đỗ Ngọc Anh	13/06/2003	95,75	
18	01HN0018	Nguyễn Ngọc Anh	11/09/2000	96,5	
19	01HN0019	Nguyễn Bùi Ngọc Anh	14/04/2000	98,5	
20	01HN0020	Trần Ngọc Anh	15/08/2003	90,5	
21	01HN0021	Nguyễn Ngô Phương Anh	06/09/2000	57,75	
22	01HN0022	Trần Quang Anh	14/09/1993	97,25	
23	01HN0023	Đỗ Thế Anh	14/09/1980	74,5	
24	01HN0024	Trương Thế Anh	10/08/1979	35	
25	01HN0025	Nguyen Thi Anh	03/12/1983	96	
26	01HN0026	Nguyễn Trâm Anh	22/01/2001	-	Không thi
27	01HN0027	Nguyễn Trường Anh	02/08/1994	95	
28	01HN0028	Hoàng Tú Anh	05/11/1986	-	Không thi
29	01HN0029	Nguyễn Tú Anh	19/04/2001	100	
30	01HN0030	Vũ Tú Anh	06/11/1999	94	
31	01HN0031	Đỗ Tuấn Anh	01/07/1994	98,5	
32	01HN0032	Lê Tuấn Anh	21/06/1977	98,5	
33	01HN0033	Nghiêm Minh Tuấn Anh	20/09/1987	91,75	
34	01HN0034	Nguyễn Tuấn Anh	08/03/1999	72,25	
35	01HN0035	Nguyễn Tá Tuấn Anh	03/09/1984	75	
36	01HN0036	Trần Tuấn Anh	03/10/1994	90,75	
37	01HN0037	Vũ Tuấn Anh	02/09/1992	87,75	
38	01HN0038	Nguyễn Tuyết Anh	30/03/1984	96,5	
39	01HN0039	Nguyễn Việt Anh	17/08/1991	98	
40	01HN0040	Bùi Vũ Anh	20/11/1978	95,25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
41	01HN0041	Lê Huy Ánh	06/03/1988	94	
42	01HN0042	Chu Ngọc Ánh	28/06/1995	-	Không thi
43	01HN0043	Đoàn Thị Ngọc Ánh	17/10/1992	100	
44	01HN0044	Vũ Thị Nguyệt Ánh	09/09/1989	83,25	
45	01HN0045	Đặng Thị Ánh	02/11/1981	95	
46	01HN0046	Nguyễn Thị Ánh	04/10/1995	93,5	
47	01HN0047	Nguyễn Xuân Bách	20/05/1989	88,25	
48	01HN0048	Ngô Hà Bắc	06/08/1986	95,25	
49	01HN0049	Nguyễn Hữu Bắc	01/03/1989	98,5	
50	01HN0050	Nguyễn Văn Bắc	18/03/1980	92,75	
51	01HN0051	Vũ Chấn Bang	20/09/1982	77,5	
52	01HN0052	Bùi Đức Bằng	21/07/1985	91,75	
53	01HN0053	Nguyễn Chí Bằng	08/08/1983	94	
54	01HN0054	Lại Duy Bằng	18/07/1997	95,75	
55	01HN0055	Trần Hữu Bằng	17/05/1992	100	
56	01HN0056	Vũ Hoàng Bảo	17/07/1990	97,25	
57	01HN0057	Đặng Thị Bảy	07/04/1997	90,25	
58	01HN0058	Nguyễn Thị Ngọc Bích	31/10/1994	93	
59	01HN0059	Vũ Văn Biên	10/11/1982	91,5	
60	01HN0060	Khúc Thị An Bình	06/01/1974	71,5	
61	01HN0061	Bùi Quang Bình	16/04/1980	84,25	
62	01HN0062	Lê Thị Thanh Bình	22/08/1999	98,5	
63	01HN0063	Nguyễn Thanh Bình	14/04/1990	95	
64	01HN0064	Nguyễn Thanh Bình	16/07/1976	96,75	
65	01HN0065	Trần Thanh Bình	15/09/1998	93,5	
66	01HN0066	Trần Thị Thanh Bình	25/12/1985	96,5	
67	01HN0067	Nguyễn Thị Bình	07/06/1999	100	
68	01HN0068	Nguyễn Thị Bình	02/03/1986	81,25	
69	01HN0069	Trần Thị Bình	20/05/1979	81,5	
70	01HN0070	Nguyễn Văn Bình	04/02/1979	92	
71	01HN0071	Bùi An Cảnh	11/02/1990	100	
72	01HN0072	Nguyễn Đức Cảnh	30/04/1990	88,75	
73	01HN0073	Lương Minh Cảnh	26/12/1992	35,75	
74	01HN0074	Dương Thanh Cảnh	05/09/1982	94,5	
75	01HN0075	Tô Châu	01/09/1975	97,25	
76	01HN0076	Nguyễn Thị Diễm Chi	28/08/1980	97	
77	01HN0077	Đàm Hồng Chi	30/03/1983	93,75	
78	01HN0078	Vũ Thị Linh Chi	26/04/1997	98,5	
79	01HN0079	Nguyễn Mai Chi	06/01/1994	93,75	
80	01HN0080	Đỗ Thị Quỳnh Chi	20/08/1985	88,25	
81	01HN0081	Nguyễn Anh Chiến	30/08/1972	98,5	
82	01HN0082	Trịnh Duy Chiến	10/08/2002	87,75	
83	01HN0083	Đoàn Mạnh Chiến	24/04/1982	90,5	
84	01HN0084	Đinh Văn Chiến	15/08/2000	98	
85	01HN0085	Nguyễn Đình Chinh	03/08/1979	50,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
86	01HN0086	Triệu Thị Thuý Chinh	17/08/1987	96,5	
87	01HN0087	Nguyễn Thị Tuyết Chinh	31/10/1991	96,5	
88	01HN0088	Phạm Xuân Chính	07/03/1984	93,25	
89	01HN0089	Nguyễn Thị Thanh Chúc	03/11/2002	98,5	
90	01HN0090	Hoàng Đức Chung	24/09/1991	94,75	
91	01HN0091	Vũ Minh Chung	01/12/1986	62	
92	01HN0092	Nguyễn Thị Thủy Chung	21/11/1987	98,5	
93	01HN0093	Hoàng Văn Chương	10/09/1993	97,25	
94	01HN0094	Vũ Chí Công	29/10/1984	65	
95	01HN0095	Cần Thành Công	25/08/1984	96	
96	01HN0096	Nguyễn Thành Công	28/06/1985	97,25	
97	01HN0097	Nguyễn Thành Công	06/02/1996	88,5	
98	01HN0098	Phạm Thành Công	15/01/1979	95,25	
99	01HN0099	Hoàng Văn Công	21/12/1984	95,25	
100	01HN0100	Dương Xuân Công	24/10/1999	83,75	
101	01HN0101	Nguyễn Văn Cung	05/02/1981	92,75	
102	01HN0102	Đỗ Đức Cường	05/03/1990	96,5	
103	01HN0103	Mai Hùng Cường	11/11/1986	96,5	
104	01HN0104	Ngô Hùng Cường	08/05/1986	85,25	
105	01HN0105	Lại Huy Cường	27/08/1983	80	
106	01HN0106	Nguyễn Huy Cường	10/04/1983	76,25	
107	01HN0107	Nguyễn Mạnh Cường	19/11/1980	86	
108	01HN0108	Nguyễn Mạnh Cường	19/03/1983	93,5	
109	01HN0109	Nguyễn Mạnh Cường	19/11/1980	98,75	
110	01HN0110	Trần Mạnh Cường	09/01/1995	90,25	
111	01HN0111	Phạm Ngọc Cường	09/07/1985	86,25	
112	01HN0112	Trần Ngọc Cường	15/09/1977	98,5	
113	01HN0113	Trần Cường	08/08/1984	76,5	
114	01HN0114	Hoàng Văn Cường	26/03/1979	93,5	
115	01HN0115	Nguyễn Văn Cường	08/06/1990	96,5	
116	01HN0116	Hà Việt Cường	04/02/1983	98,5	
117	01HN0117	Nguyễn Việt Cường	30/10/1990	90,25	
118	01HN0118	Nguyễn Trọng Đại	25/07/1989	93,25	
119	01HN0119	Đinh Văn Đại	20/06/1977	85,75	
120	01HN0120	Nguyễn Văn Đạm	08/08/1993	98,75	
121	01HN0121	Lê Hồng Dân	13/12/1984	90,75	
122	01HN0122	Trịnh Văn Dân	22/08/1991	95,25	
123	01HN0123	Đỗ Hải Đăng	08/05/1989	95,75	
124	01HN0124	Lê Quang Đạo	10/07/1997	48,5	
125	01HN0125	Trần Quang Đạo	06/11/1978	90,75	
126	01HN0126	Phan Thành Đạt	30/12/1989	86,75	
127	01HN0127	Vũ Thành Đạt	17/05/1996	95,75	
128	01HN0128	Đỗ Tiến Đạt	01/12/1995	88	
129	01HN0129	Nguyễn Tiến Đạt	19/06/1990	84	
130	01HN0130	Lương Xuân Đạt	19/09/1992	97	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
131	01HN0131	Dương Kim Diên	29/03/1980	94,75	
132	01HN0132	Trần Văn Diên	04/02/1978	92,5	
133	01HN0133	Nguyễn Thiên Điền	06/03/1991	93,5	
134	01HN0134	Trịnh Bích Diệp	14/09/1978	98,5	
135	01HN0135	Ma Thị Hương Diệp	16/01/1993	100	
136	01HN0136	Trần Văn Diệp	01/01/1983	93	
137	01HN0137	Đỗ Văn Diệp	06/01/1984	96,5	
138	01HN0138	Trương Văn Diệp	26/11/1985	98,5	
139	01HN0139	Nguyễn Văn Diệu	02/08/1986	84,25	
140	01HN0140	Lưu Thị Dinh	27/06/1991	100	
141	01HN0141	Đàm Đức Đô	26/02/1988	95,5	
142	01HN0142	Lê Xuân Độ	12/04/1987	96,5	
143	01HN0143	Nguyễn Văn Đoái	20/04/1982	100	
144	01HN0144	Vũ Thị Doan	23/09/1990	98,75	
145	01HN0145	Trần Khánh Đoàn	06/07/1968	95,25	
146	01HN0146	Bùi Quốc Đoàn	15/10/1976	92,5	
147	01HN0147	Trương Hữu Đông	22/04/1982	98,5	
148	01HN0148	Nguyễn Việt Đông	19/04/1981	100	
149	01HN0149	Nguyễn Anh Đức	21/08/1985	98,75	
150	01HN0150	Nguyễn Bảo Đức	23/07/1999	98,5	
151	01HN0151	Hoàng Đình Đức	01/10/1985	96,75	
152	01HN0152	Phạm Hồng Đức	11/03/1990	93,25	
153	01HN0153	Đặng Thị Minh Đức	13/04/1983	92,75	
154	01HN0154	Nguyễn Minh Đức	30/11/1990	81,75	
155	01HN0155	Nguyễn Minh Đức	04/05/1984	98	
156	01HN0156	Nguyễn Minh Đức	08/07/1987	98,75	
157	01HN0157	Trần Minh Đức	28/07/1972	90,25	
158	01HN0158	Vũ Minh Đức	20/10/1989	94,5	
159	01HN0159	Bùi Ngọc Đức	01/12/1983	97,25	
160	01HN0160	Phạm Nhật Đức	26/10/1996	100	
161	01HN0161	Bế Trung Đức	31/12/1992	96,5	
162	01HN0162	Đặng Tuấn Đức	14/10/2001	100	
163	01HN0163	Lê Thị Hải Dung	16/10/1980	93,75	
164	01HN0164	Đinh Phương Dung	18/12/1989	98	
165	01HN0165	Lê Thị Dung	16/12/1983	95,75	
166	01HN0166	Phạm Anh Dũng	23/09/1998	89,75	
167	01HN0167	Lương Minh Dũng	01/12/2001	100	
168	01HN0168	Lê Quang Dũng	29/10/1976	92,5	
169	01HN0169	Trương Quang Dũng	06/06/1979	98,75	
170	01HN0170	Bùi Quốc Dũng	07/08/1996	97,25	
171	01HN0171	Vũ Quốc Dũng	19/06/1988	85,75	
172	01HN0172	Vũ Thế Dũng	28/03/1981	90,5	
173	01HN0173	Lại Tiến Dũng	03/10/1989	91,75	
174	01HN0174	Lê Tiến Dũng	12/05/1999	-	Không thi
175	01HN0175	Phan Tiến Dũng	02/01/2000	65	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
176	01HN0176	Đặng Trung Dũng	10/12/2000	46	
177	01HN0177	Điền Văn Dũng	14/05/1982	88,5	
178	01HN0178	Nguyễn Văn Dũng	22/01/1982	95,75	
179	01HN0179	Nguyễn Văn Dũng	13/01/1987	85,75	
180	01HN0180	Tô Văn Dũng	09/10/1980	97,5	
181	01HN0181	Nguyễn Việt Dũng	29/03/1988	90,25	
182	01HN0182	Ngô Đại Dương	01/11/1994	92,75	
183	01HN0183	Hoàng Đình Dương	10/03/1984	86,75	
184	01HN0184	Lê Minh Dương	25/11/2001	92	
185	01HN0185	Nguyễn Thị Dương	24/03/2001	94,25	
186	01HN0186	Đào Thuỳ Dương	26/05/1983	98	
187	01HN0187	Bạch Văn Dương	04/12/1994	98	
188	01HN0188	Phạm Văn Dưỡng	02/02/1985	89	
189	01HN0189	Đàm Chí Duy	03/10/1987	98	
190	01HN0190	Đồng Đức Duy	14/11/1988	100	
191	01HN0191	Hoàng Khắc Duy	30/03/1983	71,75	
192	01HN0192	Trần Ngọc Duy	09/10/1992	87,5	
193	01HN0193	Ngô Quang Duy	24/06/1989	74,75	
194	01HN0194	Đỗ Thị Duyên	12/11/1981	93	
195	01HN0195	Đoàn Thị Duyên	07/07/1990	-	Không thi
196	01HN0196	Vũ Thị Duyên	26/06/1997	92,5	
197	01HN0197	Phạm Vũ Duyệt	13/10/1992	98,5	
198	01HN0198	Nguyễn Thị Gấm	05/11/1985	97,5	
199	01HN0199	Đồng Anh Giang	22/07/1987	96,75	
200	01HN0200	Tô Châu Giang	21/10/1978	96,5	
201	01HN0201	Phạm Đức Giang	18/04/1994	96,5	
202	01HN0202	Trần Hà Giang	13/08/1993	85,75	
203	01HN0203	Trần Hương Giang	03/11/1995	94,75	
204	01HN0204	Trần Long Giang	03/09/1975	92,25	
205	01HN0205	Lê Thanh Giang	13/11/1999	95,75	
206	01HN0206	Phạm Thu Giang	03/02/2003	88,75	
207	01HN0207	Mai Công Trà Giang	18/10/1987	68,25	
208	01HN0208	Phạm Văn Giang	03/01/1992	97,25	
209	01HN0209	Nguyễn Hải Hà	23/02/1984	95,25	
210	01HN0210	Vũ Mạnh Hà	01/04/1985	97,25	
211	01HN0211	Nguyễn Nhật Hà	06/11/1978	77,25	
212	01HN0212	Bùi Quang Hà	19/01/1981	97,25	
213	01HN0213	Vũ Thị Hà	20/06/1978	90	
214	01HN0214	Nguyễn Thị Thu Hà	20/08/1998	58	
215	01HN0215	Trần Thị Thu Hà	10/10/1988	95	
216	01HN0216	Tổng Việt Hà	30/08/1982	98,75	
217	01HN0217	Nguyễn Lin Hai	05/09/1974	74,5	
218	01HN0218	Nguyễn Bá Hải	15/09/1992	69,5	
219	01HN0219	Đào Thị Bích Hải	09/03/1985	91,25	
220	01HN0220	Lê Đình Hải	08/08/1981	96	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
221	01HN0221	Bùi Hoàng Hải	16/04/1995	100	
222	01HN0222	Trịnh Hồng Hải	01/10/1984	98	
223	01HN0223	Trần Huy Hải	07/07/1988	98,5	
224	01HN0224	Phạm Minh Hải	22/10/1978	74	
225	01HN0225	Nguyễn Ngọc Hải	03/09/1981	92	
226	01HN0226	Trần Ninh Hải	17/05/1981	98,5	
227	01HN0227	Bùi Thanh Hải	24/12/1974	95,25	
228	01HN0228	Lê Thanh Hải	06/01/1979	94,25	
229	01HN0229	Nguyễn Thanh Hải	13/03/1990	96,5	
230	01HN0230	Bùi Thế Hải	14/09/1993	96	
231	01HN0231	Hoàng Trọng Hải	16/07/1981	68,75	
232	01HN0232	Nguyễn Từ Hải	06/07/1984	78	
233	01HN0233	Bùi Văn Hải	25/08/1984	93,5	
234	01HN0234	Nguyễn Xuân Hải	07/12/1973	89,5	
235	01HN0235	Vũ Thị Bích Hằng	19/12/1977	96	
236	01HN0236	Nguyễn Thị Lệ Hằng	20/12/1990	100	
237	01HN0237	Đặng Minh Hằng	27/12/1990	98,5	
238	01HN0238	Trần Thị Minh Hằng	29/09/1992	97,25	
239	01HN0239	Vũ Minh Hằng	08/02/1988	100	
240	01HN0240	Hoàng Thị Hằng	12/03/1991	100	
241	01HN0241	Lương Thị Hằng	12/03/1991	96,5	
242	01HN0242	Nguyễn Thị Hằng	27/03/1979	96	
243	01HN0243	Nguyễn Thị Hằng	10/03/1997	98,5	
244	01HN0244	Vũ Thị Hằng	14/11/1994	100	
245	01HN0245	Lê Thị Thuý Hằng	27/06/2000	96,75	
246	01HN0246	Nguyễn Thuý Hằng	07/08/1990	100	
247	01HN0247	Bùi Đức Hạnh	02/10/1986	98,5	
248	01HN0248	Ngô Thị Hồng Hạnh	09/07/1982	100	
249	01HN0249	Vũ Thị Hồng Hạnh	01/03/1985	97,5	
250	01HN0250	Vũ Thị Hồng Hạnh	14/04/1981	96,75	
251	01HN0251	Lê Minh Hạnh	28/10/1992	91,5	
252	01HN0252	Đặng Thị Mỹ Hạnh	26/09/1981	96	
253	01HN0253	Nguyễn Thị Hạnh	17/10/1986	98	
254	01HN0254	Nguyễn Thị Bích Hảo	05/08/1971	89,25	
255	01HN0255	Ngô Phương Hảo	26/09/1981	100	
256	01HN0256	Phạm Thị Hảo	27/09/1982	98,75	
257	01HN0257	Nguyễn Quang Hậu	12/12/1986	98	
258	01HN0258	Nguyễn Thị Hậu	02/09/1997	88	
259	01HN0259	Đỗ Thanh Hiền	26/09/1981	88	
260	01HN0260	Trần Minh Hiền	28/10/2001	91,75	
261	01HN0261	Bùi Thị Hiền	20/04/2002	100	
262	01HN0262	Vũ Thị Hiền	03/02/1981	93	
263	01HN0263	Đặng Thị Thu Hiền	20/11/1988	93,75	
264	01HN0264	Đồng Thị Thu Hiền	23/10/1977	87,75	
265	01HN0265	Lê Thu Hiền	18/11/1980	98	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
266	01HN0266	Lê Thị Thu Hiền	23/03/1988	98,75	
267	01HN0267	Nguyễn Thu Hiền	13/10/1975	-	Không thi
268	01HN0268	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/11/1978	60,75	
269	01HN0269	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/06/1995	98	
270	01HN0270	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/03/1990	96,75	
271	01HN0271	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/08/1971	100	
272	01HN0272	Bùi Thị Minh Hiền	12/08/1976	100	
273	01HN0273	Bùi Quang Hiền	29/10/1993	45,5	
274	01HN0274	Vũ Trung Hiền	02/05/1974	92,75	
275	01HN0275	Quách Hoàng Hiệp	20/04/1996	100	
276	01HN0276	Mạc Hồng Hiệp	03/12/1998	96,5	
277	01HN0277	Phan Nguyễn Ngọc Hiệp	22/10/1983	97	
278	01HN0278	Phan Thị Hiệp	06/05/1990	97,5	
279	01HN0279	Bùi Văn Hiệp	03/02/1990	87,25	
280	01HN0280	Nguyễn Văn Hiệp	04/08/1990	60,25	
281	01HN0281	Nguyễn Văn Hiệp	02/06/1994	98,5	
282	01HN0282	Đinh Công Hiếu	28/05/1994	96,5	
283	01HN0283	Lê Đình Hiếu	21/09/1986	100	
284	01HN0284	Nguyễn Đức Hiếu	29/11/1987	92,25	
285	01HN0285	Đàm Duy Hiếu	22/05/1995	96,75	
286	01HN0286	Mai Khắc Hiếu	10/10/2000	67	
287	01HN0287	Nguyễn Minh Hiếu	18/04/1980	89,5	
288	01HN0288	Nguyễn Lê Minh Hiếu	24/06/2000	83,25	
289	01HN0289	Trần Minh Hiếu	24/04/1998	98,75	
290	01HN0290	Phạm Ngọc Hiếu	25/11/1988	82,25	
291	01HN0291	Nguyễn Trung Hiếu	28/10/1985	96,5	
292	01HN0292	Phạm Trung Hiếu	10/03/1999	94,5	
293	01HN0293	Trần Trung Hiếu	05/02/1992	-	Không thi
294	01HN0294	Nguyễn Hữu Hiệu	20/07/1974	93	
295	01HN0295	Phạm Xuân Hiệu	04/09/1973	95	
296	01HN0296	Vũ Thị Mai Hoa	28/01/2000	91,75	
297	01HN0297	Nguyễn Mỹ Hoa	06/10/1998	97,25	
298	01HN0298	Đoàn Thị Hoa	15/07/1991	91,75	
299	01HN0299	Đoàn Thị Hoa	13/03/1985	94	
300	01HN0300	Lê Thị Hoa	02/11/1996	98,5	
301	01HN0301	Nguyễn Thị Hoa	01/09/1991	91	
302	01HN0302	Lưu Xuân Hoà	23/02/1986	94	
303	01HN0303	Nguyễn Thị Hóa	16/04/1988	79	
304	01HN0304	Hoàng Mạnh Hòa	28/05/1979	96,5	
305	01HN0305	Nguyễn Quý Hòa	31/08/1999	89	
306	01HN0306	Ngô Thị Hòa	16/12/1996	98,75	
307	01HN0307	Ngô Thị Hòa	15/12/1996	98	
308	01HN0308	Khổng Trọng Hòa	15/12/1992	83,75	
309	01HN0309	Dương Văn Hòa	20/10/1975	98,5	
310	01HN0310	Nguyễn Văn Hòa	08/11/1988	74,25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
311	01HN0311	Mai Xuân Hòa	01/06/1987	91,75	
312	01HN0312	Bùi Thị Hoài	28/08/1998	90,75	
313	01HN0313	Ngô Dương Hoan	05/02/1982	89,25	
314	01HN0314	Lê Thị Hoan	03/03/1974	96,75	
315	01HN0315	Nguyễn Khải Hoàn	24/04/1980	96,5	
316	01HN0316	Nguyễn Khải Hoàn	17/03/1974	98,5	
317	01HN0317	Đoàn Thị Khánh Hoàn	03/10/1982	91,25	
318	01HN0318	Nguyễn Mạnh Hoàn	13/04/1994	98,5	
319	01HN0319	Vũ Minh Hoàn	24/07/1988	94,5	
320	01HN0320	Hoàng Văn Hoàn	21/01/1987	84	
321	01HN0321	Lê Văn Hoàn	24/07/1975	87,25	
322	01HN0322	Nguyễn Hà Hoàng	20/03/1984	92,5	
323	01HN0323	Nguyễn Hiệp Hoàng	09/05/2002	66,25	
324	01HN0324	Vũ Huy Hoàng	10/06/1995	97,25	
325	01HN0325	Hồ Khắc Hoàng	01/06/1988	98,75	
326	01HN0326	Phạm Thanh Hoàng	25/06/1991	89	
327	01HN0327	Nguyễn Tiến Hoàng	22/01/1979	92,5	
328	01HN0328	Nguyễn Tuấn Hoàng	12/02/1990	91,5	
329	01HN0329	Nguyễn Việt Hoàng	13/12/1997	-	Không thi
330	01HN0330	Trịnh Viết Hồi	26/09/1982	93,25	
331	01HN0331	Nguyễn Đức Hội	08/01/1983	80	
332	01HN0332	Hoàng Xuân Hội	01/04/1983	79	
333	01HN0333	Phạm Đức Hợi	30/04/1995	87,25	
334	01HN0334	Nguyễn Thị Hợi	10/02/1989	95,5	
335	01HN0335	Vũ Thị Hạnh Hồng	08/11/1990	100	
336	01HN0336	Lê Thị Hồng	05/11/1991	98	
337	01HN0337	Trương Thị Thu Hồng	27/06/1996	91,25	
338	01HN0338	Vũ Đức Huân	02/10/1986	83,5	
339	01HN0339	Trịnh Minh Huân	13/11/1992	85,25	
340	01HN0340	Trần Văn Huân	01/01/1993	97,25	
341	01HN0341	Vũ Xuân Huân	25/11/1992	88,75	
342	01HN0342	Biện Thị Huê	10/01/1997	91,75	
343	01HN0343	Nguyễn Thị Huế	15/05/1987	94	
344	01HN0344	Vũ Thị Huế	15/03/1994	98,5	
345	01HN0345	Đặng Thị Minh Huê	05/12/1992	82	
346	01HN0346	Nguyễn Thị Huê	20/06/1990	98	
347	01HN0347	Nguyễn Thị Huê	06/11/1989	83,25	
348	01HN0348	Nguyễn Cảnh Hùng	25/05/1981	93,5	
349	01HN0349	Phạm Duy Hùng	02/07/1977	89,5	
350	01HN0350	Diệp Hữu Hùng	29/01/1986	98,75	
351	01HN0351	Nguyễn Huy Hùng	01/06/1977	100	
352	01HN0352	Đào Văn Hùng	20/11/1989	95	
353	01HN0353	Đinh Văn Hùng	28/10/1992	96,5	
354	01HN0354	Nguyễn Văn Hùng	26/11/1989	92,75	
355	01HN0355	Hoàng Việt Hùng	11/02/1997	92,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
356	01HN0356	Nguyễn Bá Hưng	20/01/1997	86	
357	01HN0357	Trần Duy Hưng	30/01/1985	98	
358	01HN0358	Nguyễn Mạnh Hưng	01/01/1989	98,75	
359	01HN0359	Phạm Mạnh Hưng	19/05/1980	97,25	
360	01HN0360	Đào Minh Hưng	02/11/1989	95	
361	01HN0361	Trần Ngọc Hưng	03/02/1984	89,75	
362	01HN0362	Hoàng Quốc Hưng	30/04/1978	88	
363	01HN0363	Vũ Quốc Hưng	04/10/1992	97,25	
364	01HN0364	Trần Thế Hưng	18/07/1987	91	
365	01HN0365	Triệu Tuấn Hưng	20/06/1982	88	
366	01HN0366	Vũ Văn Hưng	16/12/1986	97,25	
367	01HN0367	Nguyễn Việt Hưng	21/07/1986	98,5	
368	01HN0368	Đặng Việt Hưng	11/01/1994	92,25	
369	01HN0369	Đồng Việt Hưng	17/08/1977	92,75	
370	01HN0370	Nguyễn Xuân Hưng	04/03/1992	98	
371	01HN0371	Nguyễn Xuân Hưng	04/07/1998	95,5	
372	01HN0372	Lưu Duyên Hương	17/10/1985	98,5	
373	01HN0373	Lê Thị Lan Hương	07/07/1980	94,75	
374	01HN0374	Lê Thị Như Hương	05/07/2001	98	
375	01HN0375	Nguyễn Thanh Hương	07/10/1982	75,5	
376	01HN0376	Nguyễn Thị Thanh Hương	01/10/1981	73,25	
377	01HN0377	Nguyễn Thị Hương	27/08/2000	91	
378	01HN0378	Lò Văn Hương	10/10/1988	91,25	
379	01HN0379	Kim Thanh Hường	24/02/1998	100	
380	01HN0380	Nguyễn Thị Hường	10/09/1987	74	
381	01HN0381	Nguyễn Thị Hường	12/11/1977	94,5	
382	01HN0382	Vũ Thị Hường	28/01/1984	93,25	
383	01HN0383	Nguyễn Thu Hường	30/12/1991	98	
384	01HN0384	Ngô Đăng Hường	07/12/1988	89,5	
385	01HN0385	Ngô Văn Hường	04/03/1996	93,5	
386	01HN0386	Nguyễn Khắc Hữu	31/12/1987	89,25	
387	01HN0387	Nguyễn Cao Huy	25/08/1982	94,5	
388	01HN0388	Đoàn Ngọc Huy	18/06/1972	87	
389	01HN0389	Nguyễn Tuấn Huy	29/07/1974	97,25	
390	01HN0390	Nguyễn Thị Bảo Huyền	26/12/1985	98,75	
391	01HN0391	Hoàng Thị Khánh Huyền	18/04/1997	98	
392	01HN0392	Lê Khánh Huyền	17/03/1982	98,5	
393	01HN0393	Phạm Thị Ngọc Huyền	29/10/1991	100	
394	01HN0394	Đào Thị Thanh Huyền	27/10/1974	98,75	
395	01HN0395	Ngô Thị Thanh Huyền	02/12/1978	92,5	
396	01HN0396	Nguyễn Thanh Huyền	01/05/1989	98,5	
397	01HN0397	Phan Thanh Huyền	04/01/2000	98,75	
398	01HN0398	Trần Thị Thanh Huyền	23/07/1986	92,5	
399	01HN0399	Lại Thị Huyền	18/09/1988	86	
400	01HN0400	Nguyễn Thị Thu Huyền	31/10/1994	92,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
401	01HN0401	Nguyễn Thị Thu Huyền	16/11/1989	93,5	
402	01HN0402	Nguyễn Danh Huỳnh	23/12/1986	88,25	
403	01HN0403	Hoàng Xuân Huỳnh	16/09/1991	93,75	
404	01HN0404	Bùi Ngọc Khanh	14/06/1990	100	
405	01HN0405	Trần Bình Khánh	06/09/1982	93,75	
406	01HN0406	Nguyễn Đức Khánh	30/06/1990	100	
407	01HN0407	Vương Duy Khánh	02/03/1986	76,25	
408	01HN0408	Hà Nam Khánh	05/12/1992	95,5	
409	01HN0409	Đỗ Ngọc Khánh	12/08/1993	47	
410	01HN0410	Hà Ngọc Khánh	05/04/2001	88,25	
411	01HN0411	Phạm Thị Khánh	16/12/1993	100	
412	01HN0412	Khổng Trọng Khánh	16/07/1984	85,5	
413	01HN0413	Ma Đình Khiêm	20/01/1992	96,25	
414	01HN0414	Nguyễn Đức Khiêm	21/06/1995	93,75	
415	01HN0415	Lê Minh Khiêm	11/01/1974	94,25	
416	01HN0416	Nguyễn Như Khiêm	18/11/1988	-	Không thi
417	01HN0417	Nguyễn Đăng Khoa	09/08/1991	100	
418	01HN0418	Nhữ Văn Khoa	05/10/1994	97,25	
419	01HN0419	Trịnh Xuân Khoa	10/07/1980	96,75	
420	01HN0420	Nguyễn Mạnh Khôi	28/06/2001	100	
421	01HN0421	Vương Đình Khởi	04/01/2000	95,75	
422	01HN0422	Nguyễn Khuyến	05/05/1974	95,25	
423	01HN0423	Trương Ngọc Kiên	06/07/1986	91	
424	01HN0424	Trần Quang Kiên	04/12/1996	98,5	
425	01HN0425	Nguyễn Thành Kiên	21/09/1981	94	
426	01HN0426	Nguyễn Tiến Kiên	29/01/1983	89,25	
427	01HN0427	Đinh Trung Kiên	12/03/1982	98,5	
428	01HN0428	Nguyễn Trung Kiên	27/07/1983	97,25	
429	01HN0429	Trần Trung Kiên	18/12/1998	70,5	
430	01HN0430	Nguyễn Hữu Lạc	26/04/1965	88,5	
431	01HN0431	Khổng Thị Thanh Lam	09/07/1990	83,75	
432	01HN0432	Lê Đức Lâm	06/01/1993	56,25	
433	01HN0433	Lê Tùng Lâm	27/07/1980	91	
434	01HN0434	Trần Viết Lâm	24/08/1974	76,25	
435	01HN0435	Phạm Thị Kiều Lan	04/07/1995	89,25	
436	01HN0436	Chu Thị Phương Lan	24/01/1981	95,25	
437	01HN0437	Phạm Thị Lan	13/09/1993	97	
438	01HN0438	Hoàng Thúy Lan	26/10/1984	49,75	
439	01HN0439	Hà Tú Lan	13/09/1987	93,5	
440	01HN0440	Mai Thị Tuyết Lan	02/09/1977	100	
441	01HN0441	Phạm Hoàng Lâm	14/07/1981	100	
442	01HN0442	Vũ Hoàng Lâm	19/01/1982	63,75	
443	01HN0443	Nguyễn Thị Lành	24/04/1996	100	
444	01HN0444	Nông Thị Lệ	04/01/1993	92,25	
445	01HN0445	Phạm Thị Lệ	24/10/1997	91,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
446	01HN0446	Trần Thị Lịch	04/06/1988	98,5	
447	01HN0447	Chu Đức Liêm	04/01/1990	100	
448	01HN0448	Phạm Thanh Liêm	30/10/1987	94,75	
449	01HN0449	Hà Văn Liêm	08/08/1989	94,25	
450	01HN0450	Nguyễn Phương Liên	29/04/1977	98,75	
451	01HN0451	Dương Thị Thùy Liên	15/03/2000	97,25	
452	01HN0452	Nguyễn Diệu Linh	04/09/1998	88,25	
453	01HN0453	Cao Thị Hoài Linh	13/11/1996	100	
454	01HN0454	Đoàn Hồng Linh	24/11/1991	98,5	
455	01HN0455	Nguyễn Khánh Linh	07/06/2003	88,75	
456	01HN0456	Nguyễn Khánh Linh	23/10/2001	98,5	
457	01HN0457	Đỗ Mạnh Linh	02/05/1990	86,5	
458	01HN0458	Vũ Ngọc Linh	23/02/1975	80,5	
459	01HN0459	Hoàng Thị Phương Linh	20/01/1976	89	
460	01HN0460	Lê Thị Phương Linh	16/07/1998	100	
461	01HN0461	Bùi Thị Thùy Linh	06/07/1988	96	
462	01HN0462	Lê Thùy Linh	22/08/1994	97	
463	01HN0463	Vũ Thị Thùy Linh	07/09/1982	100	
464	01HN0464	Vũ Thị Thùy Linh	03/12/1994	94,75	
465	01HN0465	Nguyễn Thị Tú Linh	10/02/2000	98	
466	01HN0466	Bùi Tuấn Linh	25/09/1996	94	
467	01HN0467	Nguyễn Thị Hồng Loan	18/12/1975	88,5	
468	01HN0468	Vũ Ngọc Loan	04/08/1987	88,75	
469	01HN0469	Bùi Phương Loan	21/06/1979	97,25	
470	01HN0470	Cao Hoàng Lộc	21/10/1982	96,5	
471	01HN0471	Nguyễn Tiến Lộc	16/08/1982	91,25	
472	01HN0472	Phạm Công Lợi	15/04/1993	77	
473	01HN0473	Hoàng Thắng Lợi	02/01/1975	100	
474	01HN0474	Lưu Châu Long	19/12/2003	89,75	
475	01HN0475	Lê Chí Long	15/05/1990	96,75	
476	01HN0476	Trần Đăng Long	02/09/1966	98,75	
477	01HN0477	Đỗ Đức Long	10/07/2000	96,75	
478	01HN0478	Trần Đức Long	09/03/1993	94	
479	01HN0479	Nguyễn Duy Long	04/08/1992	96	
480	01HN0480	Bùi Hoàng Long	12/03/2000	71	
481	01HN0481	Nguyễn Hoàng Long	10/06/1981	95,75	
482	01HN0482	Vũ Hoàng Long	29/07/2000	100	
483	01HN0483	Phạm Phi Long	30/11/1978	94	
484	01HN0484	Nguyễn Quang Long	01/02/1997	96,75	
485	01HN0485	Trần Quang Long	30/08/1998	95,75	
486	01HN0486	Ngô Thiệu Long	12/02/1982	78	
487	01HN0487	Nguyễn Tiến Long	03/04/1997	96,5	
488	01HN0488	Đinh Văn Long	19/03/1995	-	Không thi
489	01HN0489	Nguyễn Văn Long	02/08/1969	79,75	
490	01HN0490	Hoàng Xuân Long	03/05/1988	78	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
491	01HN0491	Lê Thị Lua	07/03/1997	98,5	
492	01HN0492	Nguyễn Thế Lương	03/06/1973	100	
493	01HN0493	Đinh Thị Lương	21/05/1982	84,5	
494	01HN0494	Nguyễn Vũ Lượng	17/09/1989	89,75	
495	01HN0495	Dương Đình Luyện	17/11/1984	95,75	
496	01HN0496	Nguyễn Khánh Ly	28/05/1984	94	
497	01HN0497	Nguyễn Hương Lan Ly	27/04/1995	81,75	
498	01HN0498	Vũ Mai Ly	11/07/1983	100	
499	01HN0499	Nguyễn Phương Ly	21/05/1998	100	
500	01HN0500	Vũ Thị Lý	13/10/1986	95,75	
501	01HN0501	Tổng Hoàng Mai	24/12/1997	98,75	
502	01HN0502	Phí Thị Như Mai	05/09/1980	97,25	
503	01HN0503	Đặng Thị Mai	08/03/1989	93,25	
504	01HN0504	Nguyễn Thị Mai	04/09/1985	91,5	
505	01HN0505	Phạm Thị Mai	20/08/1985	98,5	
506	01HN0506	Quách Thị Mai	22/04/1992	95,25	
507	01HN0507	Lê Thị Tuyết Mai	16/11/1983	100	
508	01HN0508	Lê Đức Mạnh	08/04/1995	78,5	
509	01HN0509	Nguyễn Thế Mạnh	28/09/1988	86	
510	01HN0510	Hoàng Tiến Mạnh	01/11/1995	90,5	
511	01HN0511	Đào Văn Mạnh	23/01/1983	98,75	
512	01HN0512	Đỗ Văn Mạnh	25/09/1983	95,25	
513	01HN0513	Nguyễn Văn Mạnh	07/11/1986	95	
514	01HN0514	Lê Đức Minh	31/10/1973	90,25	
515	01HN0515	Lê Thị Hồng Minh	06/11/1978	80,75	
516	01HN0516	Liêu Hồng Minh	04/05/1982	100	
517	01HN0517	Đào Lê Minh	30/06/1979	55,25	
518	01HN0518	Nguyễn Phú Minh	21/10/1985	97,25	
519	01HN0519	Nguyễn Quang Minh	12/12/1990	96,5	
520	01HN0520	Bùi Thị Minh	10/01/1984	95,25	
521	01HN0521	Nguyễn Thị Minh	05/04/1987	98	
522	01HN0522	Nguyễn Tuấn Minh	01/05/1986	78	
523	01HN0523	Nguyễn Văn Minh	21/06/1993	98,5	
524	01HN0524	Nguyễn Văn Minh	10/02/1991	94,25	
525	01HN0525	Phạm Văn Minh	10/03/1994	94,5	
526	01HN0526	Phạm Văn Minh	30/12/1990	95,5	
527	01HN0527	Bùi Xuân Minh	25/02/1985	86,25	
528	01HN0528	Lâm Thị Hồng Mơ	17/01/1995	98	
529	01HN0529	Nguyễn Văn Mớ	10/05/1985	89,5	
530	01HN0530	Vũ Xuân Mừng	06/06/1991	96,5	
531	01HN0531	Phạm Văn Muôn	04/10/1986	95,75	
532	01HN0532	Nguyễn Thị Trà My	08/01/2002	94,75	
533	01HN0533	Nguyễn Thị Trà My	06/02/2001	87,75	
534	01HN0534	Phạm Phương Mỹ	14/12/1983	88	
535	01HN0535	Lê Na	24/04/2001	97	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
536	01HN0536	Phạm Bá Nam	25/05/1998	87,25	
537	01HN0537	Nguyễn Công Nam	31/07/1988	81,25	
538	01HN0538	Nguyễn Đắc Nam	21/03/1992	100	
539	01HN0539	Hà Đức Nam	01/10/1985	94,5	
540	01HN0540	Hà Duy Nam	16/05/2002	85	
541	01HN0541	Đoàn Hải Nam	14/07/1975	97,25	
542	01HN0542	Phùng Hải Nam	19/03/2002	91,25	
543	01HN0543	Nguyễn Hoài Nam	05/01/2002	97,25	
544	01HN0544	Lê Sỹ Nam	12/02/1981	97,25	
545	01HN0545	Lê Tiến Nam	10/08/1970	96,5	
546	01HN0546	Lê Văn Nam	28/09/1972	83,5	
547	01HN0547	Nguyễn Văn Nam	14/03/1997	98	
548	01HN0548	Mai Xuân Nam	19/10/1999	98,75	
549	01HN0549	Nguyễn Xuân Nam	28/12/1990	98,5	
550	01HN0550	Vũ Xuân Nam	01/05/1987	90,5	
551	01HN0551	Vũ Thị Nga	05/11/1987	100	
552	01HN0552	Đào Thị Thu Nga	11/04/1973	-	Không thi
553	01HN0553	Vũ Kim Ngân	09/12/1991	98	
554	01HN0554	Tạ Thúy Ngân	16/11/1990	100	
555	01HN0555	Trần Đức Nghĩa	24/11/1993	89,75	
556	01HN0556	Bùi Ngọc Nghĩa	11/10/1997	48,25	
557	01HN0557	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/12/1973	89,75	
558	01HN0558	Nguyễn Trọng Nghĩa	19/08/1975	81,75	
559	01HN0559	Nguyễn Trọng Nghĩa	22/03/1986	91	
560	01HN0560	Trần Trọng Nghĩa	24/03/1985	85,75	
561	01HN0561	Nguyễn Bảo Ngọc	23/05/2002	90,75	
562	01HN0562	Hà Bích Ngọc	21/12/2002	100	
563	01HN0563	Nguyễn Thị Bích Ngọc	06/10/1990	98,75	
564	01HN0564	Bùi Đình Ngọc	20/09/1985	100	
565	01HN0565	Phạm Đức Ngọc	16/01/1991	91	
566	01HN0566	Nguyễn Khắc Ngọc	09/12/1993	92	
567	01HN0567	Đỗ Quang Ngọc	05/03/1999	91,25	
568	01HN0568	Trương Văn Ngọc	12/06/1990	69,25	
569	01HN0569	Phạm Đình Nự	28/04/1982	92,25	
570	01HN0570	Nguyễn Hữu Nguyên	19/09/1977	-	Không thi
571	01HN0571	Nguyễn Thị Nguyên	07/08/1995	94,25	
572	01HN0572	Nguyễn Thủy Nguyên	28/01/1997	52,25	
573	01HN0573	Đặng Thị Minh Nguyệt	02/05/1980	100	
574	01HN0574	Vũ Thị Nguyệt	09/02/1978	98,75	
575	01HN0575	Nguyễn Hoàng Nha	11/06/1982	80,5	
576	01HN0576	Đặng Đình Nhã	08/01/1979	91,5	
577	01HN0577	Nguyễn Lê Thanh Nhã	04/12/1991	100	
578	01HN0578	Lê Thị Nhân	15/07/1996	98,75	
579	01HN0579	Tạ Thị Nhân	20/02/1982	96,25	
580	01HN0580	Lương Ngọc Nhất	07/02/1989	96,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
581	01HN0581	Trần Minh Nhật	28/12/1992	89,75	
582	01HN0582	Nguyễn Như Nhị	18/04/1980	81	
583	01HN0583	Ngô Phương Nhiên	12/08/1983	95	
584	01HN0584	Đỗ Hồng Nhung	30/12/1998	43,88	
585	01HN0585	Lê Hồng Nhung	02/10/2002	100	
586	01HN0586	Lê Hồng Nhung	13/02/1987	98	
587	01HN0587	Nguyễn Hồng Nhung	08/10/1985	91,5	
588	01HN0588	Trần Thị Hồng Nhung	23/03/1989	91	
589	01HN0589	Hoàng Thị Nhung	26/06/1997	67,75	
590	01HN0590	Hoàng Thị Nhung	03/10/1998	94,5	
591	01HN0591	Nguyễn Thị Nhung	20/09/1980	88	
592	01HN0592	Lê Thị Trang Nhung	09/01/1987	95,25	
593	01HN0593	Vương Đình Ninh	13/06/1985	98,75	
594	01HN0594	Bùi Duy Ninh	31/08/1996	97	
595	01HN0595	Nguyễn Thanh Ninh	11/05/1987	87,25	
596	01HN0596	Nguyễn Văn Ninh	17/02/1992	48,5	
597	01HN0597	Phạm Thị Kim Oanh	01/09/1991	100	
598	01HN0598	Đinh Thị Lan Oanh	17/11/1978	92,75	
599	01HN0599	Lê Thị Oanh	19/06/1989	98	
600	01HN0600	Phạm Thị Oanh	14/09/1995	63,5	
601	01HN0601	Ngũ Bích Phần	18/11/1974	82	
602	01HN0602	Trần Đại Phong	03/12/1994	76,75	
603	01HN0603	Lê Đình Phong	15/07/1982	70,25	
604	01HN0604	Nguyễn Hà Phong	31/12/2002	93	
605	01HN0605	Vương Hồng Phong	19/12/1975	72,5	
606	01HN0606	Vũ Anh Phú	20/09/1985	66,25	
607	01HN0607	Tạ Đăng Phú	19/04/2001	98,5	
608	01HN0608	Trần Quang Phú	14/09/2000	98,75	
609	01HN0609	Nguyễn Yên Phụng	18/09/1992	92,5	
610	01HN0610	Đào Anh Phước	27/03/1977	95,25	
611	01HN0611	Bùi Bích Phương	02/01/1993	93,75	
612	01HN0612	Lê Thị Hà Phương	24/04/1993	98,75	
613	01HN0613	Nguyễn Hoàng Phương	17/05/1985	98	
614	01HN0614	Đỗ Hồng Phương	07/08/1980	100	
615	01HN0615	Bùi Thị Lan Phương	02/11/1985	98	
616	01HN0616	Dương Thị Lan Phương	08/07/1977	100	
617	01HN0617	Hoàng Thị Mai Phương	19/09/1995	97,5	
618	01HN0618	Phạm Thị Mai Phương	16/08/1988	81,5	
619	01HN0619	Đặng Thị Như Phương	01/07/2000	98,75	
620	01HN0620	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	21/12/1981	100	
621	01HN0621	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	09/08/1984	100	
622	01HN0622	Mè Thị Phương	20/10/1989	97	
623	01HN0623	Nguyễn Thị Phương	25/08/1987	-	Không thi
624	01HN0624	Nguyễn Thị Phương	27/05/1982	100	
625	01HN0625	Nguyễn Trung Phương	22/01/1977	91	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
626	01HN0626	Bùi Văn Phương	20/10/1987	94,25	
627	01HN0627	Nguyễn Thị Hồng Phương	14/01/1980	98,5	
628	01HN0628	Đỗ Thị Phương	16/12/2003	93,25	
629	01HN0629	Nguyễn Thị Phương	19/07/1976	89,75	
630	01HN0630	Đào Bá Quân	26/01/1987	84,75	
631	01HN0631	Cao Duy Quân	19/12/1992	95,75	
632	01HN0632	Trần Hồng Quân	02/09/1989	98	
633	01HN0633	Đặng Bá Minh Quân	20/09/2004	84,5	
634	01HN0634	Nguyễn Quốc Quân	03/10/1985	98	
635	01HN0635	Lê Văn Quân	29/10/1994	94,25	
636	01HN0636	Phạm Văn Quân	09/03/1990	91	
637	01HN0637	Nguyễn Đỗ Công Quang	06/11/2000	84,75	
638	01HN0638	Trần Đình Quang	27/06/2000	76,75	
639	01HN0639	Bùi Đức Quang	20/09/1982	95	
640	01HN0640	Nguyễn Hải Quang	08/05/1985	87	
641	01HN0641	Trần Hữu Quang	31/05/1987	-	Không thi
642	01HN0642	Lê Minh Quang	03/11/1997	81,75	
643	01HN0643	Nguyễn Ngọc Quang	18/04/1977	89,5	
644	01HN0644	Vũ Thế Quang	18/12/1981	96,75	
645	01HN0645	Đinh Văn Quang	28/01/1997	98	
646	01HN0646	Đỗ Văn Quang	02/03/1991	98,5	
647	01HN0647	Phạm Vũ Quang	26/09/1980	100	
648	01HN0648	Đoàn Thị Quế	09/07/1986	94,25	
649	01HN0649	Phạm Văn Quế	06/10/1981	85,25	
650	01HN0650	Nguyễn Anh Quốc	22/08/1992	78,25	
651	01HN0651	Nguyễn Đức Quý	20/07/1981	96,5	
652	01HN0652	Trần Văn Quý	27/08/1979	100	
653	01HN0653	Cao Xuân Quý	26/03/1993	96,5	
654	01HN0654	Nguyễn Nho Quý	08/08/1999	81,25	
655	01HN0655	Lê Thị Hồng Quyên	20/02/1988	95,75	
656	01HN0656	Nguyễn Thị Hồng Quyên	18/01/1983	98,5	
657	01HN0657	Lê Thị Lệ Quyên	05/04/1985	90,75	
658	01HN0658	Nguyễn Thị Thảo Quyên	26/09/1990	93,5	
659	01HN0659	Lê Thị Quyên	16/01/1992	94,75	
660	01HN0660	Nguyễn Thị Quyên	07/03/1981	98	
661	01HN0661	Phan Hồng Quyên	21/03/1989	92,5	
662	01HN0662	Phạm Minh Quyên	05/05/1979	84,75	
663	01HN0663	Nguyễn Phan Đăng Quyết	09/07/1988	78	
664	01HN0664	Vũ Hoàng Quyết	30/07/1993	88	
665	01HN0665	Hoàng Văn Quyết	23/09/1989	100	
666	01HN0666	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	30/05/2002	92,75	
667	01HN0667	Lê Như Quỳnh	04/06/2000	98,5	
668	01HN0668	Lê Thị Như Quỳnh	15/03/1992	95,25	
669	01HN0669	Nguyễn Thị Như Quỳnh	08/03/1978	98	
670	01HN0670	Vũ Như Quỳnh	13/01/1983	91,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
671	01HN0671	Nguyễn Thị Quỳnh	25/04/1991	98,5	
672	01HN0672	Nguyễn Thị Quỳnh	22/02/1997	95,25	
673	01HN0673	Trần Thị Quỳnh	07/10/1988	100	
674	01HN0674	Lê Thị Thúy Quỳnh	04/01/1990	96	
675	01HN0675	Phạm Thúy Quỳnh	06/09/1985	100	
676	01HN0676	Hoàng Xuân Quỳnh	29/03/1996	100	
677	01HN0677	Nguyễn Minh Sang	06/09/1974	84	
678	01HN0678	Đậu Quang Sáng	16/06/1986	100	
679	01HN0679	Hoàng Xuân Sinh	20/02/1982	100	
680	01HN0680	Hoàng Bảo Sơn	16/08/1988	89,75	
681	01HN0681	Nguyễn Hồng Sơn	08/10/1980	100	
682	01HN0682	Phạm Minh Sơn	26/10/1977	-	Không thi
683	01HN0683	Đỗ Ngọc Sơn	25/11/1980	100	
684	01HN0684	Lê Ngọc Sơn	22/08/1981	97,25	
685	01HN0685	Ngô Ngọc Sơn	29/07/1974	91,25	
686	01HN0686	Võ Thanh Sơn	26/01/1983	98,5	
687	01HN0687	Trần Thiên Sơn	10/05/1981	93	
688	01HN0688	Đỗ Thiện Thiết Sơn	14/12/1975	51,25	
689	01HN0689	Phan Triệu Sơn	02/06/1991	98,75	
690	01HN0690	Cao Trường Sơn	05/10/1998	98,5	
691	01HN0691	Nguyễn Văn Sơn	13/12/1990	82,75	
692	01HN0692	Nguyễn Đình Song	10/01/1986	92,5	
693	01HN0693	Phạm Văn Sóng	22/08/1978	95,25	
694	01HN0694	Phùng Đắc Sỹ	17/01/1994	74,25	
695	01HN0695	Nguyễn Huy Sỹ	24/11/1972	96,5	
696	01HN0696	Nguyễn Đình Tài	20/05/1997	82,25	
697	01HN0697	Nguyễn Đức Tâm	01/09/1982	92	
698	01HN0698	Trần Đức Tâm	03/01/1991	93	
699	01HN0699	Lê Huy Tâm	16/11/1977	86	
700	01HN0700	Lê Thanh Tâm	20/11/1993	97,25	
701	01HN0701	Đoàn Thị Tâm	29/04/1978	93	
702	01HN0702	Nguyễn Văn Tâm	10/06/1985	74,75	
703	01HN0703	Lê Đắc Tân	04/03/1979	94,75	
704	01HN0704	Nguyễn Hữu Tấn	07/07/1975	97,25	
705	01HN0705	Nguyễn Mạnh Tấn	18/11/1981	98	
706	01HN0706	Bùi Văn Tấn	22/09/1984	80,75	
707	01HN0707	Phạm Ngọc Tạo	24/09/1992	93	
708	01HN0708	Trần Hữu Thạch	19/07/1967	79,75	
709	01HN0709	Nguyễn Thị Hồng Thái	25/08/1988	83,5	
710	01HN0710	Phạm Hồng Thái	19/12/1985	88,75	
711	01HN0711	Vũ Ngọc Thái	25/11/1999	83,75	
712	01HN0712	Lưu Văn Thái	19/12/1997	92,5	
713	01HN0713	Hoàng Xuân Thám	10/01/1991	94	
714	01HN0714	Hoàng Đức Thân	20/09/1981	96,5	
715	01HN0715	Lê Trọng Thản	12/09/1981	96,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
716	01HN0716	Nguyễn Anh Thắng	22/04/1997	71,25	
717	01HN0717	Trương Công Thắng	13/08/1996	92,5	
718	01HN0718	Vũ Công Thắng	06/08/1996	100	
719	01HN0719	Vũ Ngọc Thắng	09/12/1979	93,5	
720	01HN0720	Nguyễn Tất Thắng	02/01/1970	85,25	
721	01HN0721	Đinh Thế Thắng	26/09/1990	100	
722	01HN0722	Nguyễn Thị Thắng	16/10/1989	95,25	
723	01HN0723	Đỗ Toàn Thắng	12/06/1989	76,75	
724	01HN0724	Nguyễn Trung Thắng	07/01/1989	100	
725	01HN0725	Phạm Văn Thắng	02/07/1990	95,25	
726	01HN0726	Vũ Văn Thắng	10/08/1985	100	
727	01HN0727	Đỗ Thị Lệ Thanh	20/01/1981	100	
728	01HN0728	Vũ Thị Minh Thanh	15/10/1974	95,5	
729	01HN0729	Đỗ Ngọc Thanh	08/05/1985	95,25	
730	01HN0730	Vũ Thị Phương Thanh	27/10/1982	91,75	
731	01HN0731	Phạm Quang Thanh	20/12/1984	91,5	
732	01HN0732	Đặng Xuân Thanh	12/02/1986	95,25	
733	01HN0733	Lê Xuân Thanh	26/07/1987	89,75	
734	01HN0734	Nguyễn Chí Thành	04/04/1982	96,75	
735	01HN0735	An Đình Thành	10/11/1983	77,75	
736	01HN0736	Nguyễn Đình Thành	02/12/1990	95	
737	01HN0737	Nguyễn Đình Thành	13/12/1986	83,25	
738	01HN0738	Nguyễn Đức Thành	06/05/1996	92,25	
739	01HN0739	Tạ Duy Thành	19/04/1998	100	
740	01HN0740	Phạm Quang Thành	29/12/1987	97	
741	01HN0741	Lưu Tất Thành	02/02/1975	-	Không thi
742	01HN0742	Lại Tiến Thành	05/02/1995	94,5	
743	01HN0743	Đỗ Trung Thành	18/12/1985	98	
744	01HN0744	Hoàng Trung Thành	23/11/1981	93,75	
745	01HN0745	Lê Trung Thành	11/03/1981	78,5	
746	01HN0746	Nguyễn Văn Thành	06/08/1990	98	
747	01HN0747	Phạm Văn Thành	21/07/1982	95,75	
748	01HN0748	Thân Văn Thành	03/02/1992	96,75	
749	01HN0749	Trần Văn Thành	01/06/1991	89	
750	01HN0750	Nguyễn Xuân Thành	13/08/1996	91,75	
751	01HN0751	Đào Minh Thao	22/05/1984	97,25	
752	01HN0752	Hoàng Hương Thảo	13/02/1992	93,25	
753	01HN0753	Nguyễn Thị Liên Thảo	16/06/1996	100	
754	01HN0754	Nguyễn Thị Phương Thảo	31/08/1994	97,25	
755	01HN0755	Đoàn Thị Thảo	28/10/2002	92	
756	01HN0756	Nguyễn Thu Thảo	10/04/1984	100	
757	01HN0757	Phạm Thu Thảo	23/07/2000	95,25	
758	01HN0758	Lê Thị Bích Thạo	05/03/1987	98	
759	01HN0759	Nguyễn Đức Tháp	10/05/1997	98,5	
760	01HN0760	Trần Thị Thêu	28/07/1991	89,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
761	01HN0761	Hoàng Công Thiện	04/04/1983	94,5	
762	01HN0762	Vũ Công Thiện	14/02/1993	70,25	
763	01HN0763	Đỗ Đức Thiện	18/07/1973	87,5	
764	01HN0764	Bùi Thị Thiện	15/10/1983	95,75	
765	01HN0765	Phan Thanh Thìn	07/12/1988	77	
766	01HN0766	Nguyễn Ngọc Thịnh	03/01/1995	97,5	
767	01HN0767	Bùi Đức Thịnh	17/12/1992	98,5	
768	01HN0768	Hoàng Đức Thịnh	24/07/1994	100	
769	01HN0769	Phạm Đức Thịnh	11/08/1982	89,5	
770	01HN0770	Trần Thị Tho	20/08/1989	92	
771	01HN0771	Dương Thị Thơ	20/04/1999	97	
772	01HN0772	Lê Đức Thọ	06/07/1981	95	
773	01HN0773	Trịnh Hồng Thoa	09/02/1985	100	
774	01HN0774	Bùi Thị Thoa	08/11/1995	71,5	
775	01HN0775	Lương Văn Thơm	30/12/1990	75,5	
776	01HN0776	Nguyễn Huy Thông	10/10/1972	93,25	
777	01HN0777	Lê Minh Thông	05/11/1988	96	
778	01HN0778	Phạm Thị Mai Thu	18/08/1985	94,75	
779	01HN0779	Đỗ Thị Ngọc Thu	16/12/2000	98,75	
780	01HN0780	Lê Thị Xuân Thu	15/03/2002	93,75	
781	01HN0781	Nguyễn Hữu Thử	05/10/1985	100	
782	01HN0782	Nguyễn Thiện Thuận	19/09/1977	97,25	
783	01HN0783	Đinh Trọng Thuận	24/02/1987	94,75	
784	01HN0784	Đoàn Thuận	10/10/1970	89	
785	01HN0785	Mai Đức Thuận	03/11/1988	61	
786	01HN0786	Trần Minh Thuật	05/09/1989	98,5	
787	01HN0787	Đoàn Thị Huyền Thương	02/01/1985	87,25	
788	01HN0788	Phùng Quang Thương	03/11/1973	96	
789	01HN0789	Trần Thị Thanh Thương	16/11/1996	100	
790	01HN0790	Lê Thị Thu Thủy	03/06/1997	91,75	
791	01HN0791	Từ Thị Thu Thủy	24/03/1995	96	
792	01HN0792	Trần Trọng Thủy	10/07/1978	95	
793	01HN0793	Phạm Thị Hồng Thúy	07/11/1985	100	
794	01HN0794	Phùng Thị Kim Thúy	19/01/1994	92	
795	01HN0795	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	17/07/1983	91,25	
796	01HN0796	Cần Thị Thúy	06/12/1989	80	
797	01HN0797	Dương Thị Thúy	22/06/2001	96,75	
798	01HN0798	Lã Thị Thủy	04/01/1988	100	
799	01HN0799	Trần Thị Thanh Thủy	28/11/1971	96,5	
800	01HN0800	Cao Thị Thủy	12/09/1995	96	
801	01HN0801	Dương Thị Thủy	06/08/1988	91,5	
802	01HN0802	Hoàng Thị Thủy	04/05/1984	89,25	
803	01HN0803	Mai Thị Thủy	02/05/1982	83	
804	01HN0804	Nguyễn Thị Thủy	07/11/1991	72,75	
805	01HN0805	Phạm Thị Thủy	13/05/1980	91,25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
806	01HN0806	Đào Thị Thu Thủy	13/02/1996	96,5	
807	01HN0807	Nguyễn Thu Thủy	10/12/1985	100	
808	01HN0808	Tăng Thị Thu Thủy	17/07/1984	98,75	
809	01HN0809	Vũ Thị Thu Thủy	26/10/1984	98,75	
810	01HN0810	Lê Trọng Thủy	28/11/1986	100	
811	01HN0811	Mai Trọng Thủy	21/06/1976	90,25	
812	01HN0812	Phạm Thị Tiên	17/03/1991	100	
813	01HN0813	Bùi Thị Thủy Tiên	07/08/1997	-	Không thi
814	01HN0814	Nguyễn Đăng Tiệp	30/12/1993	96	
815	01HN0815	Trần Tin	26/04/1980	88,75	
816	01HN0816	Vũ Trung Tịnh	10/10/1973	88,75	
817	01HN0817	Trần Bảo Toàn	02/03/1998	86,75	
818	01HN0818	Nguyễn Cảnh Toàn	18/04/1990	93,25	
819	01HN0819	Nguyễn Hữu Toàn	21/09/1987	79,75	
820	01HN0820	Vũ Khánh Toàn	31/12/1994	98,5	
821	01HN0821	Nguyễn Mạnh Toàn	13/07/1989	85,5	
822	01HN0822	Nguyễn Ngọc Toàn	30/11/1979	86,25	
823	01HN0823	Nguyễn Văn Toàn	29/08/1975	91,5	
824	01HN0824	Đinh Lâm Tới	21/04/1980	91,25	
825	01HN0825	Nguyễn Diệu Trân	13/08/1972	100	
826	01HN0826	Trần Thị Hà Trang	05/07/1993	98,75	
827	01HN0827	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/09/1993	91,5	
828	01HN0828	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/08/2001	82,5	
829	01HN0829	Nguyễn Thị Huyền Trang	17/02/1997	100	
830	01HN0830	Phan Thị Huyền Trang	10/06/1985	-	Không thi
831	01HN0831	Đoàn Quỳnh Trang	26/08/1992	76	
832	01HN0832	Nguyễn Quỳnh Trang	29/03/1988	88	
833	01HN0833	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	18/12/1995	100	
834	01HN0834	Phạm Thị Quỳnh Trang	26/11/1990	87,75	
835	01HN0835	Bùi Thị Trang	29/09/1986	100	
836	01HN0836	Nguyễn Thị Trang	23/11/1986	87	
837	01HN0837	Nguyễn Thị Thu Trang	04/09/1976	89	
838	01HN0838	Nguyễn Thị Thu Trang	02/02/1991	81,25	
839	01HN0839	Trương Thị Thuỳ Trang	22/09/1995	74,5	
840	01HN0840	Lê Thùy Trang	23/10/2001	100	
841	01HN0841	Trần Thị Thùy Trang	21/11/1996	98	
842	01HN0842	Nguyễn Đình Trí	06/07/1996	86,25	
843	01HN0843	Vũ Quang Triển	05/03/1979	95,25	
844	01HN0844	Mai Kiều Trinh	02/11/1987	98,5	
845	01HN0845	Trần Hữu Trọng	13/04/1991	-	Không thi
846	01HN0846	Nguyễn Thế Trọng	21/12/1971	94,5	
847	01HN0847	Phan Công Trung	23/12/1997	100	
848	01HN0848	Doãn Đình Trung	30/04/1993	92,5	
849	01HN0849	Đông Hiếu Trung	19/03/1996	91,25	
850	01HN0850	Trần Nam Trung	24/02/1975	94,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
851	01HN0851	Mai Quang Trung	28/09/1987	92,75	
852	01HN0852	Huỳnh Tấn Trung	22/02/1987	93,25	
853	01HN0853	Lê Thành Trung	17/02/1975	92,75	
854	01HN0854	Ngô Đức Thành Trung	16/12/1986	94	
855	01HN0855	Trần Thành Trung	23/10/1978	84,25	
856	01HN0856	Vũ Trọng Trung	20/02/1975	71,75	
857	01HN0857	Nguyễn Văn Trung	29/04/1988	90,25	
858	01HN0858	Phạm Việt Trung	14/11/1983	100	
859	01HN0859	Đào Đăng Trường	01/07/1992	94,75	
860	01HN0860	Trần Minh Trường	26/07/1982	82,75	
861	01HN0861	Nguyễn Thanh Trường	03/09/1974	82,75	
862	01HN0862	Lã Văn Trường	27/06/1985	87,5	
863	01HN0863	Nguyễn Văn Trường	25/03/2001	100	
864	01HN0864	Phạm Văn Trường	10/09/1983	100	
865	01HN0865	Cao Xuân Trường	01/11/1971	42,25	
866	01HN0866	Nguyễn Xuân Trường	06/11/1982	80	
867	01HN0867	Nguyễn Đức Trường	13/09/1985	90,75	
868	01HN0868	Đặng Quốc Trường	03/05/1976	-	Không thi
869	01HN0869	Lê Anh Tuấn Tú	08/05/1993	98,5	
870	01HN0870	Phạm Đức Tự	14/08/1986	92,75	
871	01HN0871	Võ Hiền Tuấn	24/07/1982	75,5	
872	01HN0872	Tổng Hồng Tuấn	27/10/1980	96,75	
873	01HN0873	Đỗ Quang Tuấn	20/02/1980	96	
874	01HN0874	Nguyễn Trọng Tuấn	03/02/1990	91,75	
875	01HN0875	Trần Trọng Tuấn	10/01/1988	98,75	
876	01HN0876	Hồ Văn Tuấn	10/12/1981	98,5	
877	01HN0877	Lê Anh Tuấn	26/06/1994	92,25	
878	01HN0878	Nguyễn Anh Tuấn	20/05/1990	94	
879	01HN0879	Nguyễn Anh Tuấn	30/09/1995	98	
880	01HN0880	Nguyễn Anh Tuấn	03/07/1977	100	
881	01HN0881	Nguyễn Anh Tuấn	02/10/1982	95,5	
882	01HN0882	Trần Anh Tuấn	19/11/1992	86	
883	01HN0883	Trần Anh Tuấn	20/07/1981	95,5	
884	01HN0884	Mai Huy Tuấn	01/01/1992	98,75	
885	01HN0885	Nghiêm Mạnh Tuấn	28/08/1992	72,5	
886	01HN0886	Phạm Minh Tuấn	05/02/1991	89	
887	01HN0887	Đỗ Ngọc Tuấn	06/10/1981	98	
888	01HN0888	Hoàng Ngọc Tuấn	25/07/1986	83,5	
889	01HN0889	Trần Ngọc Tuấn	16/10/1987	91,5	
890	01HN0890	Đinh Quốc Tuấn	08/04/1987	93,25	
891	01HN0891	Lương Quốc Tuấn	27/08/1981	90,75	
892	01HN0892	Tạ Quốc Tuấn	11/04/1978	92,25	
893	01HN0893	Đặng Văn Tuấn	16/06/1989	97,25	
894	01HN0894	Hoàng Văn Tuấn	19/07/1980	100	
895	01HN0895	Hoàng Văn Tuấn	20/06/1983	95,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
896	01HN0896	Nguyễn Văn Tuấn	06/09/1986	68,75	
897	01HN0897	Phạm Văn Tuấn	01/11/1990	98,5	
898	01HN0898	Dương Xuân Tuấn	18/08/1993	98,75	
899	01HN0899	Trần Kim Tuế	31/12/1984	-	Không thi
900	01HN0900	Vũ Văn Tuệ	25/12/1983	98,75	
901	01HN0901	Lê Bá Tùng	14/01/1983	84	
902	01HN0902	Tạ Mạnh Tùng	14/12/1988	94,5	
903	01HN0903	Lê Sơn Tùng	01/07/1999	69,25	
904	01HN0904	Mai Thanh Tùng	24/12/1987	39	
905	01HN0905	Nguyễn Thanh Tùng	18/06/1982	87	
906	01HN0906	Trần Thanh Tùng	23/04/1999	98,5	
907	01HN0907	Trần Thanh Tùng	12/01/1991	94,25	
908	01HN0908	Vũ Thanh Tùng	21/12/1994	98,5	
909	01HN0909	Nguyễn Văn Tùng	19/03/1998	89	
910	01HN0910	Cao Xuân Tùng	04/12/1987	85,25	
911	01HN0911	Hồ Mạnh Tường	15/09/1984	97,5	
912	01HN0912	Nguyễn Mạnh Tường	28/06/1992	95,25	
913	01HN0913	Nguyễn Đình Tuyền	01/10/1982	94	
914	01HN0914	Đỗ Thị Tuyền	07/03/1991	93,25	
915	01HN0915	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	19/06/1999	100	
916	01HN0916	Dương Thị Ánh Tuyết	02/11/1985	100	
917	01HN0917	Nguyễn Ánh Vân	05/11/1993	80,25	
918	01HN0918	Đinh Hồng Vân	21/07/1989	97,25	
919	01HN0919	Nguyễn Thị Hồng Vân	16/12/1982	90,75	
920	01HN0920	Nguyễn Thanh Vân	20/10/1985	89,75	
921	01HN0921	Nguyễn Thị Vân	11/07/1989	97	
922	01HN0922	Lê Thúy Vân	17/06/1983	89,75	
923	01HN0923	Chu Xuân Văn	25/09/1966	93,25	
924	01HN0924	Nguyễn Văn Vẻ	06/02/1985	100	
925	01HN0925	Nguyễn Thị Bích Việt	20/05/1985	94,5	
926	01HN0926	Nguyễn Văn Việt	12/06/1977	100	
927	01HN0927	Trần Văn Việt	24/06/1995	93,75	
928	01HN0928	Vũ Văn Việt	01/06/1997	96,75	
929	01HN0929	Phùng Mạnh Vinh	28/01/1982	95,25	
930	01HN0930	Hà Quang Vinh	19/10/1971	97,25	
931	01HN0931	Nguyễn Quang Vinh	06/05/1979	97	
932	01HN0932	Phạm Thị Thúy Vinh	16/10/1975	85,25	
933	01HN0933	Nguyễn Thế Vĩnh	30/11/1986	57,5	
934	01HN0934	Nguyễn Trọng Võ	05/06/1987	98,75	
935	01HN0935	Đỗ Kiến Vọng	18/02/1986	92,5	
936	01HN0936	Phạm Như Vũ	19/08/1982	95,25	
937	01HN0937	Nguyễn Tiến Vũ	29/11/1980	92,25	
938	01HN0938	Trần Tuấn Vũ	12/09/1991	90,25	
939	01HN0939	Lão Đại Vương	20/06/1990	97	
940	01HN0940	Nguyễn Đình Vương	22/12/1980	83,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
941	01HN0941	Mai Thị Xuân	05/02/1981	95,25	
942	01HN0942	Nguyễn Thị Xuân	23/03/1987	98,5	
943	01HN0943	Đỗ Văn Xứng	06/01/1986	96,5	
944	01HN0944	Bùi Thị Xuyên	03/07/1982	96	
945	01HN0945	Trần Thị Hải Yến	29/12/1983	95,75	
946	01HN0946	Vũ Hải Yến	20/04/1991	94	
947	01HN0947	Trần Thị Yến	06/09/1987	98,75	

KẾT QUẢ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU KỲ 01
ĐIỂM THI HỒ CHÍ MINH (TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
1	01HCM.1.0001	Sầm Hoài An	10/06/1999	84,5	
2	01HCM.1.0002	Đặng Nguyễn Ngọc An	09/01/1985	89,25	
3	01HCM.1.0003	Võ Thị An	10/10/1989	91	
4	01HCM.1.0004	Lê Hoàng Ân	25/11/1976	98	
5	01HCM.1.0005	Lê Nguyễn Hồng Ân	05/07/1989	97,25	
6	01HCM.1.0006	Nguyễn Đức Anh	12/06/1988	95,25	
7	01HCM.1.0007	Trần Đức Anh	12/02/1994	96,5	
8	01HCM.1.0008	Lê Thị Kim Anh	13/07/1995	86,5	
9	01HCM.1.0009	Phạm Thị Kim Anh	25/05/1986	97	
10	01HCM.1.0010	Đỗ Vũ Lan Anh	03/01/1994	91,25	
11	01HCM.1.0011	Trương Thị Lan Anh	26/08/1974	98	
12	01HCM.1.0012	Đỗ Quỳnh Anh	11/07/1991	96	
13	01HCM.1.0013	Dương Thị Quỳnh Anh	27/08/1999	91,5	
14	01HCM.1.0014	Lê Thị Thu Anh	28/06/2001	62	
15	01HCM.1.0015	Nguyễn Tuấn Anh	10/01/1991	100	
16	01HCM.1.0016	Võ Tuấn Anh	05/09/1986	100	
17	01HCM.1.0017	Vũ Tuấn Anh	19/09/1995	66,5	
18	01HCM.1.0018	Lê Văn Anh	08/03/1979	97,25	
19	01HCM.1.0019	Phạm Thị Ngọc Ánh	17/01/1986	86,5	
20	01HCM.1.0020	Lê Văn Ánh	27/12/1973	96,25	
21	01HCM.1.0021	Nguyễn Thị Hải Âu	15/02/1984	95,75	
22	01HCM.1.0022	Hồ Xuân Bắc	22/06/1985	95,75	
23	01HCM.1.0023	Nguyễn Lưu Bách	20/07/1986	98	
24	01HCM.1.0024	Nguyễn Văn Bằng	24/10/1995	98	
25	01HCM.1.0025	Lê Diệp Chí Bảo	24/09/1995	87,75	
26	01HCM.1.0026	Đặng Nguyễn Gia Bảo	27/04/1994	86,25	
27	01HCM.1.0027	Nguyễn Khắc Bảo	13/10/1988	80,25	
28	01HCM.1.0028	Bùi Quốc Bảo	24/10/1987	86,25	
29	01HCM.1.0029	Dương Thái Bảo	29/12/1994	89,5	
30	01HCM.1.0030	Kim Tân Biên	08/02/1966	82,25	
31	01HCM.1.0031	Nguyễn Võ Trường Biên	18/09/1990	89,75	
32	01HCM.1.0032	Nguyễn Công Bình	20/04/1987	76	
33	01HCM.1.0033	Nguyễn Đức Bình	08/01/1992	96	
34	01HCM.1.0034	Lê Quang Bình	19/10/1992	93,5	
35	01HCM.1.0035	Nguyễn Quốc Bình	14/03/1990	91,25	
36	01HCM.1.0036	Trang Thái Bình	15/07/1994	88	
37	01HCM.1.0037	Đoàn Thanh Bình	28/02/1987	98,5	
38	01HCM.1.0038	Đồng Thanh Bình	10/03/1985	100	
39	01HCM.1.0039	Lý Thanh Bình	25/10/1984	97,25	
40	01HCM.1.0040	Nguyễn Thanh Bình	22/01/1995	93,5	
41	01HCM.1.0041	Nguyễn Thanh Bình	13/09/1982	94,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
42	01HCM.1.0042	Viên Võ Thanh Bình	03/11/1975	80,75	
43	01HCM.1.0043	Nguyễn Văn Bình	06/08/1992	88,75	
44	01HCM.1.0044	Nguyễn Văn Bình	01/01/1975	96,5	
45	01HCM.1.0045	Hà Thiện Cẩm	13/05/1983	86,75	
46	01HCM.1.0046	Trần Thị Châu Cẩm	26/10/1984	90	
47	01HCM.1.0047	Nguyễn Ngọc Cảnh	16/02/1992	90	
48	01HCM.1.0048	Lê Thanh Cảnh	09/06/1987	94,5	
49	01HCM.1.0049	Bùi Văn Cảnh	15/04/1988	97,25	
50	01HCM.1.0050	Phạm Thị Băng Châu	02/01/1991	82,75	
51	01HCM.1.0051	Đinh Thị Bảo Châu	21/07/1989	93	
52	01HCM.1.0052	Nguyễn Bùi Bích Châu	21/01/1989	84	
53	01HCM.1.0053	Chu Thị Minh Châu	05/09/1988	91,75	
54	01HCM.1.0054	Lê Bích Phương Chi	05/11/1974	68,25	
55	01HCM.1.0055	Phan Vũ Chi	21/04/1987	38,25	
56	01HCM.1.0056	Lý Chiêu	23/12/1995	86,25	
57	01HCM.1.0057	Nguyễn Tùng Chinh	10/07/1981	98	
58	01HCM.1.0058	Trần Hữu Chính	02/02/1977	98,5	
59	01HCM.1.0059	Sơn Wi Chít	10/10/1985	79	
60	01HCM.1.0060	Huỳnh Mỹ Chô	25/05/1990	92,5	
61	01HCM.1.0061	Nguyễn Minh Chuẩn	29/09/1996	72,25	
62	01HCM.1.0062	Lê Tiên Chung	05/04/1972	92	
63	01HCM.1.0063	Đào Ngọc Dương Chương	25/02/1992	94,5	
64	01HCM.1.0064	Mai Văn Chương	01/12/1988	96	
65	01HCM.1.0065	Nguyễn Thái Công	15/08/1998	68,75	
66	01HCM.1.0066	Nguyễn Thị Cúc	24/05/1982	78,75	
67	01HCM.1.0067	Nguyễn Đình Cương	02/10/1991	78,75	
68	01HCM.1.0068	Thái Cương	26/07/1984	96	
69	01HCM.1.0069	Đoàn Văn Cương	17/06/1976	96,75	
70	01HCM.1.0070	Nguyễn Cảnh Cường	15/08/1990	91	
71	01HCM.1.0071	Lâm Hữu Cường	23/12/1986	100	
72	01HCM.1.0072	Nguyễn Hữu Cường	09/08/1971	89,5	
73	01HCM.1.0073	Phan Minh Cường	01/08/1990	94	
74	01HCM.1.0074	Trần Minh Cường	27/04/1983	96,75	
75	01HCM.1.0075	Trần Sỹ Cường	11/10/1997	100	
76	01HCM.1.0076	Bùi Văn Cường	20/02/1992	100	
77	01HCM.1.0077	Nguyễn Văn Cường	10/07/1991	100	
78	01HCM.1.0078	Nguyễn Xuân Cường	22/11/1991	93,25	
79	01HCM.1.0079	Phan Văn Đa	01/05/1974	96,5	
80	01HCM.1.0080	Phạm Bảo Đại	17/04/1993	97,25	
81	01HCM.1.0081	Trần Đại	08/03/1980	77,25	
82	01HCM.1.0082	Trịnh Hải Đăng	07/03/1989	-	Không thi
83	01HCM.1.0083	Vũ Mạnh Đăng	16/12/1991	89	
84	01HCM.1.0084	Phạm Bá Danh	16/02/1982	89,75	
85	01HCM.1.0085	Lê Công Danh	13/06/1993	98,5	
86	01HCM.1.0086	Nguyễn Hữu Danh	04/08/1976	92,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
87	01HCM.1.0087	Lê Quang Danh	20/10/1990	96,75	
88	01HCM.1.0088	Huỳnh Anh Đào	05/07/2002	90,25	
89	01HCM.1.0089	Bùi Thị Hồng Đào	20/11/1982	97	
90	01HCM.1.0090	Huỳnh Quốc Đạt	13/04/1997	66,25	
91	01HCM.1.0091	Phạm Quốc Đạt	08/03/1980	98,75	
92	01HCM.1.0092	Hoàng Thành Đạt	12/12/1994	96,25	
93	01HCM.1.0093	Lê Quý Dậu	26/02/1993	98	
94	01HCM.1.0094	Lê Hoàng Đầu	01/01/1988	98	
95	01HCM.1.0095	Mai Thị Hồng Diễm	09/01/1990	86,25	
96	01HCM.1.0096	Lý Ngọc Diễm	30/09/1990	92	
97	01HCM.1.0097	Nguyễn Văn Diễm	07/01/1971	88,25	
98	01HCM.1.0098	Lê Minh Diễm	01/01/1987	82,25	
99	01HCM.1.0099	Lê Quang Đình	08/05/1980	84,75	
100	01HCM.1.0100	Vũ Như Định	12/03/1980	92,75	
101	01HCM.1.0101	Vũ Thành Đoàn	17/12/1978	56,75	
102	01HCM.1.0102	Lê Văn Đôn	11/10/1985	88,5	
103	01HCM.1.0103	Nguyễn Chánh Đông	17/03/1992	100	
104	01HCM.1.0104	Lê Đông	05/07/1975	100	
105	01HCM.1.0105	Lê Thành Đông	16/01/1995	96	
106	01HCM.1.0106	Nguyễn Duy Đồng	17/04/1984	95,25	
107	01HCM.1.0107	Vũ Văn Đồng	17/11/1988	96,5	
108	01HCM.1.0108	Nguyễn Hoàng Du	04/01/1990	100	
109	01HCM.1.0109	Nguyễn Hồng Đức	03/04/1995	100	
110	01HCM.1.0110	Nguyễn Tài Đức	12/03/1998	96,5	
111	01HCM.1.0111	Phạm Kim Thảo Đức	15/10/1993	75	
112	01HCM.1.0112	Nguyễn Thị Đức	18/02/1992	98	
113	01HCM.1.0113	Nguyễn Thiện Đức	03/10/1996	82,75	
114	01HCM.1.0114	Nguyễn Thị Bích Dung	03/11/1981	74,25	
115	01HCM.1.0115	Phạm Thị Kim Dung	20/11/1985	96,25	
116	01HCM.1.0116	Triệu Mỹ Dung	11/12/1992	91,25	
117	01HCM.1.0117	Dương Thị Ngọc Dung	20/05/1979	94	
118	01HCM.1.0118	Lê Thị Phương Dung	27/06/1994	100	
119	01HCM.1.0119	Nguyễn Thị Thùy Dung	10/12/1986	96,5	
120	01HCM.1.0120	Vũ Bá Dũng	17/09/1979	98	
121	01HCM.1.0121	Lê Doãn Dũng	24/10/1998	98,5	
122	01HCM.1.0122	Tạ Đức Dũng	27/01/1983	96,75	
123	01HCM.1.0123	Ngô Quang Dũng	12/12/1990	47,75	
124	01HCM.1.0124	Nguyễn Tấn Dũng	02/10/2001	67,5	
125	01HCM.1.0125	Đoàn Thanh Dũng	06/05/1971	68	
126	01HCM.1.0126	Hồ Trần Thế Dũng	27/04/1981	98,75	
127	01HCM.1.0127	Nguyễn Tiến Dũng	02/02/1975	94,75	
128	01HCM.1.0128	Nguyễn Tiến Dũng	17/10/1992	87,75	
129	01HCM.1.0129	Phạm Tiến Dũng	06/01/1990	98	
130	01HCM.1.0130	Ngô Trí Dũng	01/03/1993	94	
131	01HCM.1.0131	Phạm Trí Dũng	29/07/1992	98,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
132	01HCM.1.0132	Hoàng Văn Dũng	18/09/1983	100	
133	01HCM.1.0133	Phạm Vũ Việt Dũng	18/07/1987	95,25	
134	01HCM.1.0134	Nguyễn Thành Được	01/01/1990	85	
135	01HCM.1.0135	Trần Đại Dương	12/11/1996	98,75	
136	01HCM.1.0136	Đỗ Quang Dương	01/06/1977	77,5	
137	01HCM.1.0137	Trương Thùy Dương	13/08/1990	100	
138	01HCM.1.0138	Huỳnh Đăng Tứ Dương	30/03/1991	97,25	
139	01HCM.1.0139	Lê Tùng Dương	11/07/1999	95,75	
140	01HCM.1.0140	Trần Văn Dương	24/04/1999	100	
141	01HCM.1.0141	Huỳnh Thị Hải Đường	20/12/1985	96,75	
142	01HCM.1.0142	Nguyễn Quốc Đường	06/04/1990	98,5	
143	01HCM.1.0143	Nguyễn Bá Duy	02/01/1983	86,5	
144	01HCM.1.0144	Trần Đăng Duy	13/09/2000	100	
145	01HCM.1.0145	Lê Đức Duy	17/04/1999	94,5	
146	01HCM.1.0146	Trần Châu Dương Duy	01/01/1988	97	
147	01HCM.1.0147	Nguyễn Hoàng Duy	02/03/1987	85,25	
148	01HCM.1.0148	Nguyễn Hoàng Duy	21/01/1988	97,25	
149	01HCM.1.0149	Nguyễn Minh Duy	07/08/1989	87,5	
150	01HCM.1.0150	Võ Thị Tuyết Duy	15/06/1990	98,5	
151	01HCM.1.0151	Mai Ánh Duyên	03/01/1984	98,5	
152	01HCM.1.0152	Nguyễn Thị Kim Duyên	28/11/1981	93,75	
153	01HCM.1.0153	Thái Thị Minh Duyên	10/01/2002	80,25	
154	01HCM.1.0154	Phạm Thị Mỹ Duyên	15/08/2000	96,5	
155	01HCM.1.0155	Phạm Văn Duyên	04/02/1982	84,5	
156	01HCM.1.0156	Huỳnh Cảnh Em	20/08/1992	95,75	
157	01HCM.1.0157	Phạm Trường Giang	08/12/1989	98,75	
158	01HCM.1.0158	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	04/10/1994	100	
159	01HCM.1.0159	Cao Văn Giáp	26/07/1984	82,75	
160	01HCM.1.0160	Võ Hồng Giàu	21/07/1995	96,5	
161	01HCM.1.0161	Huỳnh Ngọc Giàu	01/01/1990	97,5	
162	01HCM.1.0162	Võ Thị Ngọc Giàu	28/08/1990	66,25	
163	01HCM.1.0163	Đinh Thị Long Hà	10/05/1976	92,5	
164	01HCM.1.0164	Nguyễn Ngọc Hà	22/05/1991	93,75	
165	01HCM.1.0165	Phan Ngọc Hà	22/03/2003	84	
166	01HCM.1.0166	Trần Sơn Hà	10/09/1980	100	
167	01HCM.1.0167	Nguyễn Thị Thanh Hà	13/03/1984	90,5	
168	01HCM.1.0168	Trần Thanh Hà	22/04/1982	98,5	
169	01HCM.1.0169	Hà Thu Hà	02/08/1980	94,5	
170	01HCM.1.0170	Lê Thu Hà	08/09/1972	95	
171	01HCM.1.0171	Nguyễn Xuân Hà	27/07/1992	94,25	
172	01HCM.1.0172	Nguyễn Đình Hải	13/10/1985	98	
173	01HCM.1.0173	Trương Hoàng Hải	02/05/1993	100	
174	01HCM.1.0174	Lê Hồng Hải	04/08/1986	97,25	
175	01HCM.1.0175	Lê Hồng Hải	18/06/1999	100	
176	01HCM.1.0176	Nguyễn Hữu Hải	01/06/1985	61,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
177	01HCM.1.0177	Trần Minh Hải	02/09/1985	55,75	
178	01HCM.1.0178	Nguyễn Ngọc Hải	09/12/1983	96	
179	01HCM.1.0179	Nguyễn Tấn Hải	11/01/1984	81,5	
180	01HCM.1.0180	Nguyễn Thị Hải	18/01/1978	100	
181	01HCM.1.0181	Tạ Thái Ngọc Hân	02/09/2003	97	
182	01HCM.1.0182	Đào Thị Thu Hân	03/08/1980	96,5	
183	01HCM.1.0183	Nhâm Khánh Hằng	03/01/1998	98	
184	01HCM.1.0184	Trần Thị Minh Hằng	13/06/1984	97,5	
185	01HCM.1.0185	Lê Thị Hằng	26/02/1976	98,5	
186	01HCM.1.0186	Nguyễn Thị Hằng	29/05/1979	98	
187	01HCM.1.0187	Lê Thu Hằng	05/09/1971	95,25	
188	01HCM.1.0188	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/07/1989	100	
189	01HCM.1.0189	Phạm Thị Thu Hằng	10/08/1977	90,75	
190	01HCM.1.0190	Đoàn Thị Thuý Hằng	09/04/1985	96,75	
191	01HCM.1.0191	Phạm Thúy Hằng	17/07/1989	-	Không thi
192	01HCM.1.0192	Nguyễn Thị Tuyết Hằng	20/06/1993	98,75	
193	01HCM.1.0193	Lê Thị Bích Hạnh	15/07/1977	100	
194	01HCM.1.0194	Ngô Doãn Hạnh	05/05/1971	89,25	
195	01HCM.1.0195	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	09/01/1988	79,75	
196	01HCM.1.0196	Nguy Ngô Nhựt Hào	12/10/1996	-	Không thi
197	01HCM.1.0197	Bùi Thị Hậu	07/04/1990	92,5	
198	01HCM.1.0198	Trần Ngô Trung Hậu	08/09/1979	94	
199	01HCM.1.0199	Bùi Thị Hiền	17/08/1990	97,25	
200	01HCM.1.0200	Ngô Chí Hiền	26/11/1979	85,75	
201	01HCM.1.0201	Lại Thị Minh Hiền	14/07/1983	80	
202	01HCM.1.0202	Phạm Thị Minh Hiền	01/08/1988	98,75	
203	01HCM.1.0203	Trần Thị Ngọc Hiền	29/09/1974	87	
204	01HCM.1.0204	Nguyễn Thái Hiền	28/04/1986	85,75	
205	01HCM.1.0205	Nguyễn Thị Hiền	20/07/1988	90,75	
206	01HCM.1.0206	Vũ Thị Hiền	14/07/1988	98	
207	01HCM.1.0207	Cao Thị Thu Hiền	20/08/2000	93	
208	01HCM.1.0208	Đỗ Thu Hiền	27/12/1981	98,5	
209	01HCM.1.0209	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/02/1991	93,75	
210	01HCM.1.0210	Trần Thu Hiền	10/12/1991	100	
211	01HCM.1.0211	Lê Văn Hiền	03/05/1974	78,5	
212	01HCM.1.0212	Võ Huỳnh Quang Hiền	22/07/1990	93,75	
213	01HCM.1.0213	Lê Thái Hiền	17/06/1998	91,75	
214	01HCM.1.0214	Dương Văn Hiền	05/07/1976	100	
215	01HCM.1.0215	Cao Sỹ Hiệp	17/10/1983	97,25	
216	01HCM.1.0216	Lê Công Hiếu	01/02/1986	98	
217	01HCM.1.0217	Lưu Đức Hiếu	11/12/1994	87,25	
218	01HCM.1.0218	Ngô Lâm Hiếu	12/03/1997	75,25	
219	01HCM.1.0219	Bùi Mạnh Hiếu	11/09/1991	96,75	
220	01HCM.1.0220	Nguyễn Minh Hiếu	08/10/1999	81,5	
221	01HCM.1.0221	Bùi Thị Hiếu	16/05/1980	100	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
222	01HCM.1.0222	Nguyễn Văn Hiếu	10/11/1986	76	
223	01HCM.1.0223	Vũ Văn Hiếu	26/09/1997	98,5	
224	01HCM.1.0224	Lê Văn Hiếu	10/10/1983	98	
225	01HCM.1.0225	Nguyễn Phi Hồ	08/03/1978	89	
226	01HCM.1.0226	Nguyễn Thị Hồng Hoa	16/04/1977	100	
227	01HCM.1.0227	Lê Thị Ngọc Hoa	20/10/1985	100	
228	01HCM.1.0228	Hồ Thị Hoa	13/08/1986	78,75	
229	01HCM.1.0229	Đỗ Kiều Hòa	04/02/1984	76,75	
230	01HCM.1.0230	Sử Ngọc Hòa	05/09/1979	82,5	
231	01HCM.1.0231	Nguyễn Quốc Hòa	01/01/1989	98	
232	01HCM.1.0232	Nguyễn Thị Hoài	14/03/1995	100	
233	01HCM.1.0233	Dương Thị Thu Hoài	01/06/1996	91,5	
234	01HCM.1.0234	Thạch Bảo Hoàng	01/04/1980	98,75	
235	01HCM.1.0235	Nguyễn Huy Hoàng	31/01/1985	85,75	
236	01HCM.1.0236	Nguyễn Huy Hoàng	06/04/1982	100	
237	01HCM.1.0237	Nguyễn Phan Huy Hoàng	20/01/1999	90	
238	01HCM.1.0238	Nguyễn Lê Hoàng	10/10/1988	98,75	
239	01HCM.1.0239	Bùi Minh Hoàng	12/08/1986	95,5	
240	01HCM.1.0240	Nguyễn Minh Hoàng	27/10/1983	91,75	
241	01HCM.1.0241	Nguyễn Minh Hoàng	27/03/1999	92,25	
242	01HCM.1.0242	Nguyễn Thanh Hoàng	27/07/1984	98,75	
243	01HCM.1.0243	Vũ Tuyên Hoàng	09/01/1992	98	
244	01HCM.1.0244	Trương Việt Hoàng	11/05/1999	90	
245	01HCM.1.0245	Doãn Bá Hội	01/10/1978	87,75	
246	01HCM.1.0246	Nguyễn Bá Hội	10/04/1984	96,5	
247	01HCM.1.0247	Trần Thị Bích Hồng	02/01/1985	81,5	
248	01HCM.1.0248	Nguyễn Thị Hồng	01/05/1992	98,75	
249	01HCM.1.0249	Trần Thị Hồng	03/05/1978	100	
250	01HCM.1.0250	Lê Thị Thúy Hồng	06/08/1982	82,25	
251	01HCM.1.0251	Trương Trần Hoàng Huân	12/10/1974	85,75	
252	01HCM.1.0252	Bùi Sỹ Huân	18/09/1996	64,25	
253	01HCM.1.0253	Lê Thị Huệ	30/06/2000	100	
254	01HCM.1.0254	Nguyễn Thị Huệ	06/08/1980	100	
255	01HCM.1.0255	Trương Thị Huệ	10/08/1976	100	
256	01HCM.1.0256	Nguyễn Kim Hùng	29/10/1966	98,5	
257	01HCM.1.0257	Lâm Mạnh Hùng	26/08/1999	62,5	
258	01HCM.1.0258	Nguyễn Minh Hùng	28/02/1978	94,25	
259	01HCM.1.0259	Huỳnh Ngọc Hùng	19/05/1978	96	
260	01HCM.1.0260	Nguyễn Quốc Hùng	08/10/1980	98	
261	01HCM.1.0261	Thạch Thái Hùng	03/09/1974	97,25	
262	01HCM.1.0262	Đặng Văn Hùng	19/08/1996	93,25	
263	01HCM.1.0263	Đỗ Lê Hưng	06/03/1995	88,5	
264	01HCM.1.0264	Nguyễn Quang Hưng	04/09/1987	71,5	
265	01HCM.1.0265	Trần Quang Hưng	14/11/1986	100	
266	01HCM.1.0266	Lê Hoàng Thế Hưng	27/08/1997	95,25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
267	01HCM.1.0267	Trần Văn Hưng	14/01/1981	96,5	
268	01HCM.1.0268	Vo Thị Thanh Hương	20/12/1983	-	Không thi
269	01HCM.1.0269	Huỳnh Thị Hồng Hương	11/12/2001	94,5	
270	01HCM.1.0270	Lê Thị Lệ Hương	01/01/1985	100	
271	01HCM.1.0271	Lữ Thị Mộng Hương	13/02/1990	73,25	
272	01HCM.1.0272	Cao Thị Mỹ Hương	27/08/1977	84	
273	01HCM.1.0273	Nguyễn Thị Mỹ Hương	05/05/1986	70	
274	01HCM.1.0274	Võ Quỳnh Hương	16/03/1996	87,25	
275	01HCM.1.0275	Nguyễn Thị Thanh Hương	06/12/1986	83,75	
276	01HCM.1.0276	Trần Thị Thiên Hương	23/08/1999	87,75	
277	01HCM.1.0277	Hách Thị Hường	14/03/1993	94	
278	01HCM.1.0278	Phạm Văn Hường	06/05/1993	98	
279	01HCM.1.0279	Nguyễn Bá Hữu	30/03/1985	88,5	
280	01HCM.1.0280	Trần Đức Huy	02/01/2001	96	
281	01HCM.1.0281	Tạ Hoàng Huy	02/11/1996	91,5	
282	01HCM.1.0282	Bùi Khắc Huy	17/12/1977	94	
283	01HCM.1.0283	Huỳnh Ngọc Huy	01/03/1985	96,75	
284	01HCM.1.0284	Phạm Quang Huy	01/02/1999	94,5	
285	01HCM.1.0285	Phan Quốc Huy	06/06/1991	94,5	
286	01HCM.1.0286	Tổng Vũ Quốc Huy	01/07/1978	100	
287	01HCM.1.0287	Trần Quốc Huy	17/11/1996	94	
288	01HCM.1.0288	Nguyễn Văn Huy	02/10/1976	100	
289	01HCM.1.0289	Nguyễn Thị Yên Huy	05/06/1985	78,5	
290	01HCM.1.0290	Nguyễn Thị Mộng Huyền	30/04/1991	98,5	
291	01HCM.1.0291	Ngô Thị Thanh Huyền	27/05/1983	98	
292	01HCM.1.0292	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/06/1989	100	
293	01HCM.1.0293	Nguyễn Thị Huyền	02/10/1971	98	
294	01HCM.1.0294	Trần Thị Huyền	27/08/1982	98,5	
295	01HCM.1.0295	Điều Hà Thu Huyền	13/07/2000	92	
296	01HCM.1.0296	Vũ Văn Huyền	10/10/1981	93,75	
297	01HCM.1.0297	Nguyễn Tiến Huỳnh	25/05/1986	76,75	
298	01HCM.1.0298	Hứa Tấn Khải	15/12/1990	92	
299	01HCM.1.0299	Nguyễn Đắc Khang	08/11/1991	100	
300	01HCM.1.0300	Nguyễn Hồng Duy Khang	27/01/1997	85,25	
301	01HCM.1.0301	Nguyễn Lữ Kỳ Khang	09/06/2000	87,25	
302	01HCM.1.0302	Trần Minh Khang	15/02/1993	98,5	
303	01HCM.1.0303	Trương Đình Nguyên Khang	29/11/2000	98,75	
304	01HCM.1.0304	Nguyễn Lưu Vĩnh Khang	16/08/1993	91,5	
305	01HCM.1.0305	Lê Vương Khang	16/11/1994	74,25	
306	01HCM.1.0306	Nguyễn Tuấn Khanh	03/02/1994	100	
307	01HCM.1.0307	Hồ Thị Kim Khánh	02/09/1983	100	
308	01HCM.1.0308	Phạm Phương Khánh	16/09/1986	100	
309	01HCM.1.0309	Nguyễn Văn Khánh	10/12/1981	100	
310	01HCM.1.0310	Nguyễn An Bửu Khiêm	01/08/1985	100	
311	01HCM.1.0311	Phạm Hoàng Khiêm	15/06/1988	90,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
312	01HCM.1.0312	Lai Trinh Anh Khoa	16/02/1987	92	
313	01HCM.1.0313	Lê Anh Khoa	16/05/1995	100	
314	01HCM.1.0314	Nguyễn Đăng Anh Khoa	09/07/1996	94,5	
315	01HCM.1.0315	Trần Lê Anh Khoa	23/04/1995	80	
316	01HCM.1.0316	Võ Anh Khoa	08/09/1989	98,5	
317	01HCM.1.0317	Nguyễn Võ Đăng Khoa	23/06/2001	98,75	
318	01HCM.1.0318	Nguyễn Đoàn Minh Khoa	07/10/1999	98,5	
319	01HCM.1.0319	Lê Duy Khôi	09/03/2000	95	
320	01HCM.1.0320	Cao Hồng Khởi	18/03/2002	94,5	
321	01HCM.1.0321	Châu Phạm Khuê	28/06/1996	100	
322	01HCM.1.0322	Võ Nhật Khương	13/05/1984	82,75	
323	01HCM.1.0323	Đào Trọng Kiên	21/10/1976	92	
324	01HCM.1.0324	Võ Tấn Anh Kiệt	12/06/1976	96	
325	01HCM.1.0325	Trương Quốc Kiệt	15/08/1996	100	
326	01HCM.1.0326	Trần Thị Diễm Kiều	01/09/1990	100	
327	01HCM.1.0327	Trần Thị Thuý Kiều	04/06/1989	98,5	
328	01HCM.1.0328	Tạ Hoàn Kim	13/11/1995	85,5	
329	01HCM.1.0329	Nguyễn Thành Kính	05/05/1993	94,5	
330	01HCM.1.0330	Trương Thế Kỳ	17/11/1987	84	
331	01HCM.1.0331	Tạ Bảo Lâm	30/06/1982	85,5	
332	01HCM.1.0332	Phạm Cao Lâm	16/11/1994	89,75	
333	01HCM.1.0333	Nguyễn Hoàng Lâm	07/10/1987	93,5	
334	01HCM.1.0334	Nguyễn Hồng Lâm	22/09/1986	96	
335	01HCM.1.0335	Nguyễn Thanh Lâm	04/08/1986	83,75	
336	01HCM.1.0336	Nguyễn Văn Lâm	01/01/1990	85,25	
337	01HCM.1.0337	Chu Thị Kim Lan	25/11/1982	95,75	
338	01HCM.1.0338	Lưu Mai Lan	01/05/1999	98,5	
339	01HCM.1.0339	Phạm Thị Ngọc Lan	25/07/2000	95,25	
340	01HCM.1.0340	Phạm Thị Quỳnh Lan	08/11/1969	100	
341	01HCM.1.0341	Hồ Thị Lan	08/08/2000	96,5	
342	01HCM.1.0342	Nguyễn Thị Lan	16/07/1993	97,25	
343	01HCM.1.0343	Bùi Ngọc Lân	17/04/1998	53,5	
344	01HCM.1.0344	Nguyễn Văn Lành	24/09/1987	91,75	
345	01HCM.1.0345	Đinh Hoàng Lê	31/01/1975	100	
346	01HCM.1.0346	Trần Thị Như Lê	10/12/1982	70,5	
347	01HCM.1.0347	Nguyễn Thị Mỹ Lê	20/06/1992	75,5	
348	01HCM.1.0348	Hồ Văn Lân	20/02/1992	98	
349	01HCM.1.0349	Huỳnh Thanh Liêm	23/08/1984	97,25	
350	01HCM.1.0350	Đặng Kim Liên	08/09/1991	100	
351	01HCM.1.0351	Nguyễn Thị Như Liên	15/05/1974	67,75	
352	01HCM.1.0352	Lương Thị Bích Linh	29/05/1998	98,5	
353	01HCM.1.0353	Nguyễn Thị Diệu Linh	22/07/1985	73,5	
354	01HCM.1.0354	Trương Xuân Hà Linh	24/11/1996	97,25	
355	01HCM.1.0355	Mai Hoàng Linh	15/09/1992	88	
356	01HCM.1.0356	Phan Khánh Linh	21/03/1997	98	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
357	01HCM.1.0357	Lê Tấn Linh	06/09/1992	96,5	
358	01HCM.1.0358	Hồ Hoàng Thảo Linh	15/08/1990	98,5	
359	01HCM.1.0359	Văn Thị Thuỳ Linh	12/09/1982	100	
360	01HCM.1.0360	Đặng Văn Linh	10/12/1991	81	
361	01HCM.1.0361	Trần Việt Linh	03/04/1992	85,75	
362	01HCM.1.0362	Võ Thị Kim Loan	20/02/1976	100	
363	01HCM.1.0363	Nguyễn Ngọc Thanh Loan	15/02/1976	89,75	
364	01HCM.1.0364	Phạm Thị Diễm Lộc	14/03/1981	98,75	
365	01HCM.1.0365	Tổng Phước Lộc	09/09/1997	91,25	
366	01HCM.1.0366	Huỳnh Tấn Lộc	25/01/1998	91	
367	01HCM.1.0367	Lâm Tấn Lộc	27/09/1993	93	
368	01HCM.1.0368	Trần Tiên Lộc	08/02/1990	100	
369	01HCM.1.0369	Nguyễn Khắc Lợi	12/02/1986	100	
370	01HCM.1.0370	Nguyễn Hoàng Thuận Lợi	28/05/1994	94	
371	01HCM.1.0371	Vũ Hải Long	22/10/1982	67,75	
372	01HCM.1.0372	Lê Hoàng Long	22/12/1985	98	
373	01HCM.1.0373	Nguyễn Hoàng Long	28/08/1988	82	
374	01HCM.1.0374	Thái Hoàng Long	12/08/1996	79,25	
375	01HCM.1.0375	Nguyễn Ngọc Huỳnh Long	19/05/1980	64	
376	01HCM.1.0376	Hoàng Ngọc Long	20/06/1991	85,75	
377	01HCM.1.0377	Huỳnh Quốc Long	16/03/1974	93,5	
378	01HCM.1.0378	Lê Thành Long	19/12/1988	-	Không thi
379	01HCM.1.0379	Nguyễn Thành Long	06/06/1981	98,75	
380	01HCM.1.0380	Lê Xuân Long	26/05/1987	97,25	
381	01HCM.1.0381	Tiêu Trọng Minh Luân	04/09/1988	94,5	
382	01HCM.1.0382	Đinh Quang Luân	12/12/1992	92,25	
383	01HCM.1.0383	Đặng Vũ Luân	16/10/1999	63,25	
384	01HCM.1.0384	Nguyễn Quốc Luận	08/02/1978	86,75	
385	01HCM.1.0385	Huỳnh Văn Luận	18/01/1980	91,25	
386	01HCM.1.0386	Từ Thị Hồng Ly	20/04/1980	100	
387	01HCM.1.0387	Nguyễn Khánh Ly	15/08/1990	96	
388	01HCM.1.0388	Phạm Thị Ly	06/03/1987	72	
389	01HCM.1.0389	Trương Minh Lý	13/08/1989	98,5	
390	01HCM.1.0390	Từ Khánh Mai	26/12/2002	96,5	
391	01HCM.1.0391	Huỳnh Thị Ngọc Mai	01/11/1987	98,75	
392	01HCM.1.0392	Trần Phương Mai	15/01/1989	94,75	
393	01HCM.1.0393	Nguyễn Thanh Mai	27/10/1983	80,25	
394	01HCM.1.0394	Phạm Thị Thanh Mai	02/09/1996	77	
395	01HCM.1.0395	Trần Thị Trúc Mai	09/12/1984	69	
396	01HCM.1.0396	Nguyễn Thị Tuyết Mai	20/10/1986	76,75	
397	01HCM.1.0397	Phạm Thị Xuân Mai	29/12/1989	98	
398	01HCM.1.0398	Hồ Văn Mãi	18/03/1991	93,75	
399	01HCM.1.0399	Nguyễn Thị Mến	03/10/1986	86,5	
400	01HCM.1.0400	Nguyễn Đại Anh Minh	05/03/1990	100	
401	01HCM.1.0401	Lê Bình Minh	22/04/1982	96,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
402	01HCM.1.0402	Phạm Thanh Hải Minh	15/05/1982	100	
403	01HCM.1.0403	Phạm Hoàng Minh	22/01/1981	50	
404	01HCM.1.0404	Trương Ngọc Minh	21/05/1984	98,75	
405	01HCM.1.0405	Dương Quang Minh	29/05/1982	87,75	
406	01HCM.1.0406	Ngô Quang Minh	07/09/1994	91,75	
407	01HCM.1.0407	Cao Thị Thanh Minh	12/01/1976	94,75	
408	01HCM.1.0408	Phạm Xuân Minh	22/12/1989	100	
409	01HCM.1.0409	Đoàn Thanh Mộng	16/06/1987	96,75	
410	01HCM.1.0410	Nguyễn Văn Mười Một	04/05/1976	96,5	
411	01HCM.1.0411	Kiều Thị Trà My	19/07/1987	100	
412	01HCM.1.0412	Nguyễn Lê Hoàn Mỹ	20/05/1990	87,75	
413	01HCM.1.0413	Nguyễn Hoài Nam	20/09/1977	100	
414	01HCM.1.0414	Nguyễn Hoàng Nam	20/10/1997	89	
415	01HCM.1.0415	Nguyễn Phương Nam	16/02/1985	76,5	
416	01HCM.1.0416	Nguyễn Phương Nam	11/07/1971	76,25	
417	01HCM.1.0417	Nguyễn Thị Bích Nga	06/02/1978	87	
418	01HCM.1.0418	Trần Thị Thanh Nga	31/07/1982	97,5	
419	01HCM.1.0419	Đào Thị Nga	24/04/1985	98	
420	01HCM.1.0420	Phạm Thị Nga	15/05/1987	98,5	
421	01HCM.1.0421	Nguyễn Tuyết Nga	28/11/1995	100	
422	01HCM.1.0422	Bùi Ái Ngân	08/05/1988	100	
423	01HCM.1.0423	Lê Thị Thảo Ngân	08/06/1988	96,75	
424	01HCM.1.0424	Trần Thị Tuyết Ngân	27/05/2002	91	
425	01HCM.1.0425	Nguyễn Hồng Xuân Ngân	02/12/2001	90,75	
426	01HCM.1.0426	Lê Đình Nghi	18/11/1990	97,5	
427	01HCM.1.0427	Nguyễn Đức Nghĩa	09/10/1979	97,5	
428	01HCM.1.0428	Mai Hồ Nghĩa	17/09/1989	96,25	
429	01HCM.1.0429	Đoàn Hữu Nghĩa	14/12/2001	98	
430	01HCM.1.0430	Thạch Hữu Nghĩa	22/09/1978	92,75	
431	01HCM.1.0431	Trương Thành Nghĩa	01/01/1990	88,75	
432	01HCM.1.0432	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	29/09/1997	98,5	
433	01HCM.1.0433	Nguyễn Thị Bích Ngọc	30/12/1985	100	
434	01HCM.1.0434	Vũ Bích Ngọc	02/03/1986	81,75	
435	01HCM.1.0435	Đậu Công Ngọc	13/09/1980	97,25	
436	01HCM.1.0436	Nguyễn Thị Hoài Ngọc	09/08/1989	62,5	
437	01HCM.1.0437	Huỳnh Thị Như Ngọc	10/07/1989	96,25	
438	01HCM.1.0438	Nguyễn Phương Ngọc	03/08/1991	93,25	
439	01HCM.1.0439	Nguyễn Quang Ngọc	11/07/1984	97,25	
440	01HCM.1.0440	Ngô Tân Ngọc	08/04/1977	95,5	
441	01HCM.1.0441	Trần Văn Ngọc	19/05/1990	92,25	
442	01HCM.1.0442	Lê Cao Nguyên	10/06/1991	93	
443	01HCM.1.0443	Trương Công Nguyên	19/04/2001	94	
444	01HCM.1.0444	Trương Công Nguyên	06/09/1985	67	
445	01HCM.1.0445	Phạm Đức Nguyên	24/02/1984	100	
446	01HCM.1.0446	Lâm Hoàng Nguyên	10/08/1978	77	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
447	01HCM.1.0447	Trần Nhật Nguyên	01/01/1994	84	
448	01HCM.1.0448	Nguyễn Phúc Nguyên	04/03/1997	59,5	
449	01HCM.1.0449	Hồ Thụy Thảo Nguyên	14/10/1984	97,25	
450	01HCM.1.0450	Nguyễn Trọng Nguyên	14/08/1996	98	
451	01HCM.1.0451	Lâm Hà Trúc Nguyên	22/12/1990	100	
452	01HCM.1.0452	Lý Trường Nguyên	27/10/1976	87,75	
453	01HCM.1.0453	Hoàng Trần Minh Nguyệt	30/08/1987	87,5	
454	01HCM.1.0454	Nguyễn Thị Nguyệt	14/08/1990	100	
455	01HCM.1.0455	Nguyễn Đoan Nhã	29/07/1989	98,5	
456	01HCM.1.0456	Trần Hữu Nhã	25/09/1991	100	
457	01HCM.1.0457	Nguyễn Quang Nhã	09/01/1981	96,25	
458	01HCM.1.0458	Trần Nguyễn Danh Nhân	22/08/2000	-	Không thi
459	01HCM.1.0459	Nguyễn Thành Nhân	20/01/1991	92,25	
460	01HCM.1.0460	Nguyễn Thị Thảo Nhân	12/09/1990	96,5	
461	01HCM.1.0461	Bồ Trọng Nhân	18/01/1975	96,5	
462	01HCM.1.0462	Nguyễn Minh Nhanh	12/11/1980	-	Không thi
463	01HCM.1.0463	Trương Châu Nhật	12/07/1991	94,75	
464	01HCM.1.0464	Hồ Thị Minh Nhật	27/01/1988	98,5	
465	01HCM.1.0465	Trương Vũ Quang Nhật	01/03/1979	95	
466	01HCM.1.0466	Trần Tuyết Nhi	01/01/2001	96	
467	01HCM.1.0467	Nguyễn Vương Nhi	19/04/1990	91	
468	01HCM.1.0468	Dương Yến Nhi	27/10/1995	94,5	
469	01HCM.1.0469	Đinh Long Nhiệm	05/01/1982	98	
470	01HCM.1.0470	Châu Thành Nhiên	29/12/1977	95	
471	01HCM.1.0471	Lữ Thị Hồng Như	21/12/1990	92,25	
472	01HCM.1.0472	Mai Ngọc Như	28/05/2003	76,5	
473	01HCM.1.0473	Lê Quỳnh Như	12/03/1978	92,25	
474	01HCM.1.0474	Hồ Thị Hồng Nhung	16/11/1975	97,25	
475	01HCM.1.0475	Lê Nữ Hồng Nhung	23/08/1976	98,5	
476	01HCM.1.0476	Phạm Hồng Nhung	28/09/1984	98,75	
477	01HCM.1.0477	Tô Trần Hồng Nhung	18/02/1998	68,25	
478	01HCM.1.0478	Trần Thị Ngọc Nhung	09/03/1992	95,5	
479	01HCM.1.0479	Nguyễn Dương Tuyết Nhung	01/01/1989	98	
480	01HCM.1.0480	Trần Minh Nhựt	01/08/1999	75	
481	01HCM.1.0481	La Thị Mỹ Nương	01/12/1989	97,25	
482	01HCM.1.0482	Hứa Hoàng Oanh	08/11/1980	92,75	
483	01HCM.1.0483	Hà Thị Kim Oanh	09/05/1976	98,5	
484	01HCM.1.0484	Phan Thị Kim Oanh	11/02/2002	87,25	
485	01HCM.1.0485	Vương Thị Oanh Oanh	05/01/1973	96,5	
486	01HCM.1.0486	Trần Thị Oanh	16/05/2000	84	
487	01HCM.1.0487	Võ Thị Châu Pha	27/07/1988	96,75	
488	01HCM.1.0488	Lê Pháp	23/09/1995	92,75	
489	01HCM.1.0489	Phạm Thế Pháp	24/04/1974	98,75	
490	01HCM.1.0490	Nguyễn Thành Phát	28/11/1988	100	
491	01HCM.1.0491	Đỗ Văn Phép	16/03/1998	72,25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
492	01HCM.1.0492	Nguyễn Công Phi	18/10/1976	85,5	
493	01HCM.1.0493	Nguyễn Quốc Phi	05/03/1993	96,75	
494	01HCM.1.0494	Lê Trần Lam Phim	03/11/1993	98	
495	01HCM.1.0495	Chung Cao Phong	23/10/1986	89,75	
496	01HCM.1.0496	Nguyễn Hoàng Phong	16/05/1986	85	
497	01HCM.1.0497	Huỳnh Phong	02/11/1978	98	
498	01HCM.1.0498	Ngô Quang Phong	08/11/1999	87,25	
499	01HCM.1.0499	Lê Huy Phu	06/02/1976	94,75	
500	01HCM.1.0500	Trần Như Phú	10/01/1998	82,25	
501	01HCM.1.0501	Lê Sang Thiên Phú	03/11/1993	93,25	
502	01HCM.1.0502	Ngô Trọng Phú	10/04/1979	98,75	
503	01HCM.1.0503	Lê Nguyễn Hoàng Phúc	03/05/1997	94,25	
504	01HCM.1.0504	Nguyễn Hoàng Phúc	14/02/1995	83,5	
505	01HCM.1.0505	Nguyễn Tài Phúc	21/10/1989	98,5	
506	01HCM.1.0506	Trương Vĩnh Phúc	13/10/1995	98,5	
507	01HCM.1.0507	Nguyễn Võ Phúc	19/06/1989	98,5	
508	01HCM.1.0508	Trần Tấn Phùng	15/08/1976	94,75	
509	01HCM.1.0509	Tiêu Kim Phụng	26/06/2000	78,75	
510	01HCM.1.0510	Trần Kim Phụng	02/08/1992	83,25	
511	01HCM.1.0511	Lương Văn Phụng	20/12/1974	92	
512	01HCM.1.0512	Lê Đình Phước	28/02/1991	100	
513	01HCM.1.0513	Phạm Đông Phước	17/11/1976	97,25	
514	01HCM.1.0514	Nguyễn Hạnh Phước	05/02/1985	70,5	
515	01HCM.1.0515	Phạm Thị Mỹ Phước	10/10/1985	80,5	
516	01HCM.1.0516	Nguyễn Đông Phương	28/06/1988	93	
517	01HCM.1.0517	Phan Hùng Phương	26/07/1996	95,25	
518	01HCM.1.0518	Lê Thị Lan Phương	17/10/1986	80,75	
519	01HCM.1.0519	Mai Thị Lan Phương	03/06/1987	98,75	
520	01HCM.1.0520	Trương Lan Phương	17/05/1983	81	
521	01HCM.1.0521	Trần Lê Phương	14/01/1965	90,75	
522	01HCM.1.0522	Lê Minh Phương	06/02/1985	87,5	
523	01HCM.1.0523	Hồ Ngọc Phương	29/05/1980	76,75	
524	01HCM.1.0524	Lương Thanh Phương	17/08/1980	69	
525	01HCM.1.0525	Lê Thị Phương	08/11/1990	100	
526	01HCM.1.0526	Nguyễn Thị Trúc Phương	20/08/1987	83,75	
527	01HCM.1.0527	Nguyễn Hoàng Tuấn Phương	04/01/1989	86	
528	01HCM.1.0528	Đinh Văn Phương	12/01/1992	83,75	
529	01HCM.1.0529	Trần Văn Phương	01/07/1985	92	
530	01HCM.1.0530	Nguyễn Lê Yên Phương	02/11/1986	98	
531	01HCM.1.0531	Bùi Thị Bích Phương	28/08/1988	92,75	
532	01HCM.1.0532	Trần Thị Linh Phương	30/03/1986	87,75	
533	01HCM.1.0533	Hà Thị Mỹ Phương	11/09/1994	98	
534	01HCM.1.0534	Trần Vĩ Phương	17/06/1992	100	
535	01HCM.1.0535	Lê Hồng Quân	22/12/1987	86,75	
536	01HCM.1.0536	Đoàn Minh Quân	16/09/1991	98	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
537	01HCM.1.0537	Lâm Minh Quân	01/01/1992	88,75	
538	01HCM.1.0538	Huỳnh Văn Quân	13/07/1991	98	
539	01HCM.1.0539	Phùng Đức Quang	07/06/1983	90,25	
540	01HCM.1.0540	Bùi Minh Quang	25/11/2001	68	
541	01HCM.1.0541	Bùi Ngọc Quang	15/01/2000	95,75	
542	01HCM.1.0542	Lê Hữu Nhật Quang	27/02/1991	91	
543	01HCM.1.0543	Nguyễn Nhật Quang	02/01/2000	98	
544	01HCM.1.0544	Nguyễn Thanh Quang	29/03/1979	100	
545	01HCM.1.0545	Đặng Vũ Quang	26/04/1991	90,75	
546	01HCM.1.0546	Bùi Thanh Quảng	09/08/1981	95,75	
547	01HCM.1.0547	Nguyễn Khắc Quế	23/05/1983	73,75	
548	01HCM.1.0548	Trần Thị Ngọc Quý	18/06/1993	100	
549	01HCM.1.0549	Lâm Phú Quý	22/05/1991	100	
550	01HCM.1.0550	Trần Huỳnh Quốc	26/10/1984	90,75	
551	01HCM.1.0551	Trương Tấn Quốc	19/06/1965	74,75	
552	01HCM.1.0552	Trần Thị Lệ Quyên	15/09/1985	91,5	
553	01HCM.1.0553	Nguyễn Ngọc Quyên	03/07/1999	98,75	
554	01HCM.1.0554	Cao Thị Thúy Quyên	04/06/1997	47,5	
555	01HCM.1.0555	Lê Văn Quyên	20/01/1980	75,25	
556	01HCM.1.0556	Phạm Như Quỳnh	17/11/1992	100	
557	01HCM.1.0557	Lưu Hồ Xuân Quỳnh	29/11/1989	100	
558	01HCM.1.0558	Trương Đăng Nguyên Sa	29/11/1986	97,25	
559	01HCM.1.0559	Phạm Trường Sa	16/09/1984	92	
560	01HCM.1.0560	Nguyễn Thị Ngọc Sạch	06/08/1991	100	
561	01HCM.1.0561	Trần Ngọc Sâm	09/05/1984	86,75	
562	01HCM.1.0562	Diệp Hoàng Sang	26/01/1989	89,5	
563	01HCM.1.0563	Trương Xuân Sang	18/05/1999	79	
564	01HCM.1.0564	Nguyễn Văn Sáng	25/04/1996	76	
565	01HCM.1.0565	Hoàng Thị Y Sao	18/04/1991	100	
566	01HCM.1.0566	Nguyễn Đình Sơn	15/08/1976	98	
567	01HCM.1.0567	Lâm Giang Sơn	21/10/1983	100	
568	01HCM.1.0568	Trần Hoàng Sơn	26/07/1996	72,5	
569	01HCM.1.0569	Đoàn Ngọc Sơn	09/09/1992	78,5	
570	01HCM.1.0570	Nguyễn Thành Sơn	20/10/1989	39,75	
571	01HCM.1.0571	Phạm Thê Sơn	26/04/1990	100	
572	01HCM.1.0572	Phạm Tuấn Sơn	21/08/1995	95,25	
573	01HCM.1.0573	Nguyễn Vũ Sơn	25/12/1986	66	
574	01HCM.1.0574	Dương Văn Sự	08/02/1969	97,25	
575	01HCM.1.0575	Lê Minh Sửu	20/12/1984	98,5	
576	01HCM.1.0576	Nguyễn Chí Tài	24/11/1983	69,75	
577	01HCM.1.0577	Nguyễn Tấn Tài	25/06/1995	74,75	
578	01HCM.1.0578	Nguyễn Tiến Tài	06/01/1987	90,25	
579	01HCM.1.0579	Lê Văn Tài	05/07/1997	98,75	
580	01HCM.1.0580	Trần Xuân Tài	15/09/1981	92	
581	01HCM.1.0581	Lê Đức Tâm	02/07/1981	97	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
582	01HCM.1.0582	Bùi Hoài Tâm	10/06/1987	100	
583	01HCM.1.0583	Đặng Hữu Tâm	13/07/1980	94,25	
584	01HCM.1.0584	Trương Hữu Tâm	14/04/1987	79	
585	01HCM.1.0585	Nguyễn Đức Minh Tâm	03/07/1990	-	Không thi
586	01HCM.1.0586	Phan Minh Tâm	01/01/1989	96	
587	01HCM.1.0587	Huỳnh Thị Thanh Tâm	31/12/1988	96,25	
588	01HCM.1.0588	Võ Thanh Tâm	21/08/1994	73,25	
589	01HCM.1.0589	Dương Thị Tâm	27/10/1986	95,5	
590	01HCM.1.0590	Dương Thị Tâm	09/09/1976	97,5	
591	01HCM.1.0591	Lê Văn Tâm	01/01/1985	84,5	
592	01HCM.1.0592	Nguyễn Văn Tâm	08/08/1977	85,25	
593	01HCM.1.0593	Nguyễn Việt Tâm	04/02/1985	87	
594	01HCM.1.0594	Nguyễn Mạnh Tân	18/01/1992	94,5	
595	01HCM.1.0595	Nguyễn Minh Tân	01/01/1989	96,25	
596	01HCM.1.0596	Nguyễn Minh Tân	16/07/1993	92,75	
597	01HCM.1.0597	Hoàng Ngọc Tân	14/10/1985	84,25	
598	01HCM.1.0598	Phan Nhật Tân	12/12/1991	94,75	
599	01HCM.1.0599	Nguyễn Phương Tân	17/09/1986	100	
600	01HCM.1.0600	Đoàn Thanh Tân	06/03/1989	81,5	
601	01HCM.1.0601	Nguyễn Thành Tân	17/09/1995	96,75	
602	01HCM.1.0602	Tài Văn Tân	09/02/1989	98,5	
603	01HCM.1.0603	Võ Ngọc Phương Tân	19/04/1996	88,5	
604	01HCM.1.0604	Nguyễn Văn Tạo	10/02/1994	95,25	
605	01HCM.1.0605	Phạm Văn Tây	10/08/1969	100	
606	01HCM.1.0606	Đặng Như Ngọc Thạch	24/01/1996	90	
607	01HCM.1.0607	Võ Minh Thái	07/02/1984	85,5	
608	01HCM.1.0608	Phạm Văn Thân	02/04/1979	98,5	
609	01HCM.1.0609	Hoàng Văn Thắng	16/04/1996	95,75	
610	01HCM.1.0610	Nguyễn Văn Thắng	03/12/1988	-	Không thi
611	01HCM.1.0611	Lưu Xuân Thắng	18/08/2001	87,5	
612	01HCM.1.0612	Lê Đình Thanh	13/09/1981	100	
613	01HCM.1.0613	Nguyễn Thị Hoài Thanh	30/08/1984	87,75	
614	01HCM.1.0614	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	06/07/1988	100	
615	01HCM.1.0615	Kiều Quốc Thanh	21/05/1983	100	
616	01HCM.1.0616	Đào Thị Thanh	17/08/1991	89	
617	01HCM.1.0617	Nguyễn Thị Thanh	03/10/1987	98,5	
618	01HCM.1.0618	Nguyễn Trúc Thanh	30/07/1989	88,75	
619	01HCM.1.0619	Đỗ Bảo Thành	02/10/1994	84,25	
620	01HCM.1.0620	Nguyễn Chí Thành	10/02/1987	91,75	
621	01HCM.1.0621	Nguyễn Đăng Thành	19/01/1992	98,5	
622	01HCM.1.0622	Nguyễn Phúc Thành	14/01/1975	96,75	
623	01HCM.1.0623	Trương Thị Thành	26/09/1985	94	
624	01HCM.1.0624	Bùi Ngô Tiến Thành	16/09/1992	89,75	
625	01HCM.1.0625	Nguyễn Trung Thành	13/10/1987	98,5	
626	01HCM.1.0626	Phạm Thạnh	20/10/1984	63,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
627	01HCM.1.0627	Nguyễn Hồng Thảo	28/07/1986	89	
628	01HCM.1.0628	Lê Khắc Thảo	13/08/1973	92,5	
629	01HCM.1.0629	Mai Thị Ngọc Thảo	18/09/1994	96,5	
630	01HCM.1.0630	Hồng Nhật Thảo	06/03/1990	94,5	
631	01HCM.1.0631	Dương Thị Phương Thảo	15/10/2001	93,5	
632	01HCM.1.0632	Nguyễn Phương Thảo	11/05/1975	89,75	
633	01HCM.1.0633	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/03/1993	84	
634	01HCM.1.0634	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/09/1989	94,75	
635	01HCM.1.0635	Bùi Thị Thanh Thảo	11/04/1996	98,5	
636	01HCM.1.0636	Vũ Thanh Thảo	09/10/1984	82,75	
637	01HCM.1.0637	Nguyễn Thị Thảo	08/05/1995	77,75	
638	01HCM.1.0638	Bùi Ngọc Thu Thảo	14/05/2000	97,25	
639	01HCM.1.0639	Lê Thị Thu Thảo	16/12/1997	70,5	
640	01HCM.1.0640	Nguyễn Văn Thảo	05/10/1971	30,5	
641	01HCM.1.0641	Mai Trần Vương Thảo	06/07/1981	100	
642	01HCM.1.0642	Đồng Mạnh Thế	18/01/1971	96,25	
643	01HCM.1.0643	Trần Khánh Thi	29/10/1991	94,75	
644	01HCM.1.0644	Nguyễn Mai Thi	10/08/1981	98,5	
645	01HCM.1.0645	Trần Minh Thi	20/03/1993	90,5	
646	01HCM.1.0646	Nguyễn Văn Thích	08/04/1972	98,75	
647	01HCM.1.0647	Nguyễn Quốc Thiện	08/03/1986	98	
648	01HCM.1.0648	Nguyễn Xuân Thiện	12/05/1970	100	
649	01HCM.1.0649	Nguyễn Đình Thịnh	20/09/1995	91,5	
650	01HCM.1.0650	Nguyễn Đức Thịnh	04/02/1994	72,5	
651	01HCM.1.0651	Vũ Hiền Thịnh	19/07/1986	90,5	
652	01HCM.1.0652	Nguyễn Hữu Thịnh	12/11/1977	93	
653	01HCM.1.0653	Trần Văn Thịnh	18/06/2000	98,5	
654	01HCM.1.0654	Lê Thị Xuân Thơ	14/11/1982	93,75	
655	01HCM.1.0655	Võ Duy Thông	15/12/1982	76	
656	01HCM.1.0656	Nguyễn Thế Thông	25/11/1981	93	
657	01HCM.1.0657	Nguyễn Thị Diệu Thu	23/01/1993	91,5	
658	01HCM.1.0658	Lê Thị Hoài Thu	18/11/1984	100	
659	01HCM.1.0659	Trần Thị Hoài Thu	25/08/1977	98,75	
660	01HCM.1.0660	Phan Nguyễn Anh Thư	21/03/1979	97,25	
661	01HCM.1.0661	Trần Tú Anh Thư	15/01/1999	100	
662	01HCM.1.0662	Bùi Kim Thư	24/11/1985	87	
663	01HCM.1.0663	Hoàng Kim Thư	09/03/2001	97,25	
664	01HCM.1.0664	Võ Kỳ Thư	19/03/1977	94,75	
665	01HCM.1.0665	Võ Thị Minh Thư	28/02/1983	90	
666	01HCM.1.0666	Lê Phước Thiên Thư	10/12/1984	80,25	
667	01HCM.1.0667	Lê Thị Thiên Thư	22/10/1986	98,75	
668	01HCM.1.0668	Cáp Kim Thuận	01/05/1987	100	
669	01HCM.1.0669	Nguyễn Thị Kim Thuận	19/01/1987	98	
670	01HCM.1.0670	Nguyễn Văn Hoài Thương	08/06/1992	98	
671	01HCM.1.0671	Tạ Thương	13/06/1993	49,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
672	01HCM.1.0672	Nguyễn Thị Thương	27/03/1992	80,25	
673	01HCM.1.0673	Nguyễn Thị Kim Thủy	31/07/1982	100	
674	01HCM.1.0674	Nguyễn Phương Thủy	20/04/1991	79,5	
675	01HCM.1.0675	Phạm Thị Thanh Thủy	20/10/1987	87,5	
676	01HCM.1.0676	Phan Thị Lệ Thủy	28/01/1981	98,75	
677	01HCM.1.0677	Trần Thị Thanh Thúy	18/03/1987	98,75	
678	01HCM.1.0678	Lê Thị Bích Thùy	21/02/2000	79	
679	01HCM.1.0679	Hồ Hồng Thủy	06/04/1988	100	
680	01HCM.1.0680	Đỗ Thị Thanh Thủy	16/02/1983	100	
681	01HCM.1.0681	Nguyễn Thị Thanh Thủy	12/10/1973	77	
682	01HCM.1.0682	Nguyễn Thị Thanh Thủy	18/11/1992	86,75	
683	01HCM.1.0683	Nguyễn Thị Thủy	10/10/1990	94	
684	01HCM.1.0684	Phạm Thị Thủy	10/09/1991	95,25	
685	01HCM.1.0685	Bích Lưu Thu Thủy	15/02/1986	82	
686	01HCM.1.0686	Lê Thu Thủy	22/08/2002	-	Không thi
687	01HCM.1.0687	Lê Thị Thu Thủy	02/12/1976	96,75	
688	01HCM.1.0688	Nguyễn Thu Thủy	24/01/1990	98,75	
689	01HCM.1.0689	Mộc Thị Cẩm Thy	30/08/1986	96,5	
690	01HCM.1.0690	Kiều Xuân Thy	01/10/1987	77,5	
691	01HCM.1.0691	Vũ Văn Tiến	03/04/1989	92,5	
692	01HCM.1.0692	Nguyễn Việt Tiến	26/03/1992	94,25	
693	01HCM.1.0693	Võ Tiến	24/10/1996	97,25	
694	01HCM.1.0694	Nguyễn Thị Kim Tiền	19/03/1984	86,25	
695	01HCM.1.0695	Nguyễn Trung Tín	10/11/1991	83	
696	01HCM.1.0696	Võ Trọng Toán	10/03/1999	97	
697	01HCM.1.0697	Huỳnh Đăng Toàn	18/02/1975	98,5	
698	01HCM.1.0698	Nguyễn Minh Toàn	13/10/1990	95,5	
699	01HCM.1.0699	Nguyễn Minh Toàn	04/05/1991	98,75	
700	01HCM.1.0700	Trương Thanh Toàn	25/09/1998	77,75	
701	01HCM.1.0701	Lâm Văn Toàn	10/06/1994	95,5	
702	01HCM.1.0702	Nguyễn Văn Toàn	07/05/1989	85,5	
703	01HCM.1.0703	Trần Văn Toàn	04/08/1981	98,75	
704	01HCM.1.0704	Nguyễn Minh Tới	19/07/1986	95,75	
705	01HCM.1.0705	Phan Tấn Tới	24/09/1976	98,75	
706	01HCM.1.0706	Nguyễn Vương Tôn	28/11/1994	72	
707	01HCM.1.0707	Nguyễn Trần Bảo Trâm	11/10/1993	94,75	
708	01HCM.1.0708	Huỳnh Thị Hoài Trâm	11/06/1984	98,75	
709	01HCM.1.0709	Lê Thị Hồng Trâm	09/05/1984	98,5	
710	01HCM.1.0710	Nguyễn Thị Trâm	14/11/1986	92,5	
711	01HCM.1.0711	Hồ Nguyễn Thùy Trâm	23/10/1980	98	
712	01HCM.1.0712	Phạm Thị Bích Trâm	01/01/1984	98,5	
713	01HCM.1.0713	Thái Quốc Trâm	23/04/1984	93	
714	01HCM.1.0714	Lê Thị Trâm	10/01/1986	83,25	
715	01HCM.1.0715	Lê Văn Hoài Trân	22/11/1994	91	
716	01HCM.1.0716	Võ Ngọc Huyền Trân	08/08/1997	65,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
717	01HCM.1.0717	Lê Hoàn Ngọc Trân	09/05/1998	57,25	
718	01HCM.1.0718	Võ Lâm Toàn Trân	29/03/1994	98	
719	01HCM.1.0719	Võ Yến Trân	24/12/1979	96,5	
720	01HCM.1.0720	Trần Thị Diễm Trang	24/03/1992	100	
721	01HCM.1.0721	Lê Thị Hoài Trang	19/05/1999	98	
722	01HCM.1.0722	Lê Thị Như Trang	06/02/1988	76	
723	01HCM.1.0723	Phạm Thị Trang	20/01/1990	50,75	
724	01HCM.1.0724	Trần Thị Thiên Trang	24/08/1989	59	
725	01HCM.1.0725	Hoàng Thị Thu Trang	20/10/1980	-	Không thi
726	01HCM.1.0726	Trịnh Thị Thục Trang	21/01/1995	100	
727	01HCM.1.0727	Phạm Thùy Trang	01/06/1996	81	
728	01HCM.1.0728	Trần Huỳnh Thùy Trang	21/01/1990	98	
729	01HCM.1.0729	Huỳnh Công Trí	30/12/1988	95,25	
730	01HCM.1.0730	Đỗ Hữu Trí	01/01/1979	87,25	
731	01HCM.1.0731	Trương Hữu Trí	10/07/1977	98,75	
732	01HCM.1.0732	Vũ Minh Trí	18/05/1992	92,25	
733	01HCM.1.0733	Dương Quốc Trí	02/08/1990	83,25	
734	01HCM.1.0734	La Khắc Triều	15/11/1989	98	
735	01HCM.1.0735	Văn Thiên Triều	02/10/1975	100	
736	01HCM.1.0736	Nguyễn Thị Diễm Trinh	08/03/1996	95,25	
737	01HCM.1.0737	Nguyễn Thị Tố Trinh	30/08/1999	93,75	
738	01HCM.1.0738	Huỳnh Ngọc Tú Trinh	25/11/1987	84,5	
739	01HCM.1.0739	Trần Thị Tuyết Trinh	17/12/1996	60,5	
740	01HCM.1.0740	Lê Thị Vân Trinh	20/06/1999	100	
741	01HCM.1.0741	Nguyễn Văn Tròn	01/01/1988	93,75	
742	01HCM.1.0742	Nguyễn Duy Trọng	02/10/1992	98,5	
743	01HCM.1.0743	Trần Văn Trọng	28/08/1992	51,75	
744	01HCM.1.0744	Lô Thị Thạch Trúc	23/07/1980	96,75	
745	01HCM.1.0745	Mai Thanh Trúc	03/06/1982	100	
746	01HCM.1.0746	Ngô Thị Thanh Trúc	20/05/1980	-	Không thi
747	01HCM.1.0747	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	02/04/1992	81	
748	01HCM.1.0748	Nguyễn Thị Thanh Trúc	02/09/1982	80,5	
749	01HCM.1.0749	Mai Chí Trung	15/10/1976	97,25	
750	01HCM.1.0750	Nguyễn Diệp Trung	27/12/1976	98,5	
751	01HCM.1.0751	Nguyễn Minh Trung	21/10/1986	66	
752	01HCM.1.0752	Phạm Minh Trung	07/09/1981	90,5	
753	01HCM.1.0753	Trần Nam Trung	10/01/1980	94,75	
754	01HCM.1.0754	Lê Phước Trung	26/02/1977	100	
755	01HCM.1.0755	Đào Quang Trung	26/10/1989	-	Không thi
756	01HCM.1.0756	Đỗ Thành Trung	13/01/1991	100	
757	01HCM.1.0757	Lê Văn Trung	29/10/1992	87,75	
758	01HCM.1.0758	Nguyễn Văn Trung	27/04/1993	59,25	
759	01HCM.1.0759	Nguyễn Viết Trung	24/03/1992	98,75	
760	01HCM.1.0760	Phùng Xuân Trung	05/03/1991	67	
761	01HCM.1.0761	Nguyễn Chí Trường	03/11/1994	59,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
762	01HCM.1.0762	Mai Quốc Trường	22/06/1992	83,5	
763	01HCM.1.0763	Nguyễn Thị Bích Truyền	25/12/1995	93,5	
764	01HCM.1.0764	Lại Lê Anh Tú	11/10/1987	94,5	
765	01HCM.1.0765	Nguyễn Minh Tú	28/03/1989	70	
766	01HCM.1.0766	Nguyễn Minh Tú	30/10/1985	90,75	
767	01HCM.1.0767	Võ Trọng Tuấn	10/04/1981	48,75	
768	01HCM.1.0768	Nguyễn Anh Tuấn	08/12/1965	86	
769	01HCM.1.0769	Nguyễn Phan Anh Tuấn	01/01/1980	96,5	
770	01HCM.1.0770	Trần Anh Tuấn	27/12/1964	87	
771	01HCM.1.0771	Trương Minh Tuấn	07/02/1999	92,5	
772	01HCM.1.0772	Vũ Minh Tuấn	15/08/1988	94,5	
773	01HCM.1.0773	Nguyễn Ngọc Tuấn	05/02/1987	90	
774	01HCM.1.0774	Nguyễn Ngọc Tuấn	26/04/1974	92,5	
775	01HCM.1.0775	Nguyễn Quốc Tuấn	13/08/1978	100	
776	01HCM.1.0776	Trần Thái Tuấn	25/04/1972	78,25	
777	01HCM.1.0777	Nguyễn Thanh Tuấn	13/03/1992	98,5	
778	01HCM.1.0778	Võ Đình Thanh Tuấn	17/04/1978	100	
779	01HCM.1.0779	Đỗ Văn Tuấn	19/09/1991	83	
780	01HCM.1.0780	Huỳnh Văn Tuấn	17/03/1985	98,75	
781	01HCM.1.0781	Lê Minh Tùng	18/02/1981	96,75	
782	01HCM.1.0782	Lê Quốc Tùng	25/07/1984	98,75	
783	01HCM.1.0783	Lê Thanh Tùng	24/04/1976	53,75	
784	01HCM.1.0784	Nguyễn Thanh Tùng	04/06/1982	94,75	
785	01HCM.1.0785	Nguyễn Thanh Tùng	18/09/1973	93,25	
786	01HCM.1.0786	Nguyễn Thế Tùng	27/11/1989	100	
787	01HCM.1.0787	Trần Văn Tùng	01/09/1988	91,25	
788	01HCM.1.0788	Diệp Thị Hồng Tươi	10/01/1989	100	
789	01HCM.1.0789	Huỳnh Văn Tường	06/02/1981	94,5	
790	01HCM.1.0790	Vương Nhật Tuyên	10/07/1990	97,25	
791	01HCM.1.0791	Trương Võ Trọng Tuyên	07/08/1993	100	
792	01HCM.1.0792	Nguyễn Anh Tuyên	20/01/1979	89,5	
793	01HCM.1.0793	Bùi Kim Tuyên	14/12/1988	86	
794	01HCM.1.0794	Nguyễn Hữu Tuyên	01/01/1996	87,5	
795	01HCM.1.0795	Đào Thị Thanh Tuyên	28/07/1987	100	
796	01HCM.1.0796	Trần Thị Thanh Tuyên	12/07/1997	94	
797	01HCM.1.0797	Ngô Thị Ánh Tuyết	20/10/1990	98,5	
798	01HCM.1.0798	Hồ Thị Bạch Tuyết	08/09/1978	100	
799	01HCM.1.0799	Huỳnh Thị Bạch Tuyết	07/11/1976	95,5	
800	01HCM.1.0800	Trần Thị Thu Tuyết	19/07/1988	61,25	
801	01HCM.1.0801	Phạm Văn Út	02/03/1980	95	
802	01HCM.1.0802	Đèo Thụy Phương Uyên	10/03/1995	100	
803	01HCM.1.0803	Nguyễn Thị Phương Uyên	21/03/2005	92,75	
804	01HCM.1.0804	Thái Hồng Vân	24/02/1993	65	
805	01HCM.1.0805	Trần Thị Huệ Vân	13/06/1972	84,5	
806	01HCM.1.0806	Kiên Thị Thanh Vân	01/01/1991	62,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
807	01HCM.1.0807	Trần Thị Vân	07/08/1985	96,5	
808	01HCM.1.0808	Phạm Anh Văn	21/09/1970	91,25	
809	01HCM.1.0809	Nguyễn Thị Tường Vi	08/02/1996	98,5	
810	01HCM.1.0810	Trần Ngọc Viên	01/11/1988	91,75	
811	01HCM.1.0811	Nguyễn Văn Viện	21/04/1971	100	
812	01HCM.1.0812	Đặng Quốc Việt	14/12/1973	83	
813	01HCM.1.0813	Phú Quốc Việt	24/02/1984	-	Không thi
814	01HCM.1.0814	Trần Đức Vinh	12/06/1997	93,25	
815	01HCM.1.0815	Lê Quốc Vinh	02/01/1984	95,25	
816	01HCM.1.0816	Phạm Thế Vinh	23/09/1994	89,5	
817	01HCM.1.0817	Nguyễn Văn Vinh	10/09/1991	66,75	
818	01HCM.1.0818	Trần Đình Vũ	15/06/1995	93,25	
819	01HCM.1.0819	Nguyễn Hoài Vũ	21/02/1978	95,25	
820	01HCM.1.0820	Nguyễn Hoài Vũ	19/06/1989	36,25	
821	01HCM.1.0821	Nguyễn Hoàng Vũ	27/08/1995	100	
822	01HCM.1.0822	Tạ Hoàng Vũ	06/12/1978	-	Không thi
823	01HCM.1.0823	Tôn Hoàng Vũ	11/11/1992	96	
824	01HCM.1.0824	Huỳnh Minh Vũ	16/08/1982	62,75	
825	01HCM.1.0825	Huỳnh Quang Vũ	14/08/1969	100	
826	01HCM.1.0826	Nguyễn Quốc Vũ	03/05/1985	95	
827	01HCM.1.0827	Dương Thế Vũ	13/09/1966	93	
828	01HCM.1.0828	Hà Ngọc Vương	23/06/1996	98	
829	01HCM.1.0829	Nguyễn Thanh Vương	12/08/1979	96	
830	01HCM.1.0830	Nguyễn Thị Trang Vy	09/09/1996	100	
831	01HCM.1.0831	Nhan Ngọc Xin	03/09/1975	98,75	
832	01HCM.1.0832	Nguyễn Duy Xuân	05/07/1990	89	
833	01HCM.1.0833	Hồ Thanh Xuân	11/10/1983	96,75	
834	01HCM.1.0834	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/09/1987	56,5	
835	01HCM.1.0835	Đậu Thị Xuyên	12/08/1988	90,75	
836	01HCM.1.0836	Mai Ngọc Ý	28/05/2003	88,25	
837	01HCM.1.0837	Đặng Hải Yến	01/03/1986	97,5	
838	01HCM.1.0838	Đỗ Hải Yến	30/04/1985	76,5	
839	01HCM.1.0839	Hồ Hoàng Phi Yến	26/09/1997	98,5	
840	01HCM.1.0840	Đàm Thị Xuân Yến	15/01/1989	89,5	

KẾT QUẢ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU KỲ 01
ĐIỂM THI HỒ CHÍ MINH (TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM
VÀ CAO ĐẲNG DẦU KHÍ - CƠ SỞ BÀ RỊA)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
1	01HCM.2.0001	Trần Thái An	09/05/1998	82,5	
2	01HCM.2.0002	Nguyễn Thành An	20/04/1989	94	
3	01HCM.2.0003	Trịnh Hoài Ân	30/05/2001	96	
4	01HCM.2.0004	Vương Chúc Anh	06/05/1993	92,5	
5	01HCM.2.0005	Vũ Hùng Anh	15/04/1980	98	
6	01HCM.2.0006	Mai Hưng Anh	03/08/1978	52	
7	01HCM.2.0007	Hồ Quốc Anh	13/08/1997	75,25	
8	01HCM.2.0008	Nguyễn Quốc Anh	08/08/1999	96	
9	01HCM.2.0009	Phạm Thị Quỳnh Anh	10/02/1997	97,25	
10	01HCM.2.0010	Phạm Thị Quỳnh Anh	03/03/1998	96	
11	01HCM.2.0011	Hà Thị Vân Anh	08/07/1978	96,75	
12	01HCM.2.0012	Nguyễn Thị Vân Anh	12/04/1996	96	
13	01HCM.2.0013	Nguyễn Đình Bách	20/07/1988	79,5	
14	01HCM.2.0014	Võ Quốc Bảo	26/05/1982	59,5	
15	01HCM.2.0015	Vũ Văn Bình	30/10/1969	96,75	
16	01HCM.2.0016	Lê Thiện Chí	20/08/1990	92,5	
17	01HCM.2.0017	Lê Đình Văn Chiến	30/01/1995	76,75	
18	01HCM.2.0018	Ngô Quang Chương	16/09/1989	93,75	
19	01HCM.2.0019	Hà Thành Công	26/09/1986	77,25	
20	01HCM.2.0020	Võ Thị Thu Cúc	24/06/1982	93,75	
21	01HCM.2.0021	Nguyễn Đình Cường	14/05/1993	96,5	
22	01HCM.2.0022	Nguyễn Phi Cường	19/10/1988	65,25	
23	01HCM.2.0023	Nguyễn Quốc Cường	04/05/1986	65	
24	01HCM.2.0024	Nguyễn Tuấn Cường	02/05/1993	92,5	
25	01HCM.2.0025	Lê Văn Cường	29/07/1990	100	
26	01HCM.2.0026	Trần Đình Đại	12/08/1998	95,75	
27	01HCM.2.0027	Nguyễn Thị Phương Dân	29/05/1986	94,25	
28	01HCM.2.0028	Nguyễn Hoài Danh	22/09/1988	98,5	
29	01HCM.2.0029	Nguyễn Quốc Danh	02/01/1988	70,5	
30	01HCM.2.0030	Ngô Thành Danh	15/08/1980	83,25	
31	01HCM.2.0031	Phạm Ngọc Đạo	20/02/1987	85,25	
32	01HCM.2.0032	Nguyễn Thành Đạt	20/07/1997	77	
33	01HCM.2.0033	Nguyễn Việt Đạt	01/01/1998	92	
34	01HCM.2.0034	Đinh Phương Diễm	26/06/1992	100	
35	01HCM.2.0035	Ngô Việt Phúc Đông	31/07/1999	98,75	
36	01HCM.2.0036	Nguyễn Hoàng Duân	13/02/1992	83,75	
37	01HCM.2.0037	Lê Hữu Đức	17/01/1982	78,25	
38	01HCM.2.0038	Nguyễn Huỳnh Đức	17/11/1983	-	Không thi
39	01HCM.2.0039	Bùi Mỹ Đức	11/03/1998	87,75	
40	01HCM.2.0040	Nguyễn Tài Đức	02/09/1991	81,25	
41	01HCM.2.0041	Mai Toàn Đức	18/05/1980	96,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
42	01HCM.2.0042	Nguyễn Văn Đức	05/05/1982	90	
43	01HCM.2.0043	Trần Văn Đức	10/10/1971	84	
44	01HCM.2.0044	Nguyễn Thị Dung	19/07/1987	98	
45	01HCM.2.0045	Nguyễn Thị Thùy Dung	27/02/2000	76	
46	01HCM.2.0046	Trần Trung Dũng	10/02/1984	95,25	
47	01HCM.2.0047	Vũ Thị Thùy Dương	14/11/2003	93	
48	01HCM.2.0048	Đặng Nguyễn Anh Duy	11/01/1990	83	
49	01HCM.2.0049	Thái Hữu Bảo Duy	21/12/1984	74,5	
50	01HCM.2.0050	Võ Đoàn Duy	19/10/1979	89,25	
51	01HCM.2.0051	Trần Đức Duy	21/10/1985	94	
52	01HCM.2.0052	Mai Thái Duy	06/12/1981	49	
53	01HCM.2.0053	Lê Vân Duy	09/07/1984	71,25	
54	01HCM.2.0054	Hồ Cẩm Giang	16/08/2003	56	
55	01HCM.2.0055	Trần Long Giang	14/06/1989	98	
56	01HCM.2.0056	Thái Thị Ngọc Giàu	03/07/1998	96,5	
57	01HCM.2.0057	Nguyễn Thị Bảo Hà	11/07/1994	100	
58	01HCM.2.0058	Bùi Thị Khánh Hà	11/02/1982	93,25	
59	01HCM.2.0059	Võ Minh Hà	18/02/1988	92,25	
60	01HCM.2.0060	Lê Thị Thu Hà	25/12/1982	85,5	
61	01HCM.2.0061	Lê Nguyễn Ngọc Hải	12/02/1984	95	
62	01HCM.2.0062	Trần Văn Hải	17/09/1990	98	
63	01HCM.2.0063	Vũ Mạnh Hằng	18/01/1978	86,25	
64	01HCM.2.0064	Đào Thị Hằng	16/10/1982	90,5	
65	01HCM.2.0065	Dương Thị Hằng	22/03/1976	87	
66	01HCM.2.0066	Nghiêm Thu Hằng	27/08/1970	91,25	
67	01HCM.2.0067	Đào Nguyên Hạnh	24/07/1977	81,25	
68	01HCM.2.0068	Lê Văn Hải Hậu	19/03/1993	86,75	
69	01HCM.2.0069	Vũ Huy Hậu	15/12/1975	100	
70	01HCM.2.0070	Mai Trung Hậu	03/08/2000	84,5	
71	01HCM.2.0071	Phan Tất Hiền	09/08/1977	96	
72	01HCM.2.0072	Đặng Thị Hiền	12/08/1988	93,5	
73	01HCM.2.0073	Văn Công Hiền	01/04/1992	96,25	
74	01HCM.2.0074	Vũ Thế Hiền	09/09/1980	90,75	
75	01HCM.2.0075	Phạm Chí Hiếu	09/01/1986	76	
76	01HCM.2.0076	Hoàng Minh Hiếu	02/03/1997	90,75	
77	01HCM.2.0077	Sử Thị Hiếu	18/03/2000	84,5	
78	01HCM.2.0078	Lê Trung Hiếu	24/11/1983	89,5	
79	01HCM.2.0079	Nguyễn Trung Hiếu	25/08/1979	96,5	
80	01HCM.2.0080	Phan Trung Hiếu	21/12/1984	100	
81	01HCM.2.0081	Nguyễn Duy Hòa	27/10/1983	97,25	
82	01HCM.2.0082	Nguyễn Duy Hoàng	22/06/1970	89,75	
83	01HCM.2.0083	Phạm Duy Hoàng	16/12/1994	62,5	
84	01HCM.2.0084	Trương Minh Hoàng	29/02/1980	67,25	
85	01HCM.2.0085	Nguyễn Phúc Hoàng	28/03/1982	98,75	
86	01HCM.2.0086	Trịnh Phương Hoàng	20/01/1984	98,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
87	01HCM.2.0087	Nguyễn Văn Hoat	04/10/1994	98	
88	01HCM.2.0088	Lê Thị Hồng	24/06/1990	95,25	
89	01HCM.2.0089	Lê Thị Thúy Hồng	06/11/1983	93,5	
90	01HCM.2.0090	Nguyễn Quốc Huệ	20/11/2001	100	
91	01HCM.2.0091	Trần Hữu Hùng	07/10/1982	93,25	
92	01HCM.2.0092	Lê Văn Hùng	28/09/1992	88,5	
93	01HCM.2.0093	Phạm Cảnh Hưng	07/08/1987	81,25	
94	01HCM.2.0094	Mai Đức Hưng	09/08/1989	85,5	
95	01HCM.2.0095	Lưu Quang Hưng	16/07/1981	86,75	
96	01HCM.2.0096	Ngô Quang Hưng	17/10/1994	98,5	
97	01HCM.2.0097	Nguyễn Thị Lan Hương	23/05/1987	52	
98	01HCM.2.0098	Nguyễn Thị Liên Hương	19/09/1971	100	
99	01HCM.2.0099	Hoàng Thị Mỹ Hương	18/08/1986	92,25	
100	01HCM.2.0100	Vũ Thị Thanh Hương	17/05/1984	97,25	
101	01HCM.2.0101	Phan Thị Thu Hương	12/10/1995	90,5	
102	01HCM.2.0102	Mai Thị Xuân Hương	25/02/1997	98,75	
103	01HCM.2.0103	Nguyễn Khắc Huy	19/12/1994	63,25	
104	01HCM.2.0104	Trần Nguyễn Quang Huy	01/04/1994	100	
105	01HCM.2.0105	Phan Thế Huy	29/09/1993	-	Không thi
106	01HCM.2.0106	Nguyễn Thanh Huyền	15/04/1995	80,25	
107	01HCM.2.0107	Nguyễn Thị Huyền	11/01/1992	94,5	
108	01HCM.2.0108	Nguyễn Thị Huyền	19/08/1985	100	
109	01HCM.2.0109	Trịnh Thị Huyền	10/02/1987	46,75	
110	01HCM.2.0110	Trần Khải	30/08/2000	66,75	
111	01HCM.2.0111	Lê Trần Công Khanh	28/01/1993	92	
112	01HCM.2.0112	Lê Thị Như Khánh	17/05/1983	83,25	
113	01HCM.2.0113	Phạm Văn Khánh	10/06/1980	89,75	
114	01HCM.2.0114	Võ Anh Khoa	06/01/1992	93,25	
115	01HCM.2.0115	Nguyễn Văn Khoa	17/09/1998	93,25	
116	01HCM.2.0116	Đặng Vũ Khoa	12/06/1989	98	
117	01HCM.2.0117	Nguyễn Quang Khôi	23/09/1994	95	
118	01HCM.2.0118	Lưu Ngọc Quỳnh Khôi	25/04/1998	89	
119	01HCM.2.0119	Trần Minh Kiệt	20/04/1988	71,75	
120	01HCM.2.0120	Phạm Tấn Kiệt	27/09/1992	80	
121	01HCM.2.0121	Đặng Tuấn Kiệt	30/06/2002	96	
122	01HCM.2.0122	Nguyễn Văn Kiệt	26/04/1997	65	
123	01HCM.2.0123	Bùi Thanh Kiều	29/08/1984	94,75	
124	01HCM.2.0124	Võ Thiếu Lâm	09/08/1996	94,75	
125	01HCM.2.0125	Tiết Ngọc Lan	05/02/1984	90,5	
126	01HCM.2.0126	Huỳnh Thị Xuân Lan	09/09/1990	90,75	
127	01HCM.2.0127	Võ Văn Lành	06/10/1977	95	
128	01HCM.2.0128	Nguyễn Quốc Lập	20/10/1980	88,75	
129	01HCM.2.0129	Huỳnh Thị Lệ	15/08/1998	96	
130	01HCM.2.0130	Lý Thị Kim Liên	01/01/1971	95,75	
131	01HCM.2.0131	Huỳnh Chí Linh	20/06/1995	61,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
132	01HCM.2.0132	Lê Nguyễn Khánh Linh	08/04/1991	89,25	
133	01HCM.2.0133	Nhâm Mạnh Linh	28/02/1990	84,5	
134	01HCM.2.0134	Trần Thị Ngọc Linh	20/09/1983	98	
135	01HCM.2.0135	Lê Phương Linh	22/10/1990	98,75	
136	01HCM.2.0136	Võ Phương Linh	11/11/1997	95,5	
137	01HCM.2.0137	Nguyễn Thị Linh	05/06/1994	92	
138	01HCM.2.0138	Đặng Thúy Linh	03/03/1985	94,75	
139	01HCM.2.0139	Nguyễn Thị Thùy Linh	06/11/1995	87,75	
140	01HCM.2.0140	Phan Đại Lộc	08/11/1989	97	
141	01HCM.2.0141	Nguyễn Huy Lộc	27/08/1987	83	
142	01HCM.2.0142	Trần Phước Lộc	18/12/1997	92,75	
143	01HCM.2.0143	Trần Thị Hạ Long	01/06/1971	80,25	
144	01HCM.2.0144	Lê Thành Long	02/02/1982	-	Không thi
145	01HCM.2.0145	Đặng Trần Long	20/02/1977	96	
146	01HCM.2.0146	Lương Minh Luân	18/10/1983	88,5	
147	01HCM.2.0147	Ngô Quang Luân	14/04/1979	96,5	
148	01HCM.2.0148	Nguyễn Minh Luận	28/02/1989	91,5	
149	01HCM.2.0149	Bùi Cà Luôl	16/08/1991	-	Không thi
150	01HCM.2.0150	Đỗ Thị Lương	14/02/1986	97	
151	01HCM.2.0151	Trần Thị Hải Lý	16/04/1995	90	
152	01HCM.2.0152	Vũ Hà Phương Mai	03/12/1993	86,5	
153	01HCM.2.0153	Phan Trần Trúc Mai	11/10/1984	93,25	
154	01HCM.2.0154	Lê Bá Minh	01/01/1988	97	
155	01HCM.2.0155	Vũ Nhật Minh	27/11/1986	96	
156	01HCM.2.0156	Phạm Thị Hà My	12/05/2001	81	
157	01HCM.2.0157	Trần Hoàng My	24/04/1983	79,5	
158	01HCM.2.0158	Lê Văn Mỹ	06/04/1991	92	
159	01HCM.2.0159	Bùi Thị Kim Na	07/07/1977	85,75	
160	01HCM.2.0160	Lê Hoài Nam	16/07/1992	91,25	
161	01HCM.2.0161	Nguyễn Huy Khánh Nam	28/09/1992	88	
162	01HCM.2.0162	Nguyễn Quốc Nam	07/07/1987	70,25	
163	01HCM.2.0163	Huỳnh Thị Bích Ngân	20/10/1971	98,5	
164	01HCM.2.0164	Bùi Thị Ngân	11/09/1981	47,75	
165	01HCM.2.0165	Lưu Nguyễn Đức Nghi	06/08/1990	80,25	
166	01HCM.2.0166	Bùi Chí Nghĩa	29/09/1999	79,25	
167	01HCM.2.0167	Phạm Hoàng Nghĩa	30/03/1994	73,5	
168	01HCM.2.0168	Đoàn Văn Nghĩa	01/11/1986	97	
169	01HCM.2.0169	Lê Anh Ngọc	21/10/1985	92	
170	01HCM.2.0170	Lê Vân Khánh Ngọc	27/04/1994	84,5	
171	01HCM.2.0171	Phạm Thị Nguyên	21/07/1995	88,75	
172	01HCM.2.0172	Phan Hoài Nhân	23/02/1987	93,25	
173	01HCM.2.0173	Hồ Lê Hoài Nhân	12/02/1976	97,5	
174	01HCM.2.0174	Trà Hồng Đoàn Nhi	24/07/2003	98,5	
175	01HCM.2.0175	Nguyễn Trần Vũ Nhi	16/02/1989	83	
176	01HCM.2.0176	Lê Xuân Nhi	07/11/2000	93,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
177	01HCM.2.0177	Mai Thị Hồng Nhung	10/04/1987	83,25	
178	01HCM.2.0178	Lê Thị Nhung	10/02/1984	97,25	
179	01HCM.2.0179	Nguyễn Thị Trang Nhung	08/03/1984	89,25	
180	01HCM.2.0180	Bùi Văn Phát	07/07/1968	-	Không thi
181	01HCM.2.0181	Nguyễn Thị Hồng Phiến	07/05/1969	95,5	
182	01HCM.2.0182	Mã Thanh Phong	09/04/1984	90,25	
183	01HCM.2.0183	Nguyễn Thành Phong	22/01/1991	100	
184	01HCM.2.0184	Phan Kim Phú	20/07/1991	89,5	
185	01HCM.2.0185	Nguyễn Quốc Phú	12/12/1986	89,5	
186	01HCM.2.0186	Trần Thanh Phú	25/03/1993	87,25	
187	01HCM.2.0187	Phan Văn Phú	18/11/1994	71	
188	01HCM.2.0188	Trần Đức Phúc	05/10/1985	82	
189	01HCM.2.0189	Nguyễn Hồng Phúc	17/12/1993	91,5	
190	01HCM.2.0190	Nguyễn Hữu Phúc	11/04/1991	89,5	
191	01HCM.2.0191	Nguyễn Kiến Phúc	10/09/1981	79	
192	01HCM.2.0192	Võ Văn Phúc	25/10/1991	89,5	
193	01HCM.2.0193	Bùi Lan Phương	04/07/1998	74	
194	01HCM.2.0194	Diệp Mỹ Phương	18/10/1985	80	
195	01HCM.2.0195	Trần Thị Kim Phụng	21/01/1981	93,5	
196	01HCM.2.0196	Huỳnh Văn Qual	10/04/1984	52,75	
197	01HCM.2.0197	Võ Anh Quân	11/12/1983	94,75	
198	01HCM.2.0198	Lê Mạnh Quân	20/08/1977	-	Không thi
199	01HCM.2.0199	Đỗ Hồng Quang	24/03/1987	93,5	
200	01HCM.2.0200	Nguyễn Văn Quyền	01/10/1969	96,5	
201	01HCM.2.0201	Nguyễn Hoàng Quyết	02/01/1983	98,5	
202	01HCM.2.0202	Nguyễn Vũ Như Quỳnh	13/12/2001	94,5	
203	01HCM.2.0203	Nguyễn Trọng Quỳnh	26/04/1979	96	
204	01HCM.2.0204	Nguyễn Thành Sang	21/11/1995	79,25	
205	01HCM.2.0205	Phùng Văn Sanh	26/04/1991	95,25	
206	01HCM.2.0206	Võ Tiên Sĩ	14/08/1975	62,75	
207	01HCM.2.0207	Đặng Simol	31/12/1980	95,25	
208	01HCM.2.0208	Phạm Văn Sinh	27/10/1980	97	
209	01HCM.2.0209	Nguyễn Tài Sơn	22/08/1986	97,25	
210	01HCM.2.0210	Nguyễn Thanh Sơn	06/10/1992	95	
211	01HCM.2.0211	Đinh Văn Sơn	31/08/1971	87	
212	01HCM.2.0212	Phạm Văn Sơn	25/09/1980	97,25	
213	01HCM.2.0213	Nguyễn Xuân Sơn	19/09/1981	84	
214	01HCM.2.0214	Trần Nghiêm Xuân Sơn	20/09/1993	95,5	
215	01HCM.2.0215	Nguyễn Đình Sỹ	02/08/1977	98,5	
216	01HCM.2.0216	Trần Trọng Ngọc Tài	15/09/1989	79,25	
217	01HCM.2.0217	Nguyễn Văn Tài	06/05/1974	95,5	
218	01HCM.2.0218	Trần Văn Tài	10/01/1982	86,25	
219	01HCM.2.0219	Ngô Chí Tâm	20/10/1982	88,25	
220	01HCM.2.0220	Nguyễn Thanh Tâm	28/09/1980	82,75	
221	01HCM.2.0221	Nguyễn Thị Tâm	09/12/1971	88,25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
222	01HCM.2.0222	Trần Văn Tân	06/04/1984	61,25	
223	01HCM.2.0223	Trịnh Văn Tèo	01/06/1985	100	
224	01HCM.2.0224	Nguyễn Ngọc Thạch	20/10/1981	88,75	
225	01HCM.2.0225	Lê Xuân Thạch	29/08/1982	100	
226	01HCM.2.0226	Nguyễn Đức Thái	15/05/1983	89,75	
227	01HCM.2.0227	Nguyễn Võ Quốc Thái	16/11/1993	77,5	
228	01HCM.2.0228	Trương Văn Thái	12/11/1995	98,5	
229	01HCM.2.0229	Nguyễn Công Thắng	28/10/1967	88,75	
230	01HCM.2.0230	Lương Hoàng Thắng	30/04/2000	73,75	
231	01HCM.2.0231	Nguyễn Đức Thanh	06/06/1992	65	
232	01HCM.2.0232	Đỗ Duy Thanh	16/04/1992	-	Không thi
233	01HCM.2.0233	Nguyễn Huy Thanh	07/06/1966	95,5	
234	01HCM.2.0234	Lê Tấn Thành	19/01/1981	95,25	
235	01HCM.2.0235	Nguyễn Thị Thành	10/06/1984	96,75	
236	01HCM.2.0236	Nguyễn Lê Văn Thành	20/03/1993	96	
237	01HCM.2.0237	Dương Nữ Phương Thảo	17/03/1990	89,25	
238	01HCM.2.0238	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/07/1990	95,5	
239	01HCM.2.0239	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/09/1994	87	
240	01HCM.2.0240	Võ Thị Phương Thảo	25/02/1998	98,5	
241	01HCM.2.0241	Phùng Võ Thị Thu Thảo	23/07/2001	59,5	
242	01HCM.2.0242	Bùi Ngọc Mai Thi	30/05/1992	98	
243	01HCM.2.0243	Phan Trọng Thi	01/03/1991	43	
244	01HCM.2.0244	Lê Thị Nhật Thiện	22/09/1984	95,75	
245	01HCM.2.0245	Nguyễn Trần Thịnh	16/07/1991	94,5	
246	01HCM.2.0246	Huỳnh Hữu Thọ	22/01/1997	-	Không thi
247	01HCM.2.0247	Hồ Như Thiện Thọ	22/04/1983	93	
248	01HCM.2.0248	Lê Thị Mỹ Thu	09/08/2001	92,75	
249	01HCM.2.0249	Trần Thị Anh Thư	15/11/1987	96,5	
250	01HCM.2.0250	Lường Song Thương	23/02/2003	93,25	
251	01HCM.2.0251	Hà Thị Thúy	10/04/1987	92,5	
252	01HCM.2.0252	Lê Thị Thủy	15/12/1977	91	
253	01HCM.2.0253	Mai Thị Thủy	10/10/1985	95,5	
254	01HCM.2.0254	Tô Thị Thủy	19/01/1980	76	
255	01HCM.2.0255	Nguyễn Thị Hồng Tiên	25/07/1984	69,75	
256	01HCM.2.0256	Nguyễn Thị Tiếp	07/12/1985	96,75	
257	01HCM.2.0257	Nguyễn Hồ Trung Tín	14/08/1995	96,75	
258	01HCM.2.0258	Trần Công Tinh	29/04/1984	91	
259	01HCM.2.0259	Khổng Duy Toàn	22/03/1982	98,5	
260	01HCM.2.0260	Bùi Tiến Toàn	10/03/1970	98	
261	01HCM.2.0261	Lê Văn Trai	05/02/1983	94,5	
262	01HCM.2.0262	Hồ Nguyễn Phương Trâm	10/02/1984	89,75	
263	01HCM.2.0263	Phạm Song Trâm	10/10/1985	49	
264	01HCM.2.0264	Mai Thanh Trâm	21/11/1982	98,5	
265	01HCM.2.0265	Đái Thị Huyền Trang	15/06/1975	94,75	
266	01HCM.2.0266	Nguyễn Thị Minh Trang	11/11/1998	91	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
267	01HCM.2.0267	Nguyễn Thị Ngọc Trang	05/09/1973	100	
268	01HCM.2.0268	Nguyễn Nữ Thủy Trang	01/07/1989	91,25	
269	01HCM.2.0269	Đặng Hữu Trí	25/05/1991	97,5	
270	01HCM.2.0270	Phùng Nguyên Trọng	30/04/1995	91,75	
271	01HCM.2.0271	Đậu Đình Trung	28/10/1990	90,25	
272	01HCM.2.0272	Vương Đình Trung	10/10/1983	77,25	
273	01HCM.2.0273	Tô Hoài Trung	20/09/1989	88,5	
274	01HCM.2.0274	Nguyễn Minh Trung	01/08/1991	-	Không thi
275	01HCM.2.0275	Đặng Quang Trung	20/10/1978	87,75	
276	01HCM.2.0276	Trần Quốc Trung	02/07/1985	100	
277	01HCM.2.0277	Ngô Thị Ngọc Trung	22/01/1995	92	
278	01HCM.2.0278	Huỳnh Huy Trường	06/02/1990	100	
279	01HCM.2.0279	Nguyễn Đình Trường	27/06/1971	90,75	
280	01HCM.2.0280	Nguyễn Quang Trường	10/11/1985	84,25	
281	01HCM.2.0281	Đặng Ngọc Tú	12/08/1980	92	
282	01HCM.2.0282	Nguyễn Văn Tuấn	03/04/1985	47,75	
283	01HCM.2.0283	Đặng Minh Tuấn	21/03/1986	79,75	
284	01HCM.2.0284	Trương Minh Tuấn	28/08/1991	73,5	
285	01HCM.2.0285	Hoàng Văn Tuấn	01/01/2001	97,25	
286	01HCM.2.0286	Nguyễn Quang Tuệ	24/03/1982	88,75	
287	01HCM.2.0287	Lê Đức Tùng	16/07/1990	100	
288	01HCM.2.0288	Vũ Hoàng Tùng	17/05/1991	54,25	
289	01HCM.2.0289	Nguyễn Khánh Tùng	21/10/1979	85,75	
290	01HCM.2.0290	Lê Ái Tường	02/10/1975	90,5	
291	01HCM.2.0291	Nguyễn Thị Thu Tuyết	15/12/1999	96,75	
292	01HCM.2.0292	Nguyễn Thị Nhật Uyên	12/11/1999	95	
293	01HCM.2.0293	Nguyễn Thị Vân	19/10/1994	90,75	
294	01HCM.2.0294	Phạm Văn Vân	31/01/1977	97,5	
295	01HCM.2.0295	Mai Anh Văn	12/11/1989	-	Không thi
296	01HCM.2.0296	Nguyễn Thanh Việt	06/09/1982	89,25	
297	01HCM.2.0297	Dương Đức Vinh	12/07/1987	93	
298	01HCM.2.0298	Nguyễn Đặng Thanh Vinh	10/10/1992	98,5	
299	01HCM.2.0299	Lê Văn Vinh	24/04/1979	77	
300	01HCM.2.0300	Phan Thanh Vũ	10/10/1978	90,25	
301	01HCM.2.0301	Hồ Phạm Triều Vy	31/08/1999	78,25	
302	01HCM.2.0302	Ngô Thị Xanh	17/08/2000	97	
303	01HCM.2.0303	Trần Thị Hoàng Xuân	16/07/1997	100	

KẾT QUẢ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU KỲ 01
ĐIỂM THI ĐÀ NẴNG (TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐÀ NẴNG)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
1	01DN.1.0001	Nguyễn Bảo Ái	30/04/1981	100	
2	01DN.1.0002	Nguyễn Hữu An	20/03/1993	100	
3	01DN.1.0003	Nguyễn Thị An	06/08/1991	-	Không thi
4	01DN.1.0004	Trần Đức Anh	05/07/1992	96,75	
5	01DN.1.0005	Huỳnh Kim Anh	24/10/1978	93	
6	01DN.1.0006	Mai Thi Kim Anh	12/10/1987	98	
7	01DN.1.0007	Hồ Phan Linh Anh	22/06/1987	95	
8	01DN.1.0008	Nguyễn Phương Anh	22/12/1980	76,5	
9	01DN.1.0009	Nguyễn Trần Quế Anh	01/07/1999	88,25	
10	01DN.1.0010	Nguyễn Trọng Anh	15/03/1988	90,5	
11	01DN.1.0011	Trần Tuấn Anh	09/05/1990	100	
12	01DN.1.0012	Hoàng Việt Anh	04/09/1996	89,5	
13	01DN.1.0013	Nguyễn Cửu Ngọc Bảo	14/12/1988	92,25	
14	01DN.1.0014	Nguyễn Ngọc Bình	05/12/1975	92,75	
15	01DN.1.0015	Trần Văn Bình	17/11/1974	98,5	
16	01DN.1.0016	Võ Sĩ Hồng Bun	10/06/1984	96,5	
17	01DN.1.0017	Vũ Trung Bửu	10/03/1976	90,5	
18	01DN.1.0018	Lê Văn Cấp	02/02/1979	95	
19	01DN.1.0019	Lê Gia Chân	03/11/1975	98,75	
20	01DN.1.0020	Trương Dũng Chi	16/02/1984	93	
21	01DN.1.0021	Trần Văn Chiền	28/11/1983	91,5	
22	01DN.1.0022	Nguyễn Thanh Chinh	07/04/1998	74	
23	01DN.1.0023	Nguyễn Văn Chinh	29/10/1982	95	
24	01DN.1.0024	Phan Công Chính	12/12/1976	100	
25	01DN.1.0025	Trần Đoàn Chuẩn	13/06/1985	93,75	
26	01DN.1.0026	Nguyễn Hoàng Chương	04/10/1978	82,25	
27	01DN.1.0027	Bùi Công Cường	15/07/1973	98	
28	01DN.1.0028	Nguyễn Đức Cường	14/05/1978	56,25	
29	01DN.1.0029	Trần Thanh Cường	04/02/1989	73	
30	01DN.1.0030	Trần Cường	10/11/1984	96	
31	01DN.1.0031	Phạm Văn Cường	08/04/1981	96,75	
32	01DN.1.0032	Hồ Hữu Dân	11/05/1987	98,5	
33	01DN.1.0033	Trình Thành Dân	26/04/1977	100	
34	01DN.1.0034	Nguyễn Văn Đăng	15/10/1988	89	
35	01DN.1.0035	Trương Công Đạo	18/07/1995	98	
36	01DN.1.0036	Phạm Minh Đạt	09/09/1975	92,75	
37	01DN.1.0037	Nguyễn Công Định	01/01/1980	95,25	
38	01DN.1.0038	Trần Quốc Định	12/03/1966	100	
39	01DN.1.0039	Đào Quang Đông	25/09/1981	81,75	
40	01DN.1.0040	Phạm Thị Mỹ Dung	10/11/1979	87,25	
41	01DN.1.0041	Hoàng Việt Dung	04/05/1982	98,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
42	01DN.1.0042	Lê Đức Dũng	23/01/1997	88,25	
43	01DN.1.0043	Đỗ Trung Dũng	26/08/1988	95,25	
44	01DN.1.0044	Vũ Hồng Dương	29/05/1980	79,75	
45	01DN.1.0045	Nguyễn Tiến Giang	15/07/1983	96,75	
46	01DN.1.0046	Nguyễn Văn Giàu	02/03/1995	100	
47	01DN.1.0047	Lê Công Hà	16/09/1993	94,25	
48	01DN.1.0048	Ngô Phúc Khánh Hà	28/11/1985	98,75	
49	01DN.1.0049	Nguyễn Thị Đan Hạ	14/08/1992	96,75	
50	01DN.1.0050	Nguyễn Thanh Hải	25/02/1981	96,5	
51	01DN.1.0051	Phan Vũ Hải	05/07/1986	81,25	
52	01DN.1.0052	Huỳnh Kim Hán	08/03/1975	97,25	
53	01DN.1.0053	Lâm Thị Thu Hằng	06/10/1991	93,5	
54	01DN.1.0054	Nguyễn Thị Minh Hạnh	28/06/1994	100	
55	01DN.1.0055	Hà Thị Hạnh	05/05/1992	100	
56	01DN.1.0056	Đồng Xuân Hạnh	20/02/1990	79,25	
57	01DN.1.0057	Ngô Khánh Hào	02/11/1985	100	
58	01DN.1.0058	Lê Thị Minh Hào	13/11/1979	95,25	
59	01DN.1.0059	Nguyễn Ngọc Hào	30/04/1980	100	
60	01DN.1.0060	Nguyễn Công Hậu	28/01/1994	100	
61	01DN.1.0061	Hồ Thanh Hậu	16/08/1976	96	
62	01DN.1.0062	Nguyễn Công Hiền	01/01/1985	97,25	
63	01DN.1.0063	Nguyễn Minh Hiền	22/12/1992	89	
64	01DN.1.0064	Vương Quốc Hiền	10/05/1982	96	
65	01DN.1.0065	Trần Thị Thanh Hiền	15/04/1987	98,5	
66	01DN.1.0066	Nguyễn Văn Hiệp	10/02/1995	96,75	
67	01DN.1.0067	Trương Thị Hồng Hoa	20/03/1984	94,5	
68	01DN.1.0068	Vũ Thị Hoa	10/08/1984	96,5	
69	01DN.1.0069	Phạm Công Hoàn	15/10/1996	97,25	
70	01DN.1.0070	Trần Hữu Nhật Hoàng	05/05/1997	100	
71	01DN.1.0071	Võ Hoàng	18/01/1995	62,25	
72	01DN.1.0072	Nguyễn Xuân Hoàng	02/01/1984	95,75	
73	01DN.1.0073	Nguyễn Huy Hoi	25/08/1983	100	
74	01DN.1.0074	Nguyễn Thị Hồng	02/10/1979	91,5	
75	01DN.1.0075	Hoàng Thị Thu Hồng	04/05/1981	94	
76	01DN.1.0076	Phạm Quang Huân	27/01/1990	88,75	
77	01DN.1.0077	Nguyễn Thị Minh Huệ	30/11/1977	98	
78	01DN.1.0078	Trần Công Hùng	03/01/1978	81,25	
79	01DN.1.0079	Nguyễn Tiến Hùng	21/03/1982	82,75	
80	01DN.1.0080	Trần Hùng	22/04/1979	93,5	
81	01DN.1.0081	Nguyễn Văn Hùng	15/01/1983	100	
82	01DN.1.0082	Nguyễn Phùng Hưng	04/05/1990	80,5	
83	01DN.1.0083	Nguyễn Quốc Hưng	09/01/1971	92,5	
84	01DN.1.0084	Nguyễn Văn Hưng	01/10/1980	90,25	
85	01DN.1.0085	Nguyễn Văn Hưng	20/08/1980	96,5	
86	01DN.1.0086	Nguyễn Trần Việt Hưng	05/06/1994	94,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
87	01DN.1.0087	Đào Xuân Hưng	08/06/1980	97,25	
88	01DN.1.0088	Nguyễn Ánh Huy	14/07/1995	90,25	
89	01DN.1.0089	Nguyễn Quốc Huy	28/01/2000	98,5	
90	01DN.1.0090	Huỳnh Tuấn Huy	09/07/1984	90,75	
91	01DN.1.0091	Lê Viết Huy	12/07/1982	95,25	
92	01DN.1.0092	Trần Phương Huyền	28/09/1995	98	
93	01DN.1.0093	Dương Thị Thanh Huyền	03/09/1987	98	
94	01DN.1.0094	Trần Thị Thương Huyền	07/12/1989	84,75	
95	01DN.1.0095	Phạm Doãn Huỳnh	20/11/1978	85	
96	01DN.1.0096	Nguyễn Đức Khánh	08/05/1973	100	
97	01DN.1.0097	Trần Minh Khoa	13/10/1988	83,25	
98	01DN.1.0098	Nguyễn Duy Toàn Khoa	10/01/1974	98	
99	01DN.1.0099	Đinh Văn Khoa	12/08/1994	98,5	
100	01DN.1.0100	Huỳnh Trọng Khương	25/05/1981	90	
101	01DN.1.0101	Trần Thị Minh Khuyên	26/07/1987	95,5	
102	01DN.1.0102	Luyện Ngọc Cao Kỳ	15/10/2001	58,75	
103	01DN.1.0103	Nguyễn Danh Lam	30/09/1988	64,25	
104	01DN.1.0104	Cao Tiên Lâm	16/04/1987	95,25	
105	01DN.1.0105	Phạm Tiến Lâm	22/12/1984	93,5	
106	01DN.1.0106	Phạm Mai Lan	20/12/1992	98	
107	01DN.1.0107	Nguyễn Thị Lê	30/07/1984	86,75	
108	01DN.1.0108	Trần Thị Mỹ Lệ	12/08/1980	96,5	
109	01DN.1.0109	Nguyễn Lê Nhật Lệ	15/03/1990	74,25	
110	01DN.1.0110	Võ Đăng Linh	12/07/1988	98	
111	01DN.1.0111	Nguyễn Thị Hoàng Linh	05/03/1988	100	
112	01DN.1.0112	Nguyễn Tấn Linh	29/09/1994	96,5	
113	01DN.1.0113	Trần Viết Lĩnh	13/10/1991	100	
114	01DN.1.0114	Võ Lê Kim Loan	15/06/1985	93	
115	01DN.1.0115	Nguyễn Văn Lộc	18/08/1988	88,75	
116	01DN.1.0116	Ngô Thị Lợi	27/10/1997	93	
117	01DN.1.0117	Nguyễn Phước Long	01/08/1988	98	
118	01DN.1.0118	Nguyễn Quang Long	22/10/1995	96	
119	01DN.1.0119	Nguyễn Dương Luân	16/01/1990	80,5	
120	01DN.1.0120	Mai Văn Lực	15/07/1988	95,5	
121	01DN.1.0121	Lương Lượm	12/09/1992	86	
122	01DN.1.0122	Lê Thị Hoài Lương	22/03/1990	100	
123	01DN.1.0123	Đặng Thảo Ly	08/11/1994	74	
124	01DN.1.0124	Phan Phước Lý	29/01/1986	96	
125	01DN.1.0125	Huỳnh Mai	02/10/1970	93	
126	01DN.1.0126	Hà Đức Minh	01/11/1979	98	
127	01DN.1.0127	Huỳnh Kim Minh	15/02/1979	95	
128	01DN.1.0128	Phạm Ngọc Minh	12/04/1996	78,25	
129	01DN.1.0129	Nguyễn Hồ Tấn Minh	06/05/2001	96	
130	01DN.1.0130	Nguyễn Thành Minh	03/08/1985	100	
131	01DN.1.0131	Phan Thành Minh	28/12/1986	93,25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
132	01DN.1.0132	Bùi Xuân Minh	17/02/1979	97,5	
133	01DN.1.0133	Dương Nữ Hà My	19/07/1989	-	Không thi
134	01DN.1.0134	Hoàng Thảo My	21/10/1993	98,5	
135	01DN.1.0135	Nguyễn Thị Việt Mỹ	25/09/1989	93,25	
136	01DN.1.0136	Nguyễn Thị Hồng My	01/11/1976	91,25	
137	01DN.1.0137	Lê Thị Như My	30/07/1989	92,5	
138	01DN.1.0138	Nguyễn Khoa Na	12/10/1980	85,5	
139	01DN.1.0139	Hoàng Danh Nam	01/12/1981	86,25	
140	01DN.1.0140	Lê Hữu Nam	28/12/1980	74,75	
141	01DN.1.0141	Văn Ngọc Nam	28/07/1970	97,25	
142	01DN.1.0142	Nguyễn Trung Nam	14/06/1983	100	
143	01DN.1.0143	Đoàn Thị Thanh Nga	08/03/1979	98,5	
144	01DN.1.0144	Nguyễn Thị Thanh Nga	12/09/1989	64,25	
145	01DN.1.0145	Trần Thành Nga	05/03/1993	80,75	
146	01DN.1.0146	Trần Thị Nga	27/11/1988	81	
147	01DN.1.0147	Võ Thị Kim Ngân	24/12/1986	77,5	
148	01DN.1.0148	Lê Thanh Nghị	11/01/1984	93,75	
149	01DN.1.0149	Trần Quốc Nghĩa	20/11/1979	98	
150	01DN.1.0150	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/09/1993	89	
151	01DN.1.0151	Trần Thị Bích Ngọc	03/05/1990	61,25	
152	01DN.1.0152	Nguyễn Nho Ngọc	26/10/1985	-	Không thi
153	01DN.1.0153	Nguyễn Thị Ngọc	07/08/1992	85,25	
154	01DN.1.0154	Lê Thị Thu Nguyệt	04/08/1992	94,5	
155	01DN.1.0155	Đặng Thị Nhân	13/05/1980	94,75	
156	01DN.1.0156	Huỳnh Thế Nhân	13/03/1977	84,25	
157	01DN.1.0157	Lương Quốc Nhật	18/07/2001	90,5	
158	01DN.1.0158	Chế Việt Nhật	30/12/1998	98	
159	01DN.1.0159	Lê Thị Yên Nhi	08/06/1991	94,75	
160	01DN.1.0160	Phạm Ngọc Hà Ny	26/01/1986	85,25	
161	01DN.1.0161	Trần Thị Hoàng Oanh	19/03/1993	100	
162	01DN.1.0162	Phan Thị Ngọc Oanh	05/09/1973	100	
163	01DN.1.0163	Võ Thị Oanh	03/03/1995	100	
164	01DN.1.0164	Mạc Thị Phận	10/05/1993	90,25	
165	01DN.1.0165	Nguyễn Quốc Pháp	25/07/1986	98	
166	01DN.1.0166	Lê Vũ Phong	12/12/1986	76,5	
167	01DN.1.0167	Nguyễn Văn Phú	02/04/1990	98,5	
168	01DN.1.0168	Đỗ Xuân Phú	15/07/1994	100	
169	01DN.1.0169	Trần Thị Hồng Phúc	14/06/1994	98,5	
170	01DN.1.0170	Trần Hữu Phước	10/06/1979	100	
171	01DN.1.0171	Lưu Văn Phước	10/01/1980	100	
172	01DN.1.0172	Phan Văn Phước	04/10/1991	100	
173	01DN.1.0173	Dương Thị Hà Phương	26/01/1998	62	
174	01DN.1.0174	Hồ Thị Ngọc Phượng	24/12/2000	95,25	
175	01DN.1.0175	Bùi Văn Phượng	03/09/1997	95	
176	01DN.1.0176	Nguyễn Huy Anh Quân	30/10/1995	78,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
177	01DN.1.0177	Hoàng Thị Quang	30/11/1987	96	
178	01DN.1.0178	Nguyễn Trường Quang	05/02/1991	95,25	
179	01DN.1.0179	Hồ Bùi Văn Quang	29/12/1999	94,25	
180	01DN.1.0180	Đỗ Vinh Quang	03/09/1987	91,75	
181	01DN.1.0181	Từ Văn Quốc	17/10/1994	98	
182	01DN.1.0182	Lê Thái Ngọc Quyên	21/10/1997	98,5	
183	01DN.1.0183	Võ Tử Quyên	20/07/1984	100	
184	01DN.1.0184	Nguyễn Đăng Quyết	04/11/1993	93,75	
185	01DN.1.0185	Trương Đình Ngọc Sang	04/07/1993	81,25	
186	01DN.1.0186	Phạm Công Sơn	15/01/1989	96,5	
187	01DN.1.0187	Hoàng Quang Sơn	22/03/1986	94,5	
188	01DN.1.0188	Trương Thái Sơn	06/07/1984	98,75	
189	01DN.1.0189	Nguyễn Thanh Sơn	03/04/1982	88,5	
190	01DN.1.0190	Mai Văn Tam	10/07/1993	78	
191	01DN.1.0191	Nguyễn Bá Tám	25/07/1972	96,5	
192	01DN.1.0192	Nguyễn Công Tâm	06/03/1985	95,75	
193	01DN.1.0193	Lê Vũ Tâm	17/07/1975	95	
194	01DN.1.0194	Phan Khắc Thạch	20/03/1997	96,5	
195	01DN.1.0195	Phạm Đình Thắng	18/09/1983	82	
196	01DN.1.0196	Nguyễn Quang Thắng	27/08/1991	95,25	
197	01DN.1.0197	Đỗ Quốc Thắng	05/03/1984	89	
198	01DN.1.0198	Nguyễn Quốc Thắng	07/11/1986	91,5	
199	01DN.1.0199	Nguyễn Thị Hòa Thanh	17/09/1997	98	
200	01DN.1.0200	Trương Trần Huyền Thanh	27/05/1987	96,75	
201	01DN.1.0201	Trần Văn Thành	24/07/1991	94	
202	01DN.1.0202	Đặng Vĩnh Thành	18/08/1990	83,25	
203	01DN.1.0203	Lê Thảo	19/12/1979	100	
204	01DN.1.0204	Huỳnh Thị Phương Thảo	25/09/1976	88,75	
205	01DN.1.0205	Hoàng Thị Mai Thi	10/01/1995	93,75	
206	01DN.1.0206	Lê Thị Quỳnh Thi	26/02/1983	98,75	
207	01DN.1.0207	Đặng Trung Thi	16/12/1974	100	
208	01DN.1.0208	Trần Đình Thích	01/06/1973	98	
209	01DN.1.0209	Ngô Quốc Thịnh	05/05/1973	93,25	
210	01DN.1.0210	Phan Tuấn Thịnh	12/08/1980	96,75	
211	01DN.1.0211	Lê Văn Thịnh	17/12/1995	90	
212	01DN.1.0212	Nguyễn Văn Thọ	20/02/1994	100	
213	01DN.1.0213	Phùng Thị Kim Thoa	16/01/1988	96,5	
214	01DN.1.0214	Nguyễn Thị Thơm	25/03/1983	87,5	
215	01DN.1.0215	Bùi Quang Thông	04/02/1982	76,75	
216	01DN.1.0216	Đoàn Thị Kiều Thu	26/08/1976	96,5	
217	01DN.1.0217	Trần Thị Anh Thu	30/08/1987	83,5	
218	01DN.1.0218	La Hoài Thương	10/05/1991	100	
219	01DN.1.0219	Phạm Thị Thương	10/01/1980	96,5	
220	01DN.1.0220	Nguyễn Mạnh Thường	24/11/1979	95	
221	01DN.1.0221	Phan Thanh Thủy	23/05/1982	91,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
222	01DN.1.0222	Nguyễn Thị Thủy	10/05/1982	92,75	
223	01DN.1.0223	Đỗ Thị Thu Thủy	12/08/1984	100	
224	01DN.1.0224	Thái Vũ Tiến	18/11/1976	100	
225	01DN.1.0225	Trần Lê Xuân Tình	04/03/1990	96,75	
226	01DN.1.0226	Trần Thị Tĩnh	15/05/1988	62,25	
227	01DN.1.0227	Nguyễn Đức Toàn	09/05/1978	98	
228	01DN.1.0228	Huỳnh Thanh Toàn	01/08/1987	89	
229	01DN.1.0229	Trần Thị Bảo Trâm	29/05/1997	100	
230	01DN.1.0230	Hoàng Thị Đình Trang	11/01/1982	96,5	
231	01DN.1.0231	Phí Hồng Trang	28/12/1981	100	
232	01DN.1.0232	Ngô Nguyễn Thùy Trang	26/06/2000	100	
233	01DN.1.0233	Lê Minh Trí	03/03/1996	95	
234	01DN.1.0234	Ngô Quốc Khánh Trình	06/03/1990	94,5	
235	01DN.1.0235	Nguyễn Hoàng Trung	26/12/1993	96	
236	01DN.1.0236	Nguyễn Ngô Quang Trung	10/06/1984	97,25	
237	01DN.1.0237	Nguyễn Thành Trung	28/08/1992	93,5	
238	01DN.1.0238	Lê Viết Trung	01/01/2000	85	
239	01DN.1.0239	Phạm Duy Trường	03/10/1992	98,5	
240	01DN.1.0240	Dương Anh Tuấn	19/03/1981	89,25	
241	01DN.1.0241	Lê Anh Tuấn	15/08/1987	49,5	
242	01DN.1.0242	Nguyễn Anh Tuấn	20/11/1972	92,25	
243	01DN.1.0243	Ngô Minh Tuấn	20/04/1997	100	
244	01DN.1.0244	Nguyễn Tuấn	08/09/1987	96,75	
245	01DN.1.0245	Lê Quang Tuấn	25/03/1984	100	
246	01DN.1.0246	Nguyễn Thị Thanh Tùng	02/05/1985	97,25	
247	01DN.1.0247	Nguyễn Hữu Tuyển	25/08/1977	80	
248	01DN.1.0248	Lê Thị Tuyết	01/12/1990	93,5	
249	01DN.1.0249	Nguyễn Thị Tố Uyên	26/12/1992	85,25	
250	01DN.1.0250	Trần Tú Uyên	20/10/2002	90,75	
251	01DN.1.0251	Trần Phước Khánh Vân	05/09/1981	98	
252	01DN.1.0252	Cao Thanh Văn	15/06/1982	56,5	
253	01DN.1.0253	Đỗ Đoàn Viên	14/06/1976	96,5	
254	01DN.1.0254	Lê Anh Việt	25/10/1987	97,25	
255	01DN.1.0255	Trần Quốc Việt	10/06/1982	98	
256	01DN.1.0256	Vũ Thiện Việt	05/06/1986	96,5	
257	01DN.1.0257	Đặng Thế Vinh	25/10/1991	87,5	
258	01DN.1.0258	Trương Xuân Vinh	17/09/1989	98,5	
259	01DN.1.0259	Võ Đức Vĩnh	20/08/1990	97,5	
260	01DN.1.0260	Nguyễn Xuân Vĩnh	10/02/1990	100	
261	01DN.1.0261	Nguyễn Ngọc Vôn	02/02/1990	92,5	
262	01DN.1.0262	Võ Quang Lê Hoàng Vũ	05/03/1990	100	
263	01DN.1.0263	Ông Văn Huyền Vũ	17/11/1982	86,5	
264	01DN.1.0264	Hồ Khoa Vũ	11/11/1990	92,75	
265	01DN.1.0265	Nguyễn Nguyên Vũ	01/03/1990	100	
266	01DN.1.0266	Nguyễn Đình Tuấn Vũ	01/02/1996	100	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
267	01DN.1.0267	Huỳnh Văn Vũ	19/05/1995	93,75	
268	01DN.1.0268	Ngô Thanh Vương	11/06/1985	90,5	
269	01DN.1.0269	Lê Quang Vỹ	11/06/1992	87,25	
270	01DN.1.0270	Đặng Văn Xuân	02/12/1980	92,75	
271	01DN.1.0271	Lê Đức Ý	19/06/2001	78,75	

KẾT QUẢ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU KỲ 01
ĐIỂM THI ĐÀ NẴNG (TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
1	01DN.2.0001	Lê Võ Sĩ An	02/10/1991	100	
2	01DN.2.0002	Phạm Thành An	02/02/1990	98	
3	01DN.2.0003	Đặng Quốc Anh	01/01/1981	98,75	
4	01DN.2.0004	Hoàng Thảo Anh	16/04/1990	94	
5	01DN.2.0005	Nguyễn Thị Anh	24/09/1995	95	
6	01DN.2.0006	Đinh Tuấn Anh	31/08/1984	97,25	
7	01DN.2.0007	Nguyễn Hữu Tuấn Anh	11/04/1988	97,25	
8	01DN.2.0008	Bùi Thị Vân Anh	26/02/1985	86,5	
9	01DN.2.0009	Phan Đình Âu	28/01/1981	62	
10	01DN.2.0010	Võ Xuân Ba	12/04/1991	96,5	
11	01DN.2.0011	Nguyễn Kim Bách	05/06/1989	94,75	
12	01DN.2.0012	Nguyễn Đình Bằng	06/03/1982	98,5	
13	01DN.2.0013	Nguyễn Thanh Bình	10/04/1982	97	
14	01DN.2.0014	Dương Thị Thanh Bình	25/02/1987	100	
15	01DN.2.0015	Tô Văn Bình	20/12/1982	85,5	
16	01DN.2.0016	Nguyễn Văn Chinh	29/12/1977	87,25	
17	01DN.2.0017	Trần Văn Công	10/01/1980	81,25	
18	01DN.2.0018	Phạm Cao Cường	02/04/1990	93	
19	01DN.2.0019	Nguyễn Lê Cường	07/09/1982	95	
20	01DN.2.0020	Đinh Việt Cường	16/09/1971	96,5	
21	01DN.2.0021	Phan Việt Cường	26/06/1988	98,75	
22	01DN.2.0022	Thân Văn Đại	17/03/1987	87,75	
23	01DN.2.0023	Nguyễn Hữu Danh	30/07/1992	95	
24	01DN.2.0024	Bùi Khắc Danh	22/05/1990	100	
25	01DN.2.0025	Nguyễn Hữu Như Danh	10/07/1988	89	
26	01DN.2.0026	Phan Huỳnh Đạt	20/08/1997	83,25	
27	01DN.2.0027	Ngô Tiến Đạt	09/10/1993	97,25	
28	01DN.2.0028	Trần Thị Hồng Diễm	06/05/1983	89,25	
29	01DN.2.0029	Trần Xuân Diệp	20/12/1988	82,5	
30	01DN.2.0030	Tổng Phước Đoan	26/03/1993	92,25	
31	01DN.2.0031	Huỳnh Vũ Đông	05/09/1979	98,5	
32	01DN.2.0032	Trần Anh Dũng	08/03/1981	92	
33	01DN.2.0033	Nguyễn Đăng Dũng	10/10/1964	87,75	
34	01DN.2.0034	Nguyễn Tiến Dũng	18/10/1989	94,75	
35	01DN.2.0035	Lê Văn Dũng	01/05/1980	89	
36	01DN.2.0036	Trương Thụy Dương	08/09/1990	95	
37	01DN.2.0037	Hà Văn Dương	28/04/1991	95	
38	01DN.2.0038	Lê Nguyễn Quang Duy	10/04/1985	95	
39	01DN.2.0039	Nguyễn Tam Duy	18/01/1981	98	
40	01DN.2.0040	Hoàng Thị Mỹ Duyên	02/09/1993	96	
41	01DN.2.0041	Phan Thị Mỹ Duyên	26/04/1989	83,25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
42	01DN.2.0042	Nguyễn Hoàng Giang	19/06/1992	86,25	
43	01DN.2.0043	Lê Quỳnh Giao	05/07/1980	96,5	
44	01DN.2.0044	Phạm Giải	01/01/1987	95,25	
45	01DN.2.0045	Phạm Duy Hà	04/05/1987	72,25	
46	01DN.2.0046	Đinh Nữ Hoàng Hà	30/12/1991	93,5	
47	01DN.2.0047	Nguyễn Thị Ngân Hà	29/01/1999	96,5	
48	01DN.2.0048	Trần Thái Hà	19/05/1993	98	
49	01DN.2.0049	Hoàng Thị Thu Hà	30/08/1998	100	
50	01DN.2.0050	Nguyễn Thị Thu Hà	18/09/1986	93,5	
51	01DN.2.0051	Trần Đăng Hải	10/03/1983	81	
52	01DN.2.0052	Phan Đình Hải	20/10/1978	97,25	
53	01DN.2.0053	Trần Minh Hải	25/07/1985	89,75	
54	01DN.2.0054	Lê Nam Hải	03/08/1984	100	
55	01DN.2.0055	Thái Vĩnh Hải	26/01/1982	95	
56	01DN.2.0056	Lê Thị Diệu Hằng	02/08/1993	97,5	
57	01DN.2.0057	Nguyễn Thị Lệ Hằng	10/09/1984	98,75	
58	01DN.2.0058	Phan Thị Thuý Hằng	04/09/1991	95,75	
59	01DN.2.0059	Phan Thị Hồng Hạnh	01/04/1987	96,5	
60	01DN.2.0060	Lê Thị Mỹ Hiền	26/10/1988	100	
61	01DN.2.0061	Nguyễn Thị Hiền	23/07/1979	94,5	
62	01DN.2.0062	Nguyễn Thị Hiền	24/12/1993	100	
63	01DN.2.0063	Nguyễn Duy Hiếu	20/04/1981	100	
64	01DN.2.0064	Nguyễn Trọng Hiếu	27/10/1983	96,75	
65	01DN.2.0065	Cao Thị Hoa	27/07/1993	95,75	
66	01DN.2.0066	Nguyễn Thị Tuyết Hoà	25/04/1979	94,75	
67	01DN.2.0067	Nguyễn Văn Hóa	05/05/1975	100	
68	01DN.2.0068	Nguyễn Đức Hòa	20/12/1976	98	
69	01DN.2.0069	Lê Thị Ngọc Hòa	07/11/1992	95,25	
70	01DN.2.0070	Nguyễn Văn Hòa	01/01/1994	98	
71	01DN.2.0071	Lê Việt Hòa	05/10/1995	97,5	
72	01DN.2.0072	Nguyễn Công Hoan	12/02/1990	96,75	
73	01DN.2.0073	Nguyễn Đăng Bảo Hoàng	18/08/1984	94,5	
74	01DN.2.0074	Nguyễn Vũ Hữu Hoàng	01/01/1993	93	
75	01DN.2.0075	Lê Quang Hoàng	12/09/1986	91,5	
76	01DN.2.0076	Nguyễn Ngọc Hội	18/12/1998	66,25	
77	01DN.2.0077	Ngô Thị Hồng	30/04/1978	48,25	
78	01DN.2.0078	Dương Kim Hùng	16/07/1988	89,75	
79	01DN.2.0079	Dương Ngọc Hùng	17/04/1990	98,75	
80	01DN.2.0080	Trần Ngọc Hùng	28/12/1999	85,25	
81	01DN.2.0081	Trần Phương Hùng	01/01/1978	94,75	
82	01DN.2.0082	Chung Sĩ Hùng	04/04/1984	100	
83	01DN.2.0083	Nguyễn Tấn Hùng	15/10/1990	98	
84	01DN.2.0084	Hồ Việt Hùng	08/02/1994	100	
85	01DN.2.0085	Phan Việt Tấn Hưng	16/11/1994	98	
86	01DN.2.0086	Đặng Nguyễn Thiên Hương	26/11/1981	97,25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
87	01DN.2.0087	Lê Thị Minh Hương	06/07/1987	100	
88	01DN.2.0088	Nguyễn Minh Huy	25/09/1992	97,25	
89	01DN.2.0089	Trần Ngọc Huy	22/10/1984	98	
90	01DN.2.0090	Trần Nhật Tân Huy	15/10/1985	91,5	
91	01DN.2.0091	Dương Văn Huy	20/10/1990	95,25	
92	01DN.2.0092	Nguyễn Xuân Huy	30/04/1993	95,25	
93	01DN.2.0093	Nguyễn Thị Khánh Huyền	09/11/1997	98	
94	01DN.2.0094	Nguyễn Duy Huỳnh	24/09/1991	93	
95	01DN.2.0095	Ngô Lê Quốc Khải	23/06/1999	78,25	
96	01DN.2.0096	Hoàng Quốc Khanh	08/08/1973	91,5	
97	01DN.2.0097	Bùi Đức Khánh	10/04/1993	96,5	
98	01DN.2.0098	Nguyễn Đình Duy Khánh	01/11/1984	100	
99	01DN.2.0099	Đỗ Minh Khánh	08/01/1984	100	
100	01DN.2.0100	Nguyễn Trọng Khánh	01/01/1989	98,5	
101	01DN.2.0101	Nguyễn Văn Khánh	28/10/1984	96,5	
102	01DN.2.0102	Trần Công Khoa	14/03/1980	93,75	
103	01DN.2.0103	Trần Lê Thanh Khoa	13/03/1996	94,5	
104	01DN.2.0104	Lê Khôi	20/06/1992	100	
105	01DN.2.0105	Nguyễn Gia Kiên	10/10/1984	94,5	
106	01DN.2.0106	Trương Văn Lại	20/02/1981	100	
107	01DN.2.0107	Ngô Lâm	02/03/1984	95,5	
108	01DN.2.0108	Hoàng Hữu Lân	29/04/1978	97,5	
109	01DN.2.0109	Lê Thị Lệ Liễu	21/07/1994	92,25	
110	01DN.2.0110	Nguyễn Thị Diệu Linh	18/06/1996	100	
111	01DN.2.0111	Hà Thị Linh	11/01/1986	98,5	
112	01DN.2.0112	Nguyễn Vân Linh	02/07/1973	98	
113	01DN.2.0113	Võ Phi Líp	18/08/1983	77	
114	01DN.2.0114	Lê Đức Long	21/04/1979	91,25	
115	01DN.2.0115	Nguyễn Viết Long	05/07/1988	100	
116	01DN.2.0116	Lâm Thị Cẩm Ly	09/12/1981	62	
117	01DN.2.0117	Nguyễn Thị Thanh Ly	17/10/1985	81,25	
118	01DN.2.0118	Phan Thị Sương Mai	19/05/1993	100	
119	01DN.2.0119	Dương Phước Minh	26/05/1981	100	
120	01DN.2.0120	Trần Thị Thanh Mơ	16/09/1992	90,5	
121	01DN.2.0121	Nguyễn Đức Nam	09/04/1986	98	
122	01DN.2.0122	Phạm Võ Hoài Nam	09/06/2000	90,5	
123	01DN.2.0123	Trương Hoài Nam	16/04/1987	84,5	
124	01DN.2.0124	Nguyễn Thanh Nam	01/12/1971	79,25	
125	01DN.2.0125	Trần Thanh Nam	04/07/1988	100	
126	01DN.2.0126	Lê Thị Thúy Nga	29/02/1988	100	
127	01DN.2.0127	Lê Thị Tố Nga	08/09/1987	100	
128	01DN.2.0128	Bùi Đăng Chí Nghĩa	26/04/1993	94,5	
129	01DN.2.0129	Phạm Công Nghĩa	24/01/1982	91	
130	01DN.2.0130	Nguyễn Thị Nghĩa	26/03/1982	98	
131	01DN.2.0131	Nguyễn Võ Trọng Nghĩa	23/03/1991	45	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
132	01DN.2.0132	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	08/06/1976	93,25	
133	01DN.2.0133	Đặng Quang Ngọc	01/01/1976	100	
134	01DN.2.0134	Đặng Quang Ngọc	20/03/1998	95,25	
135	01DN.2.0135	Võ Trần Chí Nguyên	17/12/1996	100	
136	01DN.2.0136	Nguyễn Ngọc Nguyên	24/03/1995	100	
137	01DN.2.0137	Lê Trần Thảo Nguyên	20/12/1999	100	
138	01DN.2.0138	Huỳnh Tâm Như Nguyễn	10/05/1975	100	
139	01DN.2.0139	Trương Thị Thu Nguyệt	13/02/1976	82,5	
140	01DN.2.0140	Phan Thanh Nhân	05/09/1986	89,75	
141	01DN.2.0141	Bùi Hữu Chí Nhân	12/03/1998	90,75	
142	01DN.2.0142	Phạm Hồng Nhân	09/09/1978	93,5	
143	01DN.2.0143	Trương Tuyên Nhật	29/06/1981	96,75	
144	01DN.2.0144	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	02/10/1981	100	
145	01DN.2.0145	Đinh Hải Yến Nhi	06/05/1996	100	
146	01DN.2.0146	Lê Minh Phát	08/08/1991	92,5	
147	01DN.2.0147	Trần Vũ Phong	20/08/1985	89,75	
148	01DN.2.0148	Trương Minh Phòng	14/10/1982	98,75	
149	01DN.2.0149	Bùi Thiên Phú	26/02/1995	90,5	
150	01DN.2.0150	Lê Văn Phú	23/10/1987	96,5	
151	01DN.2.0151	Nguyễn Thị Hồng Phước	13/05/1988	77,5	
152	01DN.2.0152	Hồ Hữu Phước	20/12/1983	98	
153	01DN.2.0153	Lê Thị Phước	01/01/1986	100	
154	01DN.2.0154	Đỗ Thị Linh Phương	08/09/1999	94,5	
155	01DN.2.0155	Lê Mai Phương	14/11/1989	93	
156	01DN.2.0156	Trần Đình Phụng	12/10/1969	89,5	
157	01DN.2.0157	Nguyễn Đức Quang	01/10/1982	91,75	
158	01DN.2.0158	Nguyễn Viết Quang	14/11/1975	98,75	
159	01DN.2.0159	Nguyễn Ngọc Quý	29/03/1991	96,75	
160	01DN.2.0160	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12/08/1981	96,75	
161	01DN.2.0161	Trịnh Thị Như Quỳnh	03/03/1991	98,5	
162	01DN.2.0162	Hồ Xuân Sa	22/03/1995	88,75	
163	01DN.2.0163	Phan Sang	27/10/1989	89,25	
164	01DN.2.0164	Phạm Văn Sang	05/04/1988	88,5	
165	01DN.2.0165	Nguyễn Quang Sanh	16/11/1987	96,75	
166	01DN.2.0166	Ngô Duy Sơn	03/02/1980	96,5	
167	01DN.2.0167	Trần Hoàng Sơn	19/03/1987	90,25	
168	01DN.2.0168	Đặng Thái Sơn	04/04/2000	86,5	
169	01DN.2.0169	Trịnh Hưng Thái Sơn	15/12/1986	88,75	
170	01DN.2.0170	Bùi Thanh Sơn	26/10/1991	93	
171	01DN.2.0171	Lê Văn Sơn	05/05/1984	97,5	
172	01DN.2.0172	Tổng Viết Sơn	10/05/1979	96,5	
173	01DN.2.0173	Nguyễn Hữu Sửu	06/06/1986	100	
174	01DN.2.0174	Đinh Quang Sỹ	20/07/1982	97	
175	01DN.2.0175	Nguyễn Văn Sỹ	15/08/1995	93,25	
176	01DN.2.0176	Trần Văn Tâm	16/02/1990	76,25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
177	01DN.2.0177	Phan Bá Tạo	28/04/1994	100	
178	01DN.2.0178	Phan Bá Tất	05/10/1973	90	
179	01DN.2.0179	Lê Xuân Thạch	01/08/1987	93,75	
180	01DN.2.0180	Đinh Hồng Thái	29/09/1992	94,5	
181	01DN.2.0181	Nguyễn Công Thắng	06/02/1990	76	
182	01DN.2.0182	Trần Quang Thắng	13/06/1977	94,75	
183	01DN.2.0183	Nguyễn Văn Thắng	07/07/1991	96,75	
184	01DN.2.0184	Phan Hoài Thanh	01/08/1984	98,5	
185	01DN.2.0185	Phan Thị Hoài Thanh	03/06/1977	86	
186	01DN.2.0186	Phạm Triệu Thanh	22/03/1989	86,75	
187	01DN.2.0187	Huỳnh Văn Thanh	23/06/1981	87	
188	01DN.2.0188	Nguyễn Ái Thành	02/12/1976	100	
189	01DN.2.0189	Hoàng Chí Thành	21/09/1978	81	
190	01DN.2.0190	Trần Đức Thành	26/03/1979	84,25	
191	01DN.2.0191	Lê Nhật Thành	27/09/1991	92,75	
192	01DN.2.0192	Lê Quang Thành	20/08/1985	91,75	
193	01DN.2.0193	Nguyễn Quang Thành	28/06/1983	96,5	
194	01DN.2.0194	Hồ Văn Thành	15/04/1992	98,5	
195	01DN.2.0195	Ngô Xuân Thao	04/06/1982	96,5	
196	01DN.2.0196	Trần Thị Hoài Thảo	20/04/1991	94,5	
197	01DN.2.0197	Đinh Thị Hương Thảo	15/07/1983	96,75	
198	01DN.2.0198	Trần Ngọc Thảo	30/05/1997	93,75	
199	01DN.2.0199	Đỗ Văn Thao	01/04/1984	100	
200	01DN.2.0200	Nguyễn Thị Thu Thê	17/02/1998	97	
201	01DN.2.0201	Trần Đình Thịnh	20/03/1984	94,75	
202	01DN.2.0202	Nguyễn Đức Thịnh	11/09/1991	100	
203	01DN.2.0203	Lê Thị Lệ Thu	20/11/1990	95,25	
204	01DN.2.0204	Đỗ Huỳnh Anh Thư	11/02/1986	98,5	
205	01DN.2.0205	Trần Kim Thư	07/11/1998	96,5	
206	01DN.2.0206	Trương Bá Thuận	20/05/1986	91,75	
207	01DN.2.0207	Nguyễn Đức Thuận	02/03/1989	100	
208	01DN.2.0208	Lê Thị Mỹ Thuận	16/07/1996	86,25	
209	01DN.2.0209	Doãn Thị Lệ Thuật	10/12/1979	100	
210	01DN.2.0210	Đào Văn Thực	20/08/1991	91,75	
211	01DN.2.0211	Trần Hoài Thương	01/06/1988	97	
212	01DN.2.0212	Mai Nguyễn Thanh Thủy	22/11/1986	96,75	
213	01DN.2.0213	Nguyễn Thị Thủy	02/04/1973	64,25	
214	01DN.2.0214	Huỳnh Thị Thu Thủy	25/04/1977	98	
215	01DN.2.0215	Nguyễn Minh Thuyên	29/06/1987	98	
216	01DN.2.0216	Nguyễn Hữu Tình	12/04/1995	88,5	
217	01DN.2.0217	Nguyễn Thị Tình	10/11/1993	100	
218	01DN.2.0218	Huỳnh Toàn	15/01/1978	97,5	
219	01DN.2.0219	Lê Văn Toàn	10/02/1986	66,5	
220	01DN.2.0220	Trần Thị Minh Trâm	23/02/2000	85,5	
221	01DN.2.0221	Trần Thị Thanh Trâm	23/04/1979	90	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
222	01DN.2.0222	Đoàn Thu Trang	19/12/1985	95,25	
223	01DN.2.0223	Ngô Thị Thùy Trang	08/04/1984	47	
224	01DN.2.0224	Trần Văn Diễm Tràng	13/03/1992	90	
225	01DN.2.0225	Nguyễn Bảo Tri	28/11/1980	95,25	
226	01DN.2.0226	Đinh Văn Trí	10/03/1995	90	
227	01DN.2.0227	Nguyễn Thị Ngọc Triều	13/05/2002	91	
228	01DN.2.0228	Nguyễn Hạnh Trinh	26/06/1992	98,5	
229	01DN.2.0229	Đàm Đức Trọng	05/11/1994	98	
230	01DN.2.0230	Trần Xuân Trọng	15/03/1982	92,5	
231	01DN.2.0231	Lê Ngô Thanh Trúc	02/05/1996	91,5	
232	01DN.2.0232	Đào Chí Trung	03/06/1993	73,5	
233	01DN.2.0233	Đặng Phạm Minh Trung	01/05/1993	89	
234	01DN.2.0234	Hoàng Minh Trung	30/01/1981	92,75	
235	01DN.2.0235	Tạ Minh Trung	28/03/1972	84,75	
236	01DN.2.0236	Cái Văn Trung	12/11/1988	76,75	
237	01DN.2.0237	Phạm Ngọc Trường	12/06/1985	98,75	
238	01DN.2.0238	Nguyễn Thanh Trường	25/11/1988	84,5	
239	01DN.2.0239	Lê Văn Trường	20/04/1990	89,5	
240	01DN.2.0240	Nguyễn Trường Anh Tú	08/02/1990	83,75	
241	01DN.2.0241	Huỳnh Thị Diễm Tú	05/10/1978	97,25	
242	01DN.2.0242	Lê Lương Mỹ Tú	10/10/1984	98,75	
243	01DN.2.0243	Lê Anh Tuấn	03/11/1988	98	
244	01DN.2.0244	Nguyễn Văn Anh Tuấn	02/08/1997	98,5	
245	01DN.2.0245	Nguyễn Hoàng Tuấn	17/12/1997	88,5	
246	01DN.2.0246	Phan Mạnh Tuấn	20/11/1999	96,75	
247	01DN.2.0247	Đinh Minh Tuấn	16/08/1987	93,75	
248	01DN.2.0248	Trương Minh Tuấn	20/05/1989	92,5	
249	01DN.2.0249	Phan Huy Tùng	27/03/1998	100	
250	01DN.2.0250	Nguyễn Lê Thị Hoàng Uyên	28/02/1979	88,75	
251	01DN.2.0251	Võ Kim Uyên	15/10/1989	85,75	
252	01DN.2.0252	Nguyễn Hồng Vân	27/10/1987	91,25	
253	01DN.2.0253	Bùi Thị Vân	29/08/1997	98,5	
254	01DN.2.0254	Võ Văn Văn	07/03/1995	96,5	
255	01DN.2.0255	Phạm Ngọc Viên	12/10/1983	94,5	
256	01DN.2.0256	Lê Quốc Việt	01/01/1991	75,75	
257	01DN.2.0257	Mai Quốc Việt	27/06/1994	82,25	
258	01DN.2.0258	Nguyễn Quốc Việt	22/08/1993	100	
259	01DN.2.0259	Đặng Bá Vinh	02/06/1981	-	Không thi
260	01DN.2.0260	Nguyễn Ngọc Vinh	29/01/1998	96,75	
261	01DN.2.0261	Bùi Quang Vinh	18/08/1992	46,25	
262	01DN.2.0262	Nguyễn Quang Vinh	10/05/1992	96,5	
263	01DN.2.0263	Trần Văn Vinh	01/01/1990	94,5	
264	01DN.2.0264	Nguyễn Vũ	24/09/1969	89,5	
265	01DN.2.0265	Trần Phong Vũ	21/10/1991	94,25	
266	01DN.2.0266	Nguyễn Tuấn Vũ	26/05/1998	95,25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
267	01DN.2.0267	Nguyễn Văn Vũ	13/07/1984	100	
268	01DN.2.0268	Bùi Quang Vui	12/03/1979	94,5	
269	01DN.2.0269	Nguyễn Trần Ngọc Vương	08/02/1973	91	
270	01DN.2.0270	Nguyễn Hạ Vy	05/09/1996	79,75	
271	01DN.2.0271	Trần Văn Xuân	28/08/1987	93	
272	01DN.2.0272	Võ Thị Hoàng Yến	07/10/1979	98,75	
273	01DN.2.0273	Phạm Thị Yến	31/12/1981	94,5	